

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Cao Thị Hải Linh
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Hoàng Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP
CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH
SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Cao Thị Hải Linh

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Hoàng Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Cao Thị Hải Linh

Mã SV: 120476

Lớp: QT 1202K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây dựng và đầu tư hạ tầng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp

- Mô tả, khảo sát, nghiên cứu, đánh giá thực trạng hạch toán kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hạ Tầng năm 2011.

- Kiến nghị phương hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hạ Tầng.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về tình hình kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hạ Tầng trong 3 năm gần đây.

- Số liệu về thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hạ Tầng.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hạ Tầng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Hoàng Thị Ngà**

Học hàm, học vị: **Thạc sỹ**

Cơ quan công tác: **Trường Cao Đẳng Cộng Đồng Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn:

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Cao Thị Hải Linh

Hoàng Thị Ngà

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

Trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp, sinh viên Cao Thị Hải Linh có tinh thần trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, luôn chủ động, sáng tạo, tích cực, cầu tiến bộ có thái độ nghiêm túc, khiêm tốn và học hỏi

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Khoá luận là một công trình nghiên cứu khoa học có giá trị tham khảo tốt trong nghiên cứu và thực tiễn quản lý. Khoá luận đáp ứng yêu cầu và đặt ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các phương diện:

Nội dung của khoá luận phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Tên, nội dung và kết quả của khoá luận không hoàn toàn trùng lặp với các công trình nghiên cứu khác.

Khoá luận nêu lên những vấn đề lý luận mang tính hệ thống về đề tài nghiên cứu, là cơ sở vững chắc cho việc tìm hiểu, đánh giá và đề xuất hoàn thiện thực tiễn

Khoá luận đã trình bày và đánh giá thực trạng một cách xác đáng, số liệu được dẫn chứng và tính toán khá logic.

Những ý kiến đề xuất trong khoá luận bước đầu thể hiện được tính thuyết phục có cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

Kết cấu khoá luận hợp lý, hình thức trình bày khoa học, văn phong trong sáng

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

- Điểm bằng số: 9,8
- Điểm bằng chữ: Chín phẩy tám

Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2012

Cán bộ hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hoàng Thị Ngà

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP 1

1.1 Những vấn đề cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp	1
1.1.1 Đặc điểm sản phẩm xây lắp có ảnh hưởng đến kế toán CPSX và tính GTSP trong các doanh nghiệp xây lắp	1
1.1.2 Khái niệm chi phí sản xuất và giá thành	2
1.1.2.1 Khái niệm chi phí sản xuất	2
1.1.2.2 Khái niệm giá thành sản phẩm	3
1.1.2.3 Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	3
1.1.3 Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	4
1.1.3.1 Phân loại chi phí sản xuất	4
1.1.3.2 Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp	8
1.1.4. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	11
1.1.5 Phương pháp tính	13
1.1.5.1 Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất	13
1.1.5.2 Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang	14
1.1.5.3 Phương pháp tính giá thành sản phẩm	16
1.2 Tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp	17
1.2.1 Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	17
1.2.2 Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán	18
1.2.2.1 Hình thức Nhật ký chung	20
1.2.2.2 Hình thức Chứng từ ghi sổ	22
1.2.2.3 Hình thức Nhật ký – Chứng từ	23
1.2.2.4 Hình thức Nhật ký – Sổ cái	24

1.2.2.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính	25
1.2.3 Nội dung hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên	26
1.2.3.1 Hạch toán chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	26
1.2.3.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp	27
1.2.3.3 Kế toán chi phí sử dụng máy thi công	28
1.2.3.4 Kế toán chi phí sản xuất chung	29
1.2.3.5 Tổng hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm	30
1.2.4 Kế toán các khoản thiệt hại trong sản xuất xây lắp	33
1.2.4.1 Thiệt hại phá đi làm lại	33
1.2.4.2 Thiệt hại ngừng sản xuất	33
1.2.5 Hạch toán theo phương thức khoán trong doanh nghiệp xây lắp	34
1.2.6 Hình thức tổ chức kế toán	34
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	37
2.1 Khái quát chung về Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng	37
2.1.1 Tên, địa chỉ của Công ty	37
2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển	37
2.1.3 Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh	39
2.1.3.1 Chức năng, nhiệm vụ	39
2.1.3.2 Đặc điểm quy trình tổ chức sản xuất kinh doanh	40
2.1.5 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	42
2.1.6 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán	45
2.1.6.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán	45
2.1.6.2. Chế độ kế toán và hình thức kế toán	47
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng	50
2.2.1. Đặc điểm thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất	50
2.2.1.1. Nguyên tắc kế toán chi phí sản xuất ở Công ty	50

2.2.1.2. Đối tượng, phương pháp tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty	50
2.2.1.3. Đối tượng, kỳ hạn và phương pháp tính giá thành sản phẩm	51
2.2.2. Nội dung trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành	52
2.2.2.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	57
2.2.2.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp	63
2.2.2.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung	73
2.2.2.4. Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm	84
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	100
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty Cổ phần xây dựng và Đầu tư hạ tầng.....	100
3.3.1. Ưu điểm	100
3.3.2. Hạn chế	102
3.1.3. Tính tất yếu hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	103
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng	105
3.3. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm tại Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng	113
3.3.1. Về phía Nhà nước	113
3.3.2. Về phía Doanh nghiệp	113
KẾT LUẬN	114

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khoá luận này, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến:

Các thầy giáo, cô giáo dạy trong trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã tận tình truyền đạt kiến thức nền tảng cơ sở, kiến thức chuyên sâu về Kế toán - Kiểm toán và cả kinh nghiệm sống quý báu, thực sự hữu ích cho bản thân em trong thời gian thực tập và cả sau này.

Cô giáo – Ths. Hoàng Thị Nga đã hết lòng hỗ trợ và giúp đỡ em từ khâu chọn đề tài, cách thức tiếp cận thực tiễn tại đơn vị thực tập cho đến khi hoàn thành khoá luận.

Các cán bộ, nhân viên Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hạ Tầng đã tạo cho em cơ hội được thực tập tại phòng Kế toán – Tài vụ của Công ty. Các cô, bác của các bộ phận đặc biệt là chị Lại Thị Minh Ngọc – Phó phòng Kế toán tài vụ và cô Nguyễn Thị Thu Bình - kế toán Xí nghiệp xây dựng số 4 của Công ty đã nhiệt tình hướng dẫn và cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu, giúp em hoàn thiện khoá luận này đúng thời hạn và nội dung quy định.

Cuối cùng, em chúc các thầy cô cùng các cô, bác làm việc tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hạ Tầng dồi dào sức khỏe, thành công, hạnh phúc trong cuộc sống.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung	20
Sơ đồ 1.2. Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	22
Sơ đồ 1.3. Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ	23
Sơ đồ 1.4. Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái	24
Sơ đồ 1.5. Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính	25
Sơ đồ 1.6. Một số nghiệp vụ cơ bản về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	32
Sơ đồ 2.1. Khái quát quy trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư hạ tầng	41
Sơ đồ 2.2. Mô hình tổ chức Công ty Cổ phần xây dựng và Đầu tư hạ tầng	42
Sơ đồ 2.3. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán	45
Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán tại phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư hạ tầng	48
Sơ đồ 2.5. Quy trình hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Xí nghiệp xây dựng số 4	49

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1. Tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh	39
Biểu 2.2. Hợp đồng giao khoán nội bộ	53
Biểu 2.3. Quyết định chỉ định bộ máy thi công	56
Biểu 2.4. Biên bản giao nhận vật tư	59
Biểu 2.5. Phiếu nhập kho	60
Biểu 2.6. Phiếu xuất kho	61
Biểu 2.7. Trích bảng kê vật tư xuất kho tháng 8/2011	62
Biểu 2.8. Hợp đồng giao khoán nhân công	65
Biểu 2.9. Biên bản nghiệm thu nội bộ công việc	68
Biểu 2.10. Trích biên bản xác nhận công việc hoàn thành	70
Biểu 2.11. Trích bảng chấm công	71
Biểu 2.12. Trích bảng thanh toán lương nhân công trực tiếp	72
Biểu 2.13. Trích bảng thanh toán lương bộ phận gián tiếp	75
Biểu 2.14. Trích bảng phân bổ lương và bảo hiểm	76
Biểu 2.15. Giấy đề nghị thanh toán	78
Biểu 2.16. Hoá đơn tiền điện sáng tháng 8/2011	79
Biểu 2.17. Phiếu chi	80
Biểu 2.18. Hợp đồng thuê máy thi công	81
Biểu 2.19. Hoá đơn giá trị gia tăng	82
Biểu 2.20. Trích bảng kê chi phí dịch vụ mua ngoài	83
Biểu 2.21. Biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình	85
Biểu 2.22. Bảng tổng hợp chi tiết chi phí sản xuất	88
Biểu 2.23. Bảng tổng hợp chi phí sản xuất tính giá thành	88
Biểu 2.24. Trích sổ nhật ký chung	90
Biểu 2.25. Trích sổ cái tài khoản 621	92
Biểu 2.26. Trích sổ cái tài khoản 622	93
Biểu 2.27. Trích sổ cái tài khoản 627	94
Biểu 2.28. Trích sổ cái tài khoản 154	95
Biểu 2.29. Trích sổ chi tiết tài khoản 621	96

Biểu 2.30. Trích sổ chi tiết tài khoản 622	97
Biểu 2.31. Trích sổ chi tiết tài khoản 627	98
Biểu 2.32. Trích sổ chi tiết tài khoản 154	99
Biểu 2.33. Lập lại bảng phân bổ lương và bảo hiểm	109
Biểu 2.34. Phiếu kế toán	111
Biểu 2.35. Phiếu kế toán	112

BẢNG DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu viết tắt	Tên đầy đủ
1	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
2	BHXH	Bảo hiểm xã hội
3	BHYT	Bảo hiểm y tế
4	BTH	Bảng tổng hợp
5	BTTL	Bảng thanh toán lương
6	CP	Chi phí
7	CP NCTT	Chi phí nhân công trực tiếp
8	CP NVLTT	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
9	CP SD MTC	Chi phí sử dụng máy thi công
10	CP SXC	Chi phí sản xuất chung
11	CPSX	Chi phí sản xuất
12	CT	Công trình
13	GT	Giá thành
14	GTSP	Giá thành sản phẩm
15	HMCT	Hạng mục công trình
16	k/c	Kết chuyển
17	KLXL	Khối lượng xây lắp
18	KPCĐ	Kinh phí công đoàn
19	NVL	Nguyên vật liệu
20	QĐ_BTC	Quyết định - Bộ tài chính
21	SPDD	Sản phẩm dở dang
22	TK	Tài khoản
23	TKĐƯ	Tài khoản đối ứng
24	TSCĐ	Tài sản cố định
25	XDCB	Xây dựng cơ bản
26	UBND	Ủy ban nhân dân
27	XNXD	Xí nghiệp xây dựng

LỜI MỞ ĐẦU

1-Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu:

Với mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, và xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020, Đảng và Nhà nước ta lấy hiệu quả kinh tế-xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để định ra phương án phát triển. Trong những năm gần đây ngành công nghiệp xây dựng đang có những bước tăng trưởng và phát triển cao, đó là những công trình, hạng mục công trình có quy mô lớn và công nghệ hiện đại.

Sự hỗ trợ của công tác hạch toán kế toán trong doanh nghiệp xây dựng là hết sức cần thiết bởi hạch toán kế toán là công cụ có vai trò quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Thực hiện tốt công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sẽ hạn chế được những thất thoát, lãng phí và là cơ sở để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hạ Tầng với những công trình, hạng mục công trình lớn, thời gian thi công dài, công việc theo dõi, tính toán giá thành các công trình, hạng mục công trình chiếm phần lớn trong công việc kế toán của Công ty. Tuy nhiên kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty còn một số bất cập chưa được giải quyết. Vậy nên, tác giả mạnh dạn chọn đề tài “*Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hạ Tầng*”.

Đây là một đề tài khó, đã có nhiều công trình nghiên cứu trước đây về đề tài này nhưng còn nhiều vấn đề chưa được làm sáng tỏ.

2- Mục đích nghiên cứu của đề tài:

Trên cơ sở tìm hiểu tổng quan về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp, đồng thời qua nghiên cứu thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hạ Tầng năm 2011 từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty này.

3-Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1-Đối tượng nghiên cứu:

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Trong khuôn khổ đề tài này, tác giả lấy dẫn chứng minh họa về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá

thành sản phẩm công trình “Trường Trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”. Cụ thể do Xí nghiệp xây dựng số 4 thuộc Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hạ Tầng chịu trách nhiệm thi công.

3.2-Phạm vi nghiên cứu:

Nghiên cứu đối tượng nêu trên trong năm 2011 tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hạ Tầng.

4-Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

4.1-Ý nghĩa khoa học:

Bài khóa luận này góp phần hệ thống hóa được các vấn đề lý luận cơ bản về kế toán tập hợp CPSX và tính GTSP trong doanh nghiệp xây lắp.

4.2-Ý nghĩa thực tiễn:

Trên cơ sở khảo sát thực tế, phân tích, đánh giá, chỉ rõ những ưu điểm cần phát huy và những hạn chế cần nghiên cứu; những kiến nghị mà khóa luận đưa ra nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hạ Tầng. Đồng thời chỉ rõ những điều kiện cần thiết phải thực hiện từ phía Nhà nước và các cơ quan chủ quản cũng như bản thân Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hạ Tầng để tăng tính khả thi cho các giải pháp hoàn thiện.

5-Kết cấu của khóa luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, danh mục bảng biểu, sơ đồ, chữ viết tắt, tài liệu tham khảo, khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hạ Tầng.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hạ tầng.

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP****1.1 Những vấn đề cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp****1.1.1 Đặc điểm sản phẩm xây lắp có ảnh hưởng đến kế toán CPSX và tính GTSP trong các doanh nghiệp xây lắp**

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất quan trọng mang tính chất công nghiệp nhằm tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân. Một bộ phận lớn của thu nhập quốc dân, của quỹ tích lũy cùng với vốn đầu tư của nước ngoài được sử dụng trong lĩnh vực xây dựng cơ bản. So với các ngành sản xuất khác, ngành XDCCB có những đặc điểm về kinh tế - kỹ thuật riêng biệt, thể hiện rất rõ nét ở sản phẩm xây lắp và quá trình tạo ra sản phẩm của ngành. Điều này đã chi phối đến công tác kế toán CPSX và tính GTSP trong các doanh nghiệp xây lắp.

Sản phẩm xây lắp là những công trình xây dựng, vật kiến trúc... có quy mô lớn, kết cấu phức tạp mang tính đơn chiếc, thời gian sản xuất sản phẩm xây lắp lâu dài... Do đó, việc tổ chức quản lý và hạch toán sản phẩm xây lắp phải lập dự toán (dự toán thiết kế, dự toán thi công). Quá trình sản xuất xây lắp phải so sánh với dự toán, lấy dự toán làm thước đo, đồng thời để giảm bớt rủi ro phải mua bảo hiểm cho công trình xây lắp.

Sản phẩm xây lắp được thanh toán theo giá dự toán hoặc giá thỏa thuận với chủ đầu tư (giá đấu thầu), do đó tính chất hàng hóa của sản phẩm xây lắp không thể hiện rõ (vì đã quy định giá, người mua, người bán sản phẩm trước khi xây dựng thông qua hợp đồng giao nhận thầu).

Sản phẩm xây lắp cố định tại nơi sản xuất còn các điều kiện sản xuất (máy móc, thiết bị thi công, người lao động...) phải di chuyển theo địa điểm đặt sản phẩm. Đặc điểm này làm cho công tác quản lý sử dụng, hạch toán tài sản, vật tư rất phức tạp do ảnh hưởng của điều kiện thiên nhiên, thời tiết và dễ mất mát hư hỏng...

Sản phẩm xây lắp từ khi khởi công cho đến khi hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng thường kéo dài. Nó phụ thuộc vào quy mô, tính phức tạp về kỹ thuật của từng công trình. Quá trình thi công được chia thành nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn lại chia thành nhiều công việc khác nhau, các công việc thường diễn ra ngoài trời chịu tác động rất lớn của các nhân tố môi trường như nắng, mưa, lũ lụt... Đặc điểm này đòi hỏi việc tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ sao cho chất lượng công trình phải đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật theo dự toán thiết kế, đảm bảo chất lượng, kỹ mỹ thuật công trình.

Do đặc điểm của sản phẩm xây dựng nên quá trình để hoàn thành một sản phẩm dài hay ngắn tùy thuộc vào từng công trình, hạng mục công trình có quy mô lớn, nhỏ khác nhau.

Những đặc điểm trên ảnh hưởng rất lớn đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp. Công tác kế toán vừa phải đáp ứng yêu cầu chung về chức năng, nhiệm vụ kế toán của một doanh nghiệp sản xuất vừa phải đảm bảo phù hợp với đặc thù của loại hình doanh nghiệp xây lắp.

1.1.2 Khái niệm chi phí sản xuất và giá thành

1.1.2.1 Khái niệm chi phí sản xuất

Quá trình sản xuất trong các doanh nghiệp xây dựng là quá trình mà các doanh nghiệp phải thường xuyên đầu tư các loại chi phí khác nhau để đạt được mục đích là tạo ra khối lượng sản phẩm tương ứng, đó là quá trình chuyển biến của các loại vật liệu xây dựng thành phẩm dưới sự tác động của máy móc thiết bị và sức lao động của con người hay đó chính là sự chuyển biến của các yếu tố về tư liệu lao động và đối tượng lao động (hao phí về lao động vật hóa) dưới sự tác động có mục đích của sức lao động (hao phí về lao động sống) qua quá trình thi công sẽ trở thành sản phẩm xây dựng. Toàn bộ những hao phí này được thể hiện dưới hình thái giá trị đó là chi phí sản xuất.

“Chi phí sản xuất của đơn vị xây lắp là toàn bộ chi phí về lao động sống và lao động vật hóa phát sinh trong quá trình sản xuất và cấu thành nên giá thành của sản phẩm xây lắp.” [3, tr.533]

Chi phí sản xuất xây, lắp là toàn bộ các CPSX phát sinh trong lĩnh vực hoạt động sản xuất xây lắp, là cơ sở để hình thành GTSP xây lắp.

1.1.2.2 Khái niệm giá thành sản phẩm

Giá thành là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh kết quả hoạt động của sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

“Giá thành sản phẩm xây lắp là toàn bộ chi phí tính bằng tiền để hoàn thành khối lượng xây lắp theo quy định.” [3, tr.534]

Giá thành sản phẩm xây lắp là toàn bộ chi phí đã chi ra như chi phí vật tư, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí sản xuất chung tính cho từng công trình, hạng mục công trình hoặc khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành. Sản phẩm xây lắp có thể là kết cấu công việc hoặc giai đoạn của công việc, có thiết kế vào dự toán riêng, có thể là công trình, hạng mục công trình hoàn thành toàn bộ. Giá thành HMCT hoặc CT hoàn thành là GTSP cuối cùng của sản phẩm xây lắp.

Đi đôi với khái niệm “chi phí sản xuất” thì khái niệm “giá thành sản phẩm” được hiểu là “giá thành sản xuất sản phẩm” (không bao gồm các chi phí ngoài sản xuất tham gia vào giá thành toàn bộ sản phẩm xây lắp).

1.1.2.3 Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối quan hệ chặt chẽ biện chứng với nhau trong quá trình thi công xây lắp công trình, hạng mục công trình. Tuy nhiên hai khái niệm này có những điểm đặc biệt khác nhau:

CPSX phát sinh ở mỗi kỳ thường được kết tinh ở cả sản phẩm hoàn thành và sản phẩm dở dang. Mối quan hệ giữa CPSX và GTSP được thể hiện qua công thức:

$$Z = D_{dk} + C - D_{ck}$$

Trong đó: Z: Giá thành sản phẩm

D_{dk} : Trị giá sản phẩm làm dở đầu kỳ

D_{ck} : Trị giá sản phẩm làm dở cuối kỳ

C: Tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ

Như vậy, về mặt lượng, CPSX và GTSP thường không thống nhất với nhau bởi vì sản phẩm xây lắp thường lớn, thời gian thi công kéo dài, chi phí sản xuất phải bỏ ra trong nhiều kỳ, cuối mỗi kỳ thường có sản phẩm dở dang.

Trường hợp đặc biệt, nếu không có sản phẩm dở dang hoặc trị giá sản phẩm dở dang cuối kỳ bằng đầu kỳ thì: $Z = C$

Về mặt chất, nói đến CPSX là nói đến hao phí trong một thời kỳ, còn GTSP là chi phí của một đối tượng hoàn thành bàn giao.

1.1.3 Phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

1.1.3.1 Phân loại chi phí sản xuất

Xét về mặt lý luận cũng như trên thực tế, có rất nhiều cách khác nhau để phân loại chi phí như theo nội dung kinh tế, theo công dụng, theo vị trí, theo quan hệ của chi phí với quá trình sản xuất, v.v... Mỗi cách phân loại này đều đáp ứng ít, nhiều cho mục đích quản lý, hạch toán, kiểm soát chi phí phát sinh... ở các góc độ khác nhau. Trong các doanh nghiệp xây lắp CPSX thường được phân loại như sau:

► Phân loại theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí:

Căn cứ vào nội dung, tính chất kinh tế của chi phí để sắp xếp những chi phí có nội dung kinh tế ban đầu giống nhau vào cùng một nhóm chi phí. Theo cách phân loại này các chi phí sản xuất được chia thành các yếu tố chi phí:

* **Chi phí nguyên liệu, vật liệu:** gồm toàn bộ giá trị các loại nguyên liệu, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, vật liệu thiết bị xây dựng cơ bản, dụng cụ... mà doanh nghiệp đã thực sự sử dụng cho hoạt động sản xuất.

* **Chi phí nhân công:** là toàn bộ số tiền lương, tiền công phải trả, tiền trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trích trên tiền lương của người lao động làm việc ở khâu sản xuất (phần do doanh nghiệp gánh chịu).

* **Chi phí khấu hao TSCĐ:** là toàn bộ giá trị khấu hao phải trích của các TSCĐ sử dụng ở khâu sản xuất trong doanh nghiệp.

* **Chi phí dịch vụ mua ngoài:** là toàn bộ số tiền doanh nghiệp phải trả về các dịch vụ mua từ bên ngoài: tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại,... phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

* **Chi phí khác bằng tiền:** gồm toàn bộ chi phí khác dùng cho hoạt động sản xuất ở doanh nghiệp ngoài các chi phí trên như chi phí tiếp khách, hội họp, hội nghị.

Tùy theo yêu cầu quản lý, các chi phí có thể được phân loại chi tiết hơn như: chi phí vật liệu chính, chi phí vật liệu phụ, chi phí nhiên liệu, chi phí năng lượng ... trong yếu tố CP NVL.

Phân loại chi phí theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí có tác dụng cho biết nội dung, kết cấu tỷ trọng từng loại chi phí mà doanh nghiệp đã sử dụng vào quá trình sản xuất trong tổng chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Số liệu của chi phí sản xuất theo yếu tố là cơ sở để xây dựng các dự toán chi phí, xác định nhu cầu về vốn của doanh nghiệp, xây dựng các kế hoạch về lao động, vật tư, tài sản...; đồng thời còn là cơ sở để phân tích tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất, cung cấp số liệu để lập thuyết minh báo cáo tài chính.

► **Phân loại theo mục đích, công dụng của chi phí**

Cách phân loại này dựa trên công dụng của chi phí trong quá trình sản xuất và phương pháp tập hợp chi phí có tác dụng tích cực cho việc phân tích giá thành so với định mức và đề ra các biện pháp hạ giá thành sản phẩm.

Nội dung các khoản mục bao gồm:

* **Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp:** là chi phí của các vật liệu chính, vật liệu phụ, vật kết cấu, giá trị thiết bị kèm theo vật kiến trúc... cần thiết để tham gia cấu thành thực thể sản phẩm xây lắp.

* **Chi phí nhân công trực tiếp:** là chi phí tiền lương chính, lương phụ, phụ cấp lương, các khoản trích theo tiền lương như KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN (phần do doanh nghiệp gánh chịu) của công nhân trực tiếp tham gia xây lắp công trình.

* **Chi phí sử dụng máy thi công:** Khoản mục CP SD MTC là những chi phí liên quan đến máy móc, thiết bị tham gia việc thi công CT nhằm hoàn thành một khối lượng công việc nhất định. Không hạch toán vào khoản mục này các khoản trích theo lương phải trả công nhân sử dụng máy thi công (như BHXH, BHYT,

BHTN, KPCĐ). Chi phí sử dụng máy thi công được hạch toán vào GTSP xây lắp bao gồm toàn bộ chi phí về vật tư, lao động và các chi phí về động lực, nhiên liệu, khấu hao máy móc thiết bị.

- Chi phí thường xuyên cho hoạt động của máy thi công: chi phí nhân công điều khiển máy, phục vụ máy (không bao gồm các khoản trích trên lương như BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ); chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài (chi phí sửa chữa nhỏ, điện, nước, bảo hiểm...), chi phí khác bằng tiền.

- Chi phí tạm thời cho hoạt động của máy thi công, gồm: chi phí sửa chữa lớn máy thi công (đại tu, trung tu,.. không đủ điều kiện ghi tăng nguyên giá máy thi công; chi phí công trình tạm thời cho máy thi công (lều, lán, bệ, đường ray chạy máy...). Chi phí này được phân bổ dần theo thời gian sử dụng máy thi công ở công trình.

Trường hợp doanh nghiệp xây lắp không tổ chức đội máy thi công riêng biệt hoặc có tổ chức các đội máy thi công riêng biệt nhưng không tổ chức kế toán riêng cho các đội máy thi công và thực hiện phương thức tổ chức hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy thì các chi phí liên quan đến hoạt động của đội máy thi công được tính vào khoản mục “Chi phí sử dụng máy thi công”. Sau đó, phân bổ CP SD MTC thực tế cho từng CT, HMCT.

Trường hợp doanh nghiệp xây lắp có đội máy thi công riêng biệt và có phân cấp hạch toán cho đội máy tổ chức hạch toán kế toán riêng thì tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động của đội máy thi công được tính vào các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung chứ không phản ánh vào khoản mục “Chi phí sử dụng máy thi công”. Sau đó các khoản mục này được kết chuyển để tính giá thành cho một ca máy thực hiện và cung cấp cho các đội xây lắp.

Trường hợp doanh nghiệp xây lắp thuê ngoài ca máy thi công (hoặc có tổ chức kế toán riêng ở đội máy thi công – thực hiện theo phương thức bán lao vụ máy thi công cho các đơn vị xây lắp) thì doanh nghiệp không theo dõi chi phí phát sinh thực

tế mà chỉ theo dõi tiền tạm ứng chi phí máy thi công và thanh toán tiền tạm ứng khi có bảng quyết toán tạm ứng về khối lượng xây lắp hoàn thành đã bàn giao.

* **Chi phí sản xuất chung:** là chi phí sản xuất của đội, công trường xây dựng gồm: lương của nhân viên quản lý đội xây dựng, các khoản trích theo lương theo tỷ lệ quy định của nhân viên quản lý đội và công nhân sử dụng xe, MTC; chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của đội, chi phí vật liệu, chi phí CCDC và các chi phí khác phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động của đội...

Máy thi công cũng trực tiếp tham gia vào quá trình xây lắp trong trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây, lắp CT theo phương thức hỗn hợp (thủ công kết hợp MTC), nên ngoài ba khoản mục: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung còn có thêm khoản mục chi phí sử dụng máy thi công cấu thành nên giá thành của sản phẩm xây lắp.

► **Các cách phân loại khác:**

➤ **Phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí với khối lượng hoạt động:**

* Độ lớn của chi phí trong doanh nghiệp phụ thuộc vào nhiều nhân tố khác nhau. Nếu nghiên cứu mối quan hệ của chi phí với các nhân tố ảnh hưởng đến độ lớn của chi phí thì có thể biểu diễn phương trình chi phí dưới dạng:

$$C = f(a, b, c, \dots, x, T)$$

Trong đó: C: Tổng chi phí (chi phí toàn bộ).

a, b, c, ..., x: Các nhân tố ảnh hưởng đến độ lớn của chi phí.

T: Sự biểu hiện tiền tệ (giá trị) của chi phí.

* Giả sử các nhân tố khác (kỹ thuật, công nghệ, tổ chức...) không thay đổi thì có thể biểu diễn phương trình của chi phí trong mối quan hệ với khối lượng hoạt động (số lượng sản phẩm hoàn thành, số giờ máy hoạt động...) dưới dạng:

$$C = f(x)$$

Trong đó: x: Khối lượng hoạt động của doanh nghiệp.

* Theo mối quan hệ của chi phí với khối lượng hoạt động thì các chi phí được phân biệt thành:

- *Chi phí khả biến (biến phí)*: Biến phí là các chi phí thay đổi về tổng số tỷ lệ với sự thay đổi của mức độ hoạt động. Khối lượng hoạt động có thể là sản phẩm hoàn thành, số giờ máy hoạt động...

- *Định phí*: Định phí là chi phí không thay đổi về tổng số dù có sự thay đổi trong mức hoạt động của sản xuất hoặc khối lượng của sản phẩm công việc lao vụ của sản xuất trong kỳ.

- *Chi phí hỗn hợp*: Chi phí hỗn hợp là loại chi phí mà bản thân nó gồm cả yếu tố định phí và biến phí. Ví dụ như chi phí điện thoại, fax...

► ***Phân loại chi phí sản xuất theo phương pháp tập hợp chi phí sản xuất vào các đối tượng chịu chi phí***

Theo cách phân loại này, toàn bộ chi phí sản xuất được chia thành hai loại: Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

- *Chi phí trực tiếp*: là những chi phí sản xuất có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng sử dụng chi phí, từng công việc nhất định.

- *Chi phí gián tiếp*: là những chi phí sản xuất có liên quan đến nhiều đối tượng sử dụng chi phí, nhiều công việc,...

Như vậy mỗi cách phân loại chi phí sản xuất có ý nghĩa riêng phục vụ cho từng đối tượng quản lý và từng đối tượng cung cấp thông tin cụ thể nhưng chúng luôn bổ sung cho nhau nhằm quản lý có hiệu quả nhất về toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong phạm vi từng doanh nghiệp.

1.1.3.2 Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp

Việc tăng cường năng suất lao động, tiết kiệm vật tư, hoàn thiện kỹ thuật thi công, giảm thời gian thi công, .v.v đều ảnh hưởng trực tiếp đến mức hạ giá thành sản phẩm. Để đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý, hạch toán và kế hoạch hoá giá thành cũng như yêu cầu xây dựng giá thành CT, HMCT được xem xét dưới nhiều góc độ, nhiều phạm vi tính toán khác nhau. Trong xây lắp, xây dựng cơ bản cần phân biệt các loại giá thành như sau:

► ***Căn cứ theo thời điểm, nguồn số liệu để xác định***: chỉ tiêu giá thành được phân loại thành:

* **Giá thành dự toán:** là giá thành được lập trước khi sản xuất, là tổng số chi phí tính toán để hoàn thành khối lượng xây lắp CT, HMCT và đã được xác định trên cơ sở định mức và khung giá quy định cho từng loại công việc, áp dụng theo từng vùng, lãnh thổ.

Do sản phẩm xây dựng có giá trị lớn, thời gian thi công dài mang tính đơn chiếc, nên mỗi CT, HMCT đều có giá trị dự toán riêng. Giá trị dự toán được xác định bằng phương pháp lập dự toán theo quy mô, đặc điểm, tỷ lệ, tính chất kỹ thuật và yêu cầu công nghệ của xây dựng.

Giá thành dự toán được biểu hiện qua công thức:

$$\text{Giá thành dự toán của CT, HMCT} = \text{Giá trị dự toán của CT, HMCT} - \text{Thu nhập chịu thuế tính trước} - \text{Thuế GTGT đầu ra}$$

* **Giá thành kế hoạch:** được lập trước khi bước vào sản xuất kinh doanh. Là chỉ tiêu phản ánh trình độ quản lý giá thành của doanh nghiệp. Giá thành kế hoạch được xác định xuất phát từ những điều kiện cụ thể ở mỗi đơn vị xây lắp trên cơ sở biện pháp thi công, các định mức, đơn giá áp dụng trong đơn vị.

Mối quan hệ giữa giá thành kế hoạch và giá thành dự toán có thể biểu diễn qua công thức sau:

$$\text{Giá thành kế hoạch của CT, HMCT} = \text{Giá thành dự toán của CT, HMCT} - \text{Mức hạ giá thành thực tế}$$

(tính cho từng công trình, hạng mục công trình)

* **Giá thành thực tế:** là chỉ tiêu được lập sau khi kết thúc quá trình sản xuất sản phẩm trên cơ sở toàn bộ các hao phí thực tế liên quan để hoàn thành CT, HMCT, khối lượng xây lắp mà đơn vị đã nhận thầu. Giá thành thực tế công tác xây lắp được xác định theo số liệu kế toán cung cấp.

$$\text{Giá thành thực tế của CT, HMCT} = \text{Giá thành dự toán của CT, HMCT} - \text{Mức hạ giá thành thực tế}$$

Đặc điểm sản phẩm xây dựng là thi công kéo dài, do vậy để tạo điều kiện cho việc theo dõi chặt chẽ những chi phí phát sinh người ta phân chia giá thành thực tế thành : Giá thành công tác xây lắp thực tế và giá thành CT, HMCT hoàn thành.

- Giá thành công tác xây lắp thực tế phản ánh giá thành của một khối lượng công tác xây lắp đạt đến một điểm dừng kỹ thuật nhất định, cho phép xác định kịp thời, sát sao các khoản chi phí sản xuất phát sinh, đồng thời phát hiện được những nguyên nhân gây tăng hay giảm chi phí sản xuất.

- Giá thành CT, HMCT hoàn thành là toàn bộ chi phí chi ra để tiến hành thi công một công trình, hạng mục công trình kể từ khi khởi công trình cho đến khi kết thúc đưa công trình vào sử dụng và được chủ đầu tư (bên A) chấp nhận.

Giá thành thực tế không chỉ bao gồm những chi phí trong định mức mà còn có thể bao gồm chi phí thực tế phát sinh không cần thiết như: thiệt hại phá đi làm lại, thiệt hại ngừng sản xuất, mất mát, hao hụt vật tư,... do những nguyên nhân chủ quan của doanh nghiệp. Ba loại giá thành sản xuất nói trên có mối quan hệ mật thiết với nhau và thường được thể hiện khái quát như sau:

Giá thành dự toán \geq Giá thành kế hoạch \geq Giá thành thực tế.

► **Căn cứ vào phạm vi phát sinh chi phí:** Giá thành được phân thành giá thành sản xuất và giá thành toàn bộ.

* **Giá thành sản xuất:** là chỉ tiêu phản ánh tất cả những chi phí liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm trong lĩnh vực xây lắp, xây dựng cơ bản (chi phí nguyên vật trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung) tính cho khối lượng, giai đoạn xây lắp hoàn thành hoặc CT, HMCT hoàn thành ở khâu sản xuất.

* **Giá thành tiêu thụ:** là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm xây lắp hoàn thành ở khâu tiêu thụ.

$$\text{Giá thành tiêu thụ sản phẩm xây lắp} = \text{Giá thành sản xuất} + \text{Chi phí ngoài sản xuất phân bổ cho sản phẩm xây lắp}$$

► ***Căn cứ vào mức độ hoàn thành khối lượng xây lắp***

Trong xây dựng, trên thực tế để đáp ứng nhu cầu quản lý về chi phí sản xuất, tính giá thành và công tác quyết toán kịp thời, tránh phức tạp hóa, giá thành được chia thành hai loại:

* ***Giá thành khối lượng xây lắp hoàn chỉnh:*** là giá thành của những CT, HMCT đã hoàn thành, đảm bảo kỹ thuật, chất lượng theo đúng thiết kế và hợp đồng thi công, được chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán.

Chỉ tiêu này cho phép đánh giá một cách chính xác và toàn diện hiệu quả sản xuất, thi công trọn vẹn cho một CT, HMCT. Tuy nhiên, chỉ tiêu này không đáp ứng được một cách kịp thời các số liệu cần thiết cho việc quản lý sản xuất và giá thành trong suốt quá trình thi công công trình. Do đó, để đáp ứng được yêu cầu quản lý và đảm bảo sản xuất kịp thời đòi hỏi phải xác định giá thành quy ước.

* ***Giá thành khối lượng sản phẩm quy ước:*** là khối lượng xây lắp được hoàn thành đến giai đoạn nhất định và phải thoả mãn các điều kiện sau:

- Phải nằm trong thiết kế và đảm bảo chất lượng kỹ thuật.
- Khối lượng này phải xác định được một cách cụ thể và được bên chủ đầu tư nghiệm thu chấp nhận thanh toán.
- Phải đạt đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý.

Giá thành khối lượng hoàn thành quy ước phản ánh được kịp thời CPSX cho đối tượng xây lắp trong quá trình thi công xây lắp trong quá trình thi công xây lắp, từ đó giúp doanh nghiệp phân tích kịp thời các chi phí đã chi ra cho từng đối tượng để có biện pháp quản lý thích hợp và cụ thể.

1.1.4. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

► ***Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất:***

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp là phạm vi và giới hạn để tập hợp chi phí sản xuất theo các phạm vi và giới hạn đó. Xác định đối tượng kế toán chi phí sản xuất là khâu đầu tiên trong việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất. Thực chất của việc xác định đối tượng kế toán chi phí sản xuất là xác

định nơi gây ra chi phí (phân xưởng, bộ phận sản xuất, đội...) hoặc đối tượng chịu chi phí (sản phẩm, đơn đặt hàng...).

Việc xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp phải căn cứ vào:

- Đặc điểm tổ chức sản xuất của doanh nghiệp.
- Quy trình công nghệ sản xuất của doanh nghiệp.
- Đặc điểm phát sinh chi phí, mục đích và công dụng chi phí
- Yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp.

Tùy thuộc vào đặc điểm tình hình cụ thể mà đối tượng kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp có thể là:

- Từng sản phẩm, chi tiết sản phẩm, nhóm sản phẩm, đơn đặt hàng.
- Từng phân xưởng, giai đoạn công nghệ sản xuất.
- Toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất, toàn doanh nghiệp.

Xác định đối tượng chi phí sản xuất một cách khoa học hợp lý là cơ sở để tổ chức kế toán chi phí sản xuất, từ việc tổ chức hạch toán ban đầu đến tổ chức tổng hợp số liệu, ghi chép trên tài khoản, sổ chi tiết..

► ***Đối tượng tính giá thành***

Từ đặc điểm của sản xuất xây lắp và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, đối tượng tính giá thành tại đơn vị kinh doanh xây lắp chính là các công trình, hạng mục công trình, giai đoạn công việc hoàn thành hay từng đơn đặt hàng (hợp đồng) hoàn thành... Trường hợp doanh nghiệp xây lắp có tổ chức các phân xưởng sản xuất thì đối tượng tính giá thành các đơn vị này là một đơn vị sản phẩm hay lao vụ hoàn thành.

► ***Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm:***

Như vậy, đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành là hai khái niệm khác nhau, tuy nhiên chúng có những điểm giống và khác nhau. Chúng giống nhau ở chỗ đều là phạm vi, giới hạn nhất định để tập hợp chi phí sản xuất theo đó và cùng phục vụ cho công tác quản lý. Những điểm khác nhau như sau:

- Xác định đối tượng kế toán chi phí sản xuất là xác định phạm vi, giới hạn tập hợp chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ; còn xác định đối tượng tính giá thành là xác định phạm vi, giới hạn của chi phí liên quan đến kết quả sản xuất đã hoàn thành.

- Trong thực tế, một đối tượng kế toán chi phí sản xuất bao gồm nhiều đối tượng tính giá thành và ngược lại.

► **Kỳ tính giá thành:** kỳ tính giá thành phụ thuộc vào đặc điểm tổ chức sản xuất, chu kỳ sản xuất, hình thức nghiệm thu, bàn giao khối lượng sản phẩm hoàn thành.

- Đối với những doanh nghiệp có chu kỳ sản xuất kinh doanh ngắn như sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, thì chu kỳ tính giá thành là hàng tháng.

- Đối với doanh nghiệp mà sản phẩm là những công trình, vật kiến trúc thì kỳ tính giá thành là thời gian mà sản phẩm xây lắp được coi là hoàn thành, được nghiệm thu và bàn giao cho bên A.

- Đối với những CT nhỏ, thời gian thi công ngắn (nhỏ hơn 12 tháng) thì khi công trình hoàn thành toàn bộ mới tính giá thành thực tế công trình đó.

- Đối với những CT có thời gian thi công lớn hơn 12 tháng thì chỉ khi nào có một bộ phận CT có giá trị sử dụng được nghiệm thu bàn giao lúc đó doanh nghiệp xây lắp mới tính giá thành thực tế của bộ phận đó.

- Với CT có thời gian kéo dài nhiều năm mà không thể tách được những bộ phận nhỏ đưa vào sử dụng, thì từng phần việc xây lắp đạt tới điểm dừng kỹ thuật hợp lý theo thiết kế kỹ thuật có ghi trong hợp đồng giao nhận thi công được bàn giao thanh toán và doanh nghiệp xây lắp tính giá thành thực tế cho khối lượng bàn giao.

1.1.5 Phương pháp tính

1.1.5.1 Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

Trên cơ sở đối tượng kế toán chi phí đã xác định kế toán tiến hành lựa chọn phương pháp tập hợp chi phí sản xuất cho phù hợp. Có hai phương pháp: phương pháp tập hợp trực tiếp và phương pháp phân bổ gián tiếp.

► ***Phương pháp tập hợp trực tiếp***

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng kế toán chi phí sản xuất riêng biệt. Do đó, kế toán căn cứ vào chứng từ ban đầu để hạch toán cho từng đối tượng riêng biệt. Theo phương pháp này chi phí sản xuất phát sinh được tính trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí nên đảm bảo độ chính xác cao. Vì vậy cần sử dụng tối đa phương pháp này trong điều kiện có thể cho phép.

► **Phương pháp phân bổ gián tiếp**

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán chi phí, không tổ chức ghi chép ban đầu riêng cho từng đối tượng. Trong trường hợp đó, phải tập hợp chung cho nhiều đối tượng. Sau đó, lựa chọn tiêu chuẩn phân bổ thích hợp để phân bổ khoản chi phí này cho từng đối tượng kế toán chi phí. Việc phân bổ được tiến hành theo trình tự:

- Xác định hệ số phân bổ (H) $H = \frac{C}{T}$
- Xác định mức chi phí phân bổ cho từng đối tượng:

$$C_i = T_i \times H$$

Trong đó: H: là hệ số phân bổ
 C: là tổng chi phí cần phân bổ
 T: là tổng tiêu chuẩn dùng để phân bổ
 C_i : là chi phí phân bổ cho từng đối tượng i
 T_i : là tiêu chuẩn phân bổ cho từng đối tượng i

Thực tế cho thấy, trong các doanh nghiệp xây lắp, do sản phẩm thường mang tính đơn chiếc, cách xa nhau về mặt không gian nên CPSX chủ yếu là CP trực tiếp, được tập hợp cho từng đối tượng theo phương pháp tập hợp trực tiếp; còn với khoản mục chi phí gián tiếp phải lựa chọn tiêu thức phân bổ phù hợp để tập hợp theo phương pháp gián tiếp.

1.1.5.2 Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang

Đặc điểm của xây dựng cơ bản là có kết cấu rất phức tạp do đó việc xác định mức độ hoàn thành của nó là rất khó. Vì vậy khi đánh giá sản phẩm làm dở,

kế toán cần kết hợp chặt chẽ với bộ phận kỹ thuật, bộ phận tổ chức lao động để xác định mức độ hoàn thành của khối lượng xây lắp dở dang một cách chính xác. Khi đánh giá sản phẩm dở dang cần chú ý những đặc điểm cụ thể để lựa chọn phương pháp phù hợp:

► **Đối với công trình xây lắp bàn giao một lần:**

Ở thời điểm cuối kỳ, toàn bộ công trình được xác định theo một trong hai trạng thái: hoặc là sản phẩm hoàn thành hoặc là sản phẩm dở dang.

* Nếu CT còn dở dang, toàn bộ CPSX đã tập hợp cho CT là trị giá SPDD cuối kỳ:

$$D_{ck_i} = D_{dk_i} + C_i$$

* Khi CT hoàn thành, toàn bộ CPSX đã tập hợp được chính là tổng GTSP:

$$Z = D_{dk_i} + C_i$$

Trong đó: D_{ck_i} : Giá trị sản phẩm làm dở cuối kỳ tính cho đối tượng i

D_{dk_i} : Giá trị sản phẩm làm dở đầu kỳ tính cho đối tượng i

C_i : là chi phí phân bổ cho từng đối tượng i

Z : Giá thành sản phẩm xây lắp

► **Đối với công trình bàn giao nhiều lần**

Ở thời điểm cuối kỳ, toàn bộ CT có thể có những phần việc đã hoàn thành, có những phần việc còn dở dang. Khi đó, SPDD cuối kỳ thường được đánh giá bằng một trong hai phương pháp sau:

* **Căn cứ vào giá trị dự toán:**

	CPSX dở dang đầu kỳ	+	CPSX phát sinh trong kỳ		
CPSX dở dang cuối kỳ	=			x	Giá trị dự toán của công việc dở dang cuối kỳ
		Giá trị dự toán của công việc hoàn thành	+	Giá trị dự toán của công việc dở dang cuối kỳ	

* **Căn cứ vào chi phí định mức:**

CPSX dở dang cuối kỳ	=	Khối lượng công việc dở dang cuối kỳ	x	Mức độ hoàn thành	x	Định mức CPSX
-------------------------	---	---	---	----------------------	---	------------------

1.1.5.3 Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Các phương pháp tính giá thành thường được sử dụng trong doanh nghiệp xây lắp:

► **Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng:**

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhận thầu xây lắp theo đơn đặt hàng (đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành là từng đơn đặt hàng). CP nào liên quan trực tiếp đến từng đơn đặt hàng, thì sẽ được tập hợp trực tiếp cho đơn đặt hàng đó. Những chi phí liên quan đến nhiều đơn đặt hàng khác nhau thì tập hợp riêng sau đó phân bổ cho từng đơn đặt hàng theo tiêu thức hợp lý. Nội dung cụ thể bao gồm:

- Mở sổ, thẻ kế toán để tập hợp CPSX phát sinh từ khi đơn đặt hàng bắt đầu thực hiện.

- Tổ chức tập hợp CPSX theo từng đơn đặt hàng với từng loại CP như sau:

+ Với chi phí trực tiếp tập hợp thẳng cho từng đơn đặt hàng

+ Các chi phí chung sau khi tập hợp được sẽ lựa chọn tiêu thức phân bổ phù hợp rồi tiến hành phân bổ cho từng đơn đặt hàng.

- Hàng tháng tập hợp chi phí sản xuất phát sinh liên quan đến từng đơn đặt hàng.

- Khi đơn đặt hàng hoàn thành tiến hành tổng cộng CPSX hàng tháng đã tập hợp được để tính tổng giá thành và giá thành thực tế của đơn đặt hàng.

- Nếu có đơn đặt hàng nào đó mà cuối tháng vẫn chưa thực hiện xong thì việc tổng hợp chi phí của đơn đặt hàng đến cuối tháng đó chính là chi phí sản xuất dở dang của đơn đặt hàng.

Việc tính giá thành chỉ tiến hành khi đơn đặt hàng hoàn thành nên kỳ tính giá thành thường không trùng với kỳ hạch toán.

Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành của đơn hàng	=	Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ	+	Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ
--	---	------------------------------------	---	--

► **Phương pháp tính giá thành giản đơn:**

Phương pháp này đơn giản, dễ làm và cho phép cung cấp kịp thời số liệu giá thành mỗi kỳ báo cáo. Theo phương pháp này, giá thành của từng công trình, hạng mục công trình chính là tập hợp tất cả các chi phí sản xuất trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó từ khi mới khởi công đến khi hoàn thành. Công thức tính giá thành là:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành CT,} \\ \text{HMCT hoàn thành} \\ \text{bàn giao} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí dở} \\ \text{dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array}$$

► **Phương pháp tính giá thành tổng cộng chi phí**

Phương pháp này được áp dụng với việc xây lắp các công trình lớn, phức tạp, trải qua nhiều giai đoạn thi công. Quá trình xây lắp có thể chia ra cho các đối tượng sản xuất khác nhau. Đối tượng tập hợp chi phí là từng đội sản xuất, từng giai đoạn, đối tượng tính giá thành là sản phẩm cuối cùng.

Công thức tính như sau:

$$Z = D_{đk} + (C_1 + C_2 + \dots + C_n) - D_{ck}$$

Trong đó: Z: Là giá thành sản phẩm xây lắp

$D_{đk}$: Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ

C_1, \dots, C_n : Là CPSX ở từng đội sản xuất hay từng giai đoạn công việc, từng hạng mục công trình.

D_{ck} : Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ.

1.2 Tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

1.2.1 Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

CPSX và GTSP là các chỉ tiêu quan trọng trong hệ thống các chỉ tiêu kinh tế phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp và có mối quan hệ mật thiết với doanh thu, kết quả (lãi, lỗ) hoạt động sản xuất kinh doanh, do vậy chủ doanh

nghiệp rất quan tâm. Kế toán doanh nghiệp cần phải xác định rõ vai trò và nhiệm vụ của mình trong việc tổ chức kế toán CPSX và GTSP như sau:

- Trước hết cần nhận thức đúng đắn vị trí và vai trò của kế toán CPSX và tính GTSP trong toàn bộ hệ thống kế toán doanh nghiệp, mối quan hệ với các bộ phận kế toán có liên quan, trong đó kế toán CPSX là tiền đề cho kế toán GTSP.

- Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quy trình công nghệ sản xuất, loại hình sản xuất, đặc điểm của sản phẩm... của doanh nghiệp để lựa chọn, xác định đúng đắn đối tượng kế toán chi phí sản xuất, lựa chọn phương pháp tập hợp CPSX, xác định đối tượng tính GT theo các phương pháp phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp.

- Tổ chức bộ máy kế toán một cách khoa học, hợp lý trên cơ sở phân công rõ ràng trách nhiệm của từng thành viên, từng bộ phận kế toán có liên quan đặc điểm bộ phận kế toán các yếu tố chi phí.

- Thực hiện tổ chức chứng từ, hạch toán ban đầu, hệ thống tài khoản, sổ kế toán phù hợp với nguyên tắc, chuẩn mực, chế độ kế toán đảm bảo đáp ứng được yêu cầu thu nhận – xử lý – hệ thống hóa thông tin về CP, GT của doanh nghiệp.

- Tổ chức lập và phân tích các báo cáo kế toán về CP, GTSP, cung cấp những thông tin cần thiết về CP, GTSP, giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp ra được các quyết định một cách nhanh chóng, phù hợp với quá trình sản xuất – tiêu thụ sản phẩm.

1.2.2 Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán

Trong các doanh nghiệp, tùy thuộc vào quy mô sản xuất kinh doanh, đặc điểm hoạt động, yêu cầu và trình độ quản lý, năng lực của cán bộ kế toán, mức độ ứng dụng tin học vào công tác kế toán để lựa chọn hình thức kế toán phù hợp. Theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành, doanh nghiệp có thể lựa chọn và vận dụng một trong các 5 hình thức kế toán như sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ;

- Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ;
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái;
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Mỗi đơn vị kế toán chỉ áp dụng một hình thức kế toán chính thức và duy nhất. Trường hợp đơn vị kế toán áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính thì công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

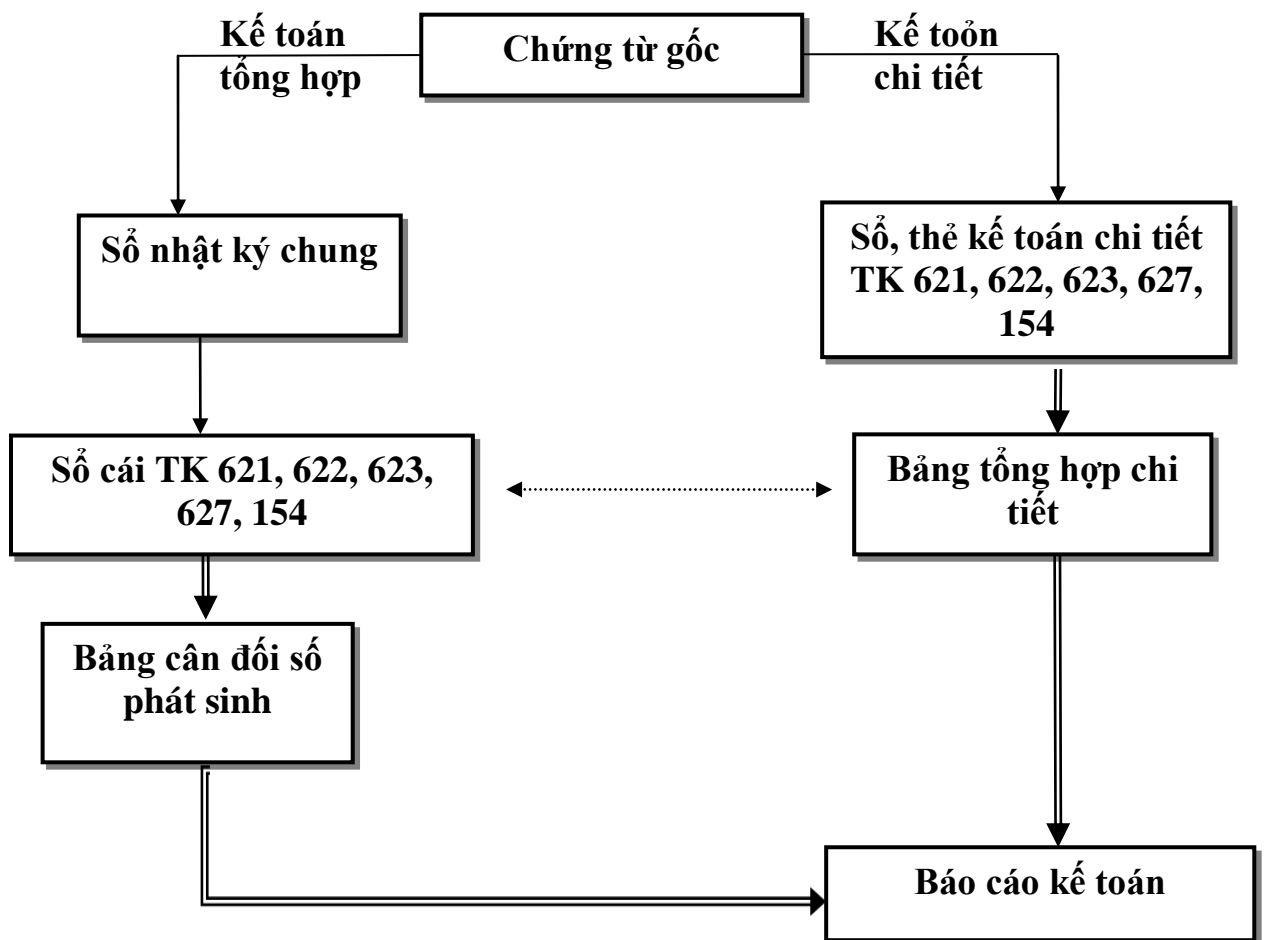
Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành là *Chế độ kế toán doanh nghiệp* ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính. Đây là chế độ kế toán áp dụng được cho mọi doanh nghiệp. Ngoài ra, với doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể áp dụng *Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa* ban hành theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 được bổ sung bởi Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 04/10/2009 của Bộ Tài Chính. Trong khóa luận này, tác giả chỉ trình bày nội dung kế toán thuộc *Chế độ kế toán doanh nghiệp*.

Đối với hoạt động kinh doanh xây lắp quy định chỉ áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, không áp dụng hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ nên TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” dùng để tập hợp chi phí sản xuất, kinh doanh, phục vụ cho việc tính giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp công nghiệp, dịch vụ của doanh nghiệp xây lắp.

1.2.2.1 Hình thức Nhật ký chung

Nhật ký chung là hình thức kế toán đơn giản, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán, đặc biệt có nhiều thuận lợi khi ứng dụng máy tính trong xử lý thông tin kế toán trên sổ. Để có cơ sở lý luận cho thực trạng áp dụng hình thức Nhật ký chung tại Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng, tác giả sẽ trình bày cụ thể đặc điểm sổ sách hạch toán CPSX và tính GTSP theo hình thức Nhật ký chung.

Với hình thức kế toán Nhật ký chung, quy trình kế toán tập hợp CPSX và tính GTSP được thể hiện theo sơ đồ 1.1:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối kỳ (tháng, quý, năm)
- ←-.-> Kiểm tra, đối chiếu

Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Giải thích sơ đồ:*** Kế toán tổng hợp:**

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ ghi nghiệp vụ phát sinh vào Nhật ký chung (Mẫu S03a-DN), sau đó lấy số liệu từ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái (Mẫu S03b-DN) mở cho các TK 621, 622, 623, 627. Cuối kỳ, thực hiện các bút toán kết chuyển để ghi chuyển số liệu từ sổ cái các TK 621, 622, 623, 627 sang TK 154. Khi sản phẩm hoàn thành, thực hiện các bút toán kết chuyển để ghi chuyển số liệu từ sổ cái TK 154 sang sổ cái TK 632 (nếu sản phẩm được bán). Đối với sản phẩm xây lắp, sản phẩm hoàn thành không qua nhập kho cũng không gửi bán nên không sử dụng sổ cái TK 155 và sổ cái TK 157. Để kiểm tra việc ghi chép của kế toán tổng hợp, ở thời điểm cuối kỳ kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản.

*** Kế toán chi tiết:**

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ ghi nghiệp vụ phát sinh vào các Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Mẫu S36-DN) mở cho các TK 621, 622, 623, 627, 154; sau đó, căn cứ vào Sổ chi phí sản xuất kinh doanh kỳ này và Thẻ tính giá thành kỳ trước để ghi số liệu vào Thẻ tính giá thành (Mẫu S37-DN) của sản phẩm hoàn thành kỳ này. Để kiểm tra việc ghi chép số liệu của kế toán chi tiết, ở thời điểm cuối kỳ kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ chi tiết để lập Bảng tổng hợp chi tiết.

*** Đối chiếu số liệu:**

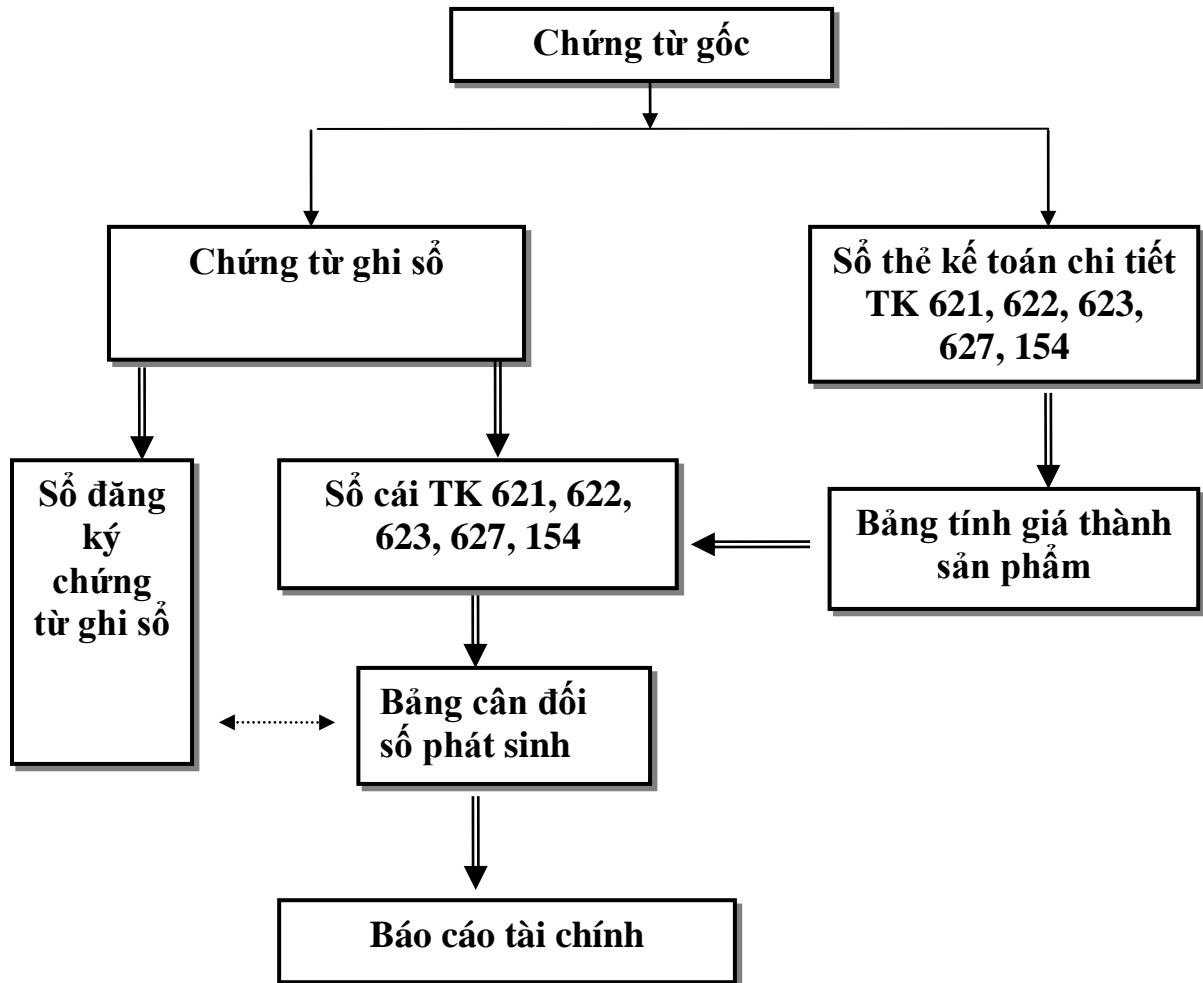
Cuối kỳ, kế toán đối chiếu số liệu giữa kế toán tổng hợp (thể hiện trên Sổ cái hoặc Bảng cân đối tài khoản) và kế toán chi tiết (thể hiện trên Bảng tổng hợp chi tiết).

*** Lập báo cáo kế toán:**

Cuối kỳ, sau khi đã kiểm tra, đối chiếu số liệu đảm bảo sự khớp đúng, số liệu trên Sổ cái hoặc Bảng cân đối tài khoản được dùng để lập Báo cáo tài chính, số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết dùng để lập Báo cáo kế toán quản trị.

1.2.2.2 Hình thức Chứng từ ghi sổ

Hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ”: Các nghiệp vụ kế toán trên được phản ánh vào chứng từ ghi sổ, sau đó ghi vào sổ cái TK 621, TK 622, TK627 - (Doanh nghiệp áp dụng QĐ15), TK 154, TK 631.



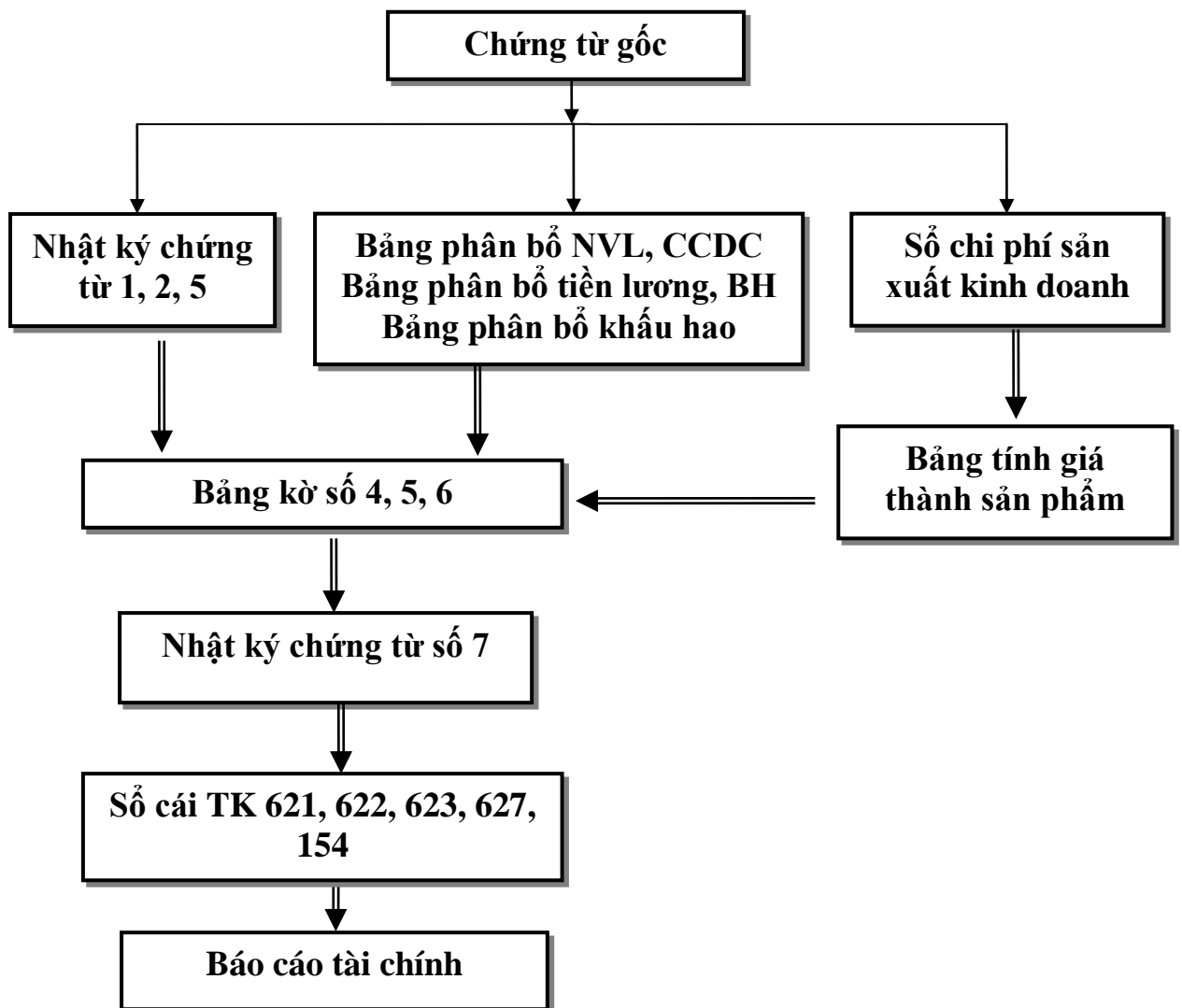
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi định kỳ
- ←·····→ Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.2.2.3 Hình thức Nhật ký – Chứng từ

Hình thức “ Nhật ký chứng từ”: Các nghiệp vụ kế toán liên quan đến tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được phản ánh trên các bảng phân bổ (như bảng phân bổ nguyên vật liệu, bảng phân bổ tiền lương và BHXH, sổ cái TK 621, TK 622...) Doanh nghiệp vừa và nhỏ không áp dụng hình thức kế toán này.

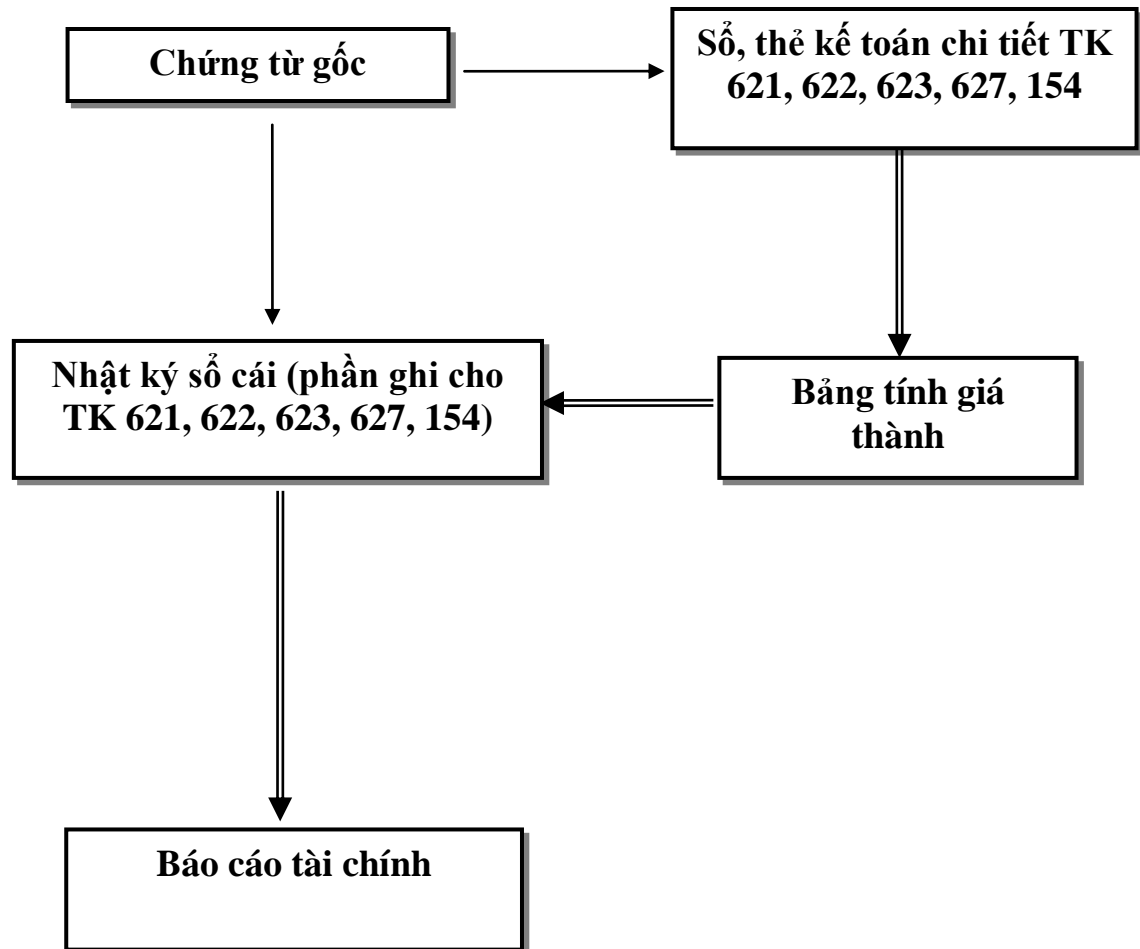


Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow Ghi cuối tháng, hoặc định kì

Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

1.2.2.4 Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Hình thức kế toán “Nhật ký sổ cái”: Các nghiệp vụ kế toán được phản ánh trên sổ Nhật ký sổ cái, Phần sổ cái được thể hiện trên các TK621, TK 622, TK 627 – (Đối với doanh nghiệp áp dụng theo QĐ15), TK 154 hoặc TK 631.

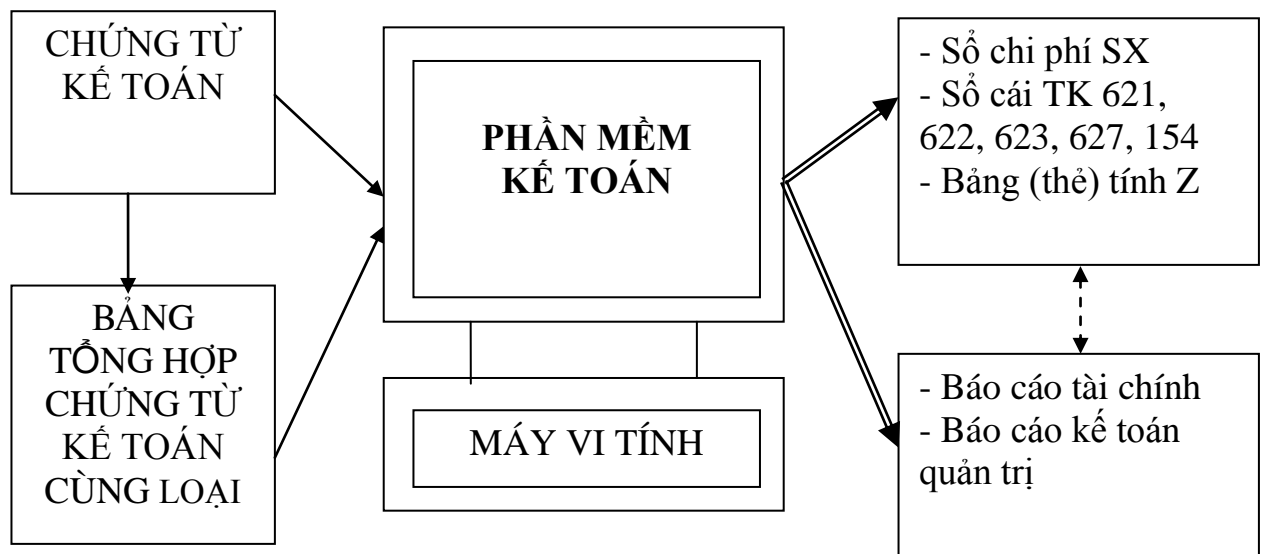


Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày
 =====> Ghi cuối tháng, hoặc định kì

Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

1.2.2.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc có sự kết hợp giữa các hình thức kế toán trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định, trong đó có các báo cáo về chi phí và giá thành sản phẩm.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi định kỳ
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính

1.2.3 Nội dung hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Việc tập hợp CPSX, tính GTSP xây lắp phải theo từng CT, HMCT và theo khoản mục giá thành quy định trong giá trị dự toán xây lắp, gồm:

- Chi phí vật liệu;
- Chi phí nhân công;
- Chi phí sử dụng máy thi công;
- Chi phí chung.

1.2.3.1 Hạch toán chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp

➤ Nguyên tắc hạch toán:

Nguyên liệu, vật liệu sử dụng cho xây dựng hạng mục công trình nào thì tính trực tiếp cho sản phẩm hạng mục công trình đó trên cơ sở các chứng từ gốc theo số lượng thực tế đã sử dụng và theo giá thực tế xuất kho (giá bình quân gia quyền; giá nhập trước, xuất trước;)

Cuối kỳ hạch toán hoặc khi công trình đã hoàn thành, tiến hành kiểm kê số vật liệu còn lại tại nơi sản xuất (nếu có) để ghi giảm trừ chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp xuất sử dụng cho công trình.

Trong điều kiện thực tế sản xuất xây lắp không cho phép tính chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp xuất cho từng công trình, hạng mục công trình thì đơn vị có thể áp dụng phương pháp phân bổ vật liệu cho đối tượng sử dụng theo tiêu thức phân bổ hợp lý (tỷ lệ với định mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu,...)

➤ Chứng từ kế toán: giấy đề nghị tạm ứng, phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo Nợ, hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, bảng phân bổ vật liệu, bảng kê chi tiết

Trường hợp thi công nhận vật tư từ kho vật tư của doanh nghiệp thì căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất thi công, định mức tiêu hao vật tư phụ trách bộ phận sử dụng sẽ viết phiếu xin lĩnh vật tư sử dụng, kế toán vật tư lập phiếu xuất kho, chủ nhiệm công trình ký duyệt. Sau khi lập xong, phụ trách bộ phận sử dụng và kế

toán vật tư ký vào phiếu. Người nhận vật tư sẽ đem phiếu này xuống kho. Thủ kho ghi số lượng vật tư thực xuất và cùng người nhận vật tư ký vào phiếu. Phiếu xuất kho được lập làm 2 liên. Một liên gửi cho phòng kế toán giữ để ghi vào sổ kế toán tổng hợp và chi tiết nguyên vật liệu, một liên thủ kho giữ để vào thẻ kho và tiến hành đối chiếu với kế toán. Cuối tháng, cuối quý, căn cứ vào phiếu nhập, phiếu xuất kho nguyên vật liệu, kế toán lập bảng kê nhập, xuất nguyên vật liệu chi tiết cho từng công trình.

Trường hợp các đơn vị thi công tự đi mua vật tư thì chứng từ gốc là hoá đơn GTGT của người bán và chứng từ liên quan như hoá đơn vận chuyển tạo thành bộ chứng từ được chuyển về phòng kế toán làm số liệu hạch toán.

➤ Tài khoản sử dụng: TK621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”, tài khoản này dùng để tập hợp toàn bộ chi phí NVL dùng cho sản xuất, thi công xây lắp, chế tạo sản phẩm phát sinh trong kì, cuối kì kế toán kết chuyển sang TK 154 “chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” để tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm. xây lắp, chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện lao vụ, dịch vụ. TK 621 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết cho từng đối tượng tập hợp chi phí.

1.2.3.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

➤ Nguyên tắc hạch toán:

Tiền lương, tiền công và các khoản trích theo lương phải trả cho công nhân liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào thì phải hạch toán trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó trên cơ sở các chứng từ gốc về lao động và tiền lương. Trong điều kiện sản xuất xây lắp không cho phép tính trực tiếp chi phí nhân công cho từng công trình, hạng mục công trình thì kế toán phải phân bổ chi phí nhân công trực tiếp cho các đối tượng theo tiền lương định mức hay gia công định mức.

➤ Chứng từ: Hợp đồng lao động, hợp đồng giao khoán nhân công, phiếu giao việc, bảng chấm công, phiếu xác nhận công việc hoàn thành, bảng thanh toán lương,....

Chúng từ ban đầu sử dụng để hạch toán là “Hợp đồng lao động” hoặc “Hợp đồng giao khoán”. “Hợp đồng giao khoán” được ký theo từng công việc, giai đoạn công việc, theo hạng mục công trình hoàn thành và được xác nhận kết quả rồi chuyển về phòng kế toán làm căn cứ tính lương.

Cuối mỗi tháng căn cứ vào chứng từ liên quan, kế toán tiền lương lập bảng thanh toán lương chuyển cho kế toán trưởng soát xét xong trình cho giám đốc hoặc người được ủy quyền ký duyệt, chuyển cho kế toán lập phiếu chi và phát lương. Bảng thanh toán lương được lưu tại phòng (ban) kế toán của đơn vị. Căn cứ vào các bảng thanh toán lương, thanh toán làm thêm giờ,.. kế toán tập hợp, phân loại chứng từ theo từng đối tượng sử dụng, tính số tiền để ghi vào bảng phân bổ tiền lương và BHXH. Số liệu trên bảng phân bổ này được sử dụng để ghi vào các sổ kế toán liên quan như sổ cái TK 334, 338..., đồng thời được sử dụng để tính giá thành thực tế công trình, HMCT hoàn thành.

➤ TK sử dụng: TK622 “Chi phí nhân công trực tiếp” : TK này phản ánh tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp bao gồm cả công nhân do doanh nghiệp quản lý và cả nhân công thuê ngoài. TK này cũng được mở chi tiết theo đối tượng hạch toán chi phí: từng công trình, hạng mục công trình, đội xây dựng...

Tài khoản 622 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.3 Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

➤ Nguyên tắc hạch toán: Việc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm về chi phí máy thi công phải được hạch toán riêng biệt theo từng MTC.

Việc hạch toán CPSD MTC phụ thuộc vào hình thức sử dụng MTC. Thông thường có hai hình thức quản lý, sử dụng máy thi công: Tổ chức đội máy thi công riêng biệt chuyên thực hiện các khối lượng thi công bằng máy hoặc giao máy thi công cho các đội xây lắp.

Đây là khoản CP đặc trưng cho hoạt động xây dựng. Trong quá trình thi công, MTC trợ lực rất nhiều cho người lao động và chiếm tỷ trọng khá lớn trong GTSP xây lắp.

➤ Chứng từ: hợp đồng thuê máy thi công, bảng kê hợp đồng thuê máy, bảng kê giờ máy, ca máy, bảng phân bổ chi phí sử dụng máy thi công,...

➤ TK sử dụng: Tài khoản dùng để hạch toán chi phí sử dụng máy thi công phụ thuộc vào hình thức sử dụng máy thi công.

+ Trường hợp doanh nghiệp xây lắp thực hiện xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy thi sử dụng tài khoản 623 “Chi phí sử dụng máy thi công”. Tài khoản 623 không có số dư cuối kỳ.

+ Trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp công trình hoàn toàn bằng máy thi không sử dụng tài khoản 623, các chi phí liên quan đến máy sẽ được hạch toán trực tiếp vào TK 621, 622, 627.

1.2.3.4 Kế toán chi phí sản xuất chung:

➤ Nguyên tắc hạch toán:

Phải tổ chức hạch toán chi phí sản xuất chung theo từng công trình, hạng mục công trình đồng thời phải chi tiết theo các điều khoản đã quy định. Thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất.

Khi thực hiện dự toán chi phí sản xuất chung cho các đội xây dựng thì phải quản lý tốt chi phí đã giao khoán, từ chối không thanh toán cho các đội nhận khoán số chi phí ngoài dự toán, bất hợp lý.

Do CP SXC được tập hợp theo từng đội và liên quan đến nhiều công trình nên cuối kỳ kế toán phải tiến hành phân bổ cho các đối tượng liên quan theo tiêu thức phù hợp như: tiền lương công nhân sản xuất, chi phí sử dụng máy, chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp... Công thức phân bổ như sau:

Mức CP SXC phân bổ cho từng đối tượng	=	$\frac{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của từng đối tượng cần phân bổ}}{\text{Tổng đại lượng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}}$	x	Tổng CP SXC
---------------------------------------	---	---	---	-------------

➤ Chứng từ: HDGT mua nhiên liệu chạy máy thi công; bảng chấm công, bảng thanh toán lương nhân viên quản lý, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, hóa đơn tiền điện, tiền nước, bảng phân bổ chi phí sản xuất chung,...

➤ TK sử dụng: TK 627 “Chi phí sản xuất chung” phản ánh chi phí sản xuất của đội, công trường xây dựng gồm: lương nhân viên quản lý phân xưởng, tổ, đội xây dựng, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (phần doanh nghiệp phải gánh chịu) theo tỉ lệ quy định trên tiền lương phải trả nhân viên sử dụng máy thi công và nhân viên quản lý phân xưởng, tổ, đội; chi phí vật liệu, CCDC dùng ở đội sản xuất, khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của đội và những chi phí khác liên quan đến hoạt động của đội...

Tài khoản này được mở chi tiết theo từng phân xưởng, bộ phận sản xuất, CT, HMCT.... Tài khoản 627 cuối kỳ không có số dư do đã kết chuyển hoặc phân bổ hết cho các phân xưởng và được chi tiết thành 6 tiểu khoản:

TK 6271: Chi phí nhân viên phân xưởng

TK 6272: Chi phí vật liệu

TK 6273: Chi phí dụng cụ sản xuất

TK 6274: Chi phí khấu hao tài sản cố định

TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài

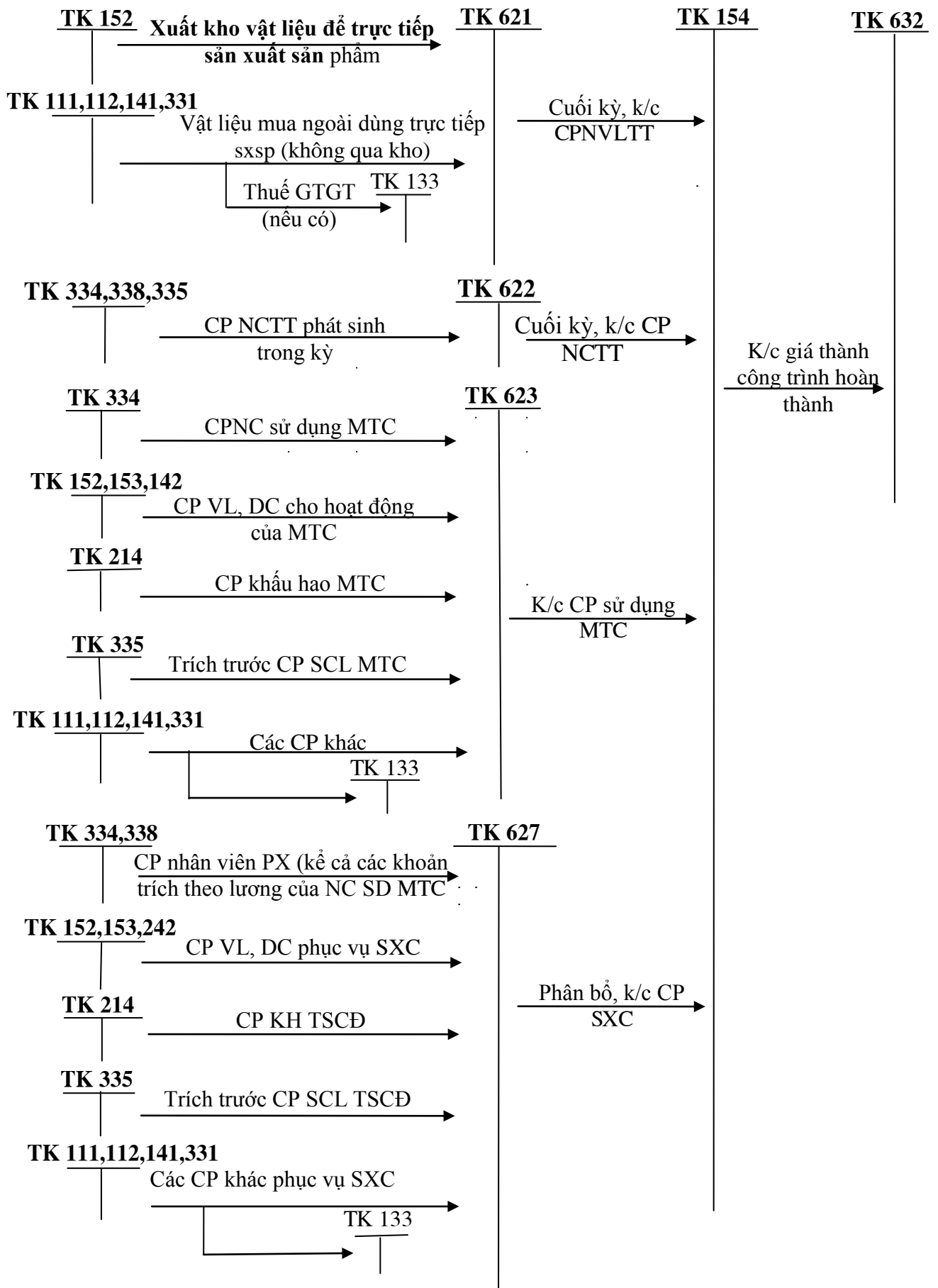
TK 6278: Chi phí bằng tiền khác.

1.2.3.5 Tổng hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm

Kế toán tổng hợp CPSX để tính GTSP xây lắp thường được tiến hành vào cuối kỳ kế toán hoặc khi công trình hoàn thành toàn bộ, trên cơ sở các bảng tính toán phân bổ các chi phí phát sinh cho các đối tượng tập hợp chi phí đã được xác định. Sau khi đã tập hợp đủ các loại chi phí: CP NVLTT, CP NCTT, CPSD MTC, CP SXC cuối kỳ hạch toán, kế toán phải kết chuyển vào bên nợ của TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” để phục vụ cho việc tính GTSP. TK 154 được mở chi tiết cho từng CT, HMCT.

Kế toán thực hiện việc kết chuyển chi phí đối với các chi phí đã tập hợp trực tiếp theo từng đối tượng, còn đối với các chi phí không tập hợp trực tiếp theo từng đối tượng kế toán phải tính phân bổ các chi phí này cho từng đối tượng theo tiêu thức thích hợp.

Dưới đây là sơ đồ 1.6 mô tả một số nghiệp vụ chủ yếu về kế toán tập hợp CPSX và GTSP trong trường hợp doanh nghiệp xây lắp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, thực hiện thi công theo phương thức hỗn hợp (kết hợp thủ công và máy móc).



Sơ đồ 1.6: Một số nghiệp vụ cơ bản về kế toán tập hợp CPSX và GTSP

1.2.4 Kế toán các khoản thiệt hại trong sản xuất xây lắp

1.2.4.1 Thiệt hại phá đi làm lại

Trong quá trình thi công có thể có những khối lượng CT hoặc phần công việc phải phá đi làm lại để đảm bảo chất lượng CT. Nguyên nhân gây ra có thể do thiên tai, hỏa hoạn, do lỗi của bên giao thầu (bên A) như sửa đổi thiết kế hay thay đổi một bộ phận thiết kế của CT; hoặc có thể do bên thi công (bên B) gây ra do tổ chức sản xuất không hợp lý, chỉ đạo thi công không chặt chẽ, sai phạm kỹ thuật của công nhân hoặc do các nguyên nhân khác từ bên ngoài. Tùy thuộc mức độ thiệt hại và nguyên nhân gây ra thiệt hại để có biện pháp xử lý thích hợp.

Giá trị của khối lượng phá đi làm lại bao gồm các phí tổn về NVL, nhân công, CP SD MTC và CP SXC đã bỏ ra để xây dựng khối lượng xây lắp đó và các CP phát sinh dùng để phá khối lượng đó. Các phí tổn để thực hiện xây dựng khối lượng xây lắp bị phá đi thường được xác định theo CP định mức vì rất khó có thể xác định một cách chính xác giá trị thực tế của khối lượng phải phá đi làm lại. Giá trị thiệt hại phá đi làm lại có thể được xử lý như sau:

- Nếu do thiên tai gây ra được xem như khoản thiệt hại bất thường.
- Nếu do bên giao thầu gây ra thì bên giao thầu phải bồi thường thiệt hại, bên thi công coi như đã thực hiện xong khối lượng CT và bàn giao tiêu thụ.
- Nếu do bên thi công gây ra thì có thể tính vào GT, hoặc tính vào khoản thiệt hại bất thường sau khi trừ đi phần giá trị người phạm lỗi phải bồi thường thiệt hại và phần giá trị phế liệu thu hồi được.

1.2.4.2 Thiệt hại ngừng sản xuất

Thiệt hại ngừng sản xuất là những thiệt hại xảy ra do việc đình chỉ sản xuất trong một thời gian nhất định vì những nguyên nhân khách quan hay chủ quan nào đó. Ngừng sản xuất có thể do thời tiết, do thời vụ hoặc do tình hình cung cấp NVL, máy móc thi công và các nguyên nhân khác. Các khoản thiệt hại phát sinh do ngừng sản xuất bao gồm: tiền công của người lao động, khấu hao TSCĐ, chi phí bảo dưỡng, các chi phí khác phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất.

Trường hợp ngừng việc theo thời vụ hoặc ngừng việc theo kế hoạch doanh nghiệp phải lập dự toán CP trong thời gian ngừng việc và tiến hành trích trước CP ngừng sản xuất vào CP hoạt động sản xuất kinh doanh. Trường hợp ngừng sản xuất ngoài kế hoạch, chi phí phát sinh được kế toán tập hợp vào TK 142, 242, 138,....

1.2.5 Hạch toán theo phương thức khoán trong doanh nghiệp xây lắp

➤ **Ý nghĩa:** Trong doanh nghiệp xây lắp, hình thức khoán đang được áp dụng rất rộng rãi, nó gắn liền với lợi ích vật chất của người lao động và khuyến khích người lao động quan tâm đến hiệu quả công việc hơn. Bởi từng phần, từng giai đoạn công việc được khoán cho từng tổ, đội thi công với khối lượng, chất lượng và với tiến độ thi công đúng theo hợp đồng. Như thế vừa xác định rõ trách nhiệm cho từng công nhân, từng tổ, đội, từng cán bộ, công nhân vừa nhằm phát huy những khả năng sẵn có trên nhiều mặt ở các đơn vị cơ sở...

➤ **Các hình thức giao khoán sản phẩm xây lắp:** Hiện nay, các doanh nghiệp xây lắp thường áp dụng hai hình thức giao khoán cơ bản là:

- Khoán gọn công trình: các đơn vị nhận khoán toàn bộ giá trị công trình và tự tổ chức cung cấp vật tư, nhân công, ..., tiến hành thi công. Đến khi hoàn thành sẽ tiến hành bàn giao và được thanh toán toàn bộ giá trị công trình nhận giao khoán.

- Khoán theo từng khoản mục chi phí: đơn vị giao khoán chỉ khoán các khoản mục CP nhất định còn các khoản khác đơn vị tự chi phí, hạch toán chịu giám sát về kỹ thuật và chất lượng công việc.

➤ **Đặc điểm:** phương thức khoán gọn được thực hiện giữa doanh nghiệp và các đơn vị nội bộ (xí nghiệp xây lắp thành viên, các tổ đội thi công) của doanh nghiệp đó. Giữa doanh nghiệp và đơn vị phải kí hợp đồng khoán gọn và khi thực hiện xong phải thanh lý hợp đồng khoán gọn làm căn cứ ghi sổ kế toán.

1.2.6 Hình thức tổ chức kế toán

Bộ máy kế toán của một doanh nghiệp là tập hợp những người làm kế toán tại doanh nghiệp cùng với các phương tiện trang thiết bị dùng để ghi chép, tính toán xử lý toàn bộ thông tin liên quan đến công tác kế toán tại doanh nghiệp từ khâu thu nhận, kiểm tra, xử lý đến khâu tổng hợp, cung cấp những thông tin kinh tế về các

hoạt động của đơn vị. Vấn đề nhân sự để thực hiện công tác kế toán có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong tổ chức kế toán của doanh nghiệp. Tổ chức nhân sự như thế nào để từng người phát huy được cao nhất sở trường của mình, đồng thời tác động tích cực đến những bộ phận hoặc người khác có liên quan là mục tiêu của tổ chức bộ máy kế toán. Tùy theo quy mô và đặc điểm về tổ chức sản xuất và quản lý của doanh nghiệp mà tổ chức bộ máy được thực hiện theo các hình thức sau:

► **Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung**

Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung là hình thức tổ chức mà toàn bộ công tác kế toán trong doanh nghiệp được tiến hành tập trung tại phòng kế toán doanh nghiệp. Ở các bộ phận khác không tổ chức bộ máy kế toán riêng mà chỉ bố trí các nhân viên làm nhiệm vụ hướng dẫn kiểm tra công tác kế toán ban đầu, thu nhận kiểm tra chứng từ, ghi chép sổ sách, hạch toán nghiệp vụ phục vụ cho nhu cầu quản lý sản xuất kinh doanh của từng bộ phận đó, lập báo cáo nghiệp vụ và chuyển chứng từ cùng báo cáo về phòng kế toán doanh nghiệp để xử lý và tiến hành công tác kế toán.

► **Hình thức tổ chức bộ máy kế toán phân tán**

Hình thức tổ chức kế toán phân tán là hình thức tổ chức mà công tác kế toán không những được tiến hành ở phòng kế toán doanh nghiệp mà còn được tiến hành ở những bộ phận khác như phân xưởng hay đơn vị sản xuất trực thuộc doanh nghiệp. Công việc kế toán ở những bộ phận khác do bộ máy kế toán ở nơi đó đảm nhận từ công việc kế toán ban đầu, kiểm tra xử lý chứng từ đến kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp một số hoặc tất cả các phần hành kế toán và lập báo cáo kế toán trong phạm vi của bộ phận theo qui định của kế toán trưởng.

Phòng kế toán của doanh nghiệp thực hiện tổng hợp số liệu từ báo cáo ở các bộ phận gửi về, phản ánh các nghiệp vụ có tính chất chung toàn doanh nghiệp, lập báo cáo theo quy định của Nhà nước, đồng thời thực hiện việc hướng dẫn kiểm tra công tác kế toán của các bộ phận.

► Hình thức tổ chức bộ máy kế toán vừa tập trung vừa phân tán

Hình thức tổ chức bộ máy kế toán vừa tập trung vừa phân tán là hình thức tổ chức bộ máy kết hợp hai hình thức tổ chức trên, bộ máy tổ chức theo hình thức này gồm phòng kế toán trung tâm của doanh nghiệp và các bộ phận kế toán hay nhân viên kế toán ở các đơn vị - bộ phận khác. Phòng kế toán trung tâm thực hiện các nghiệp vụ kinh tế liên quan toàn doanh nghiệp và các bộ phận khác không tổ chức kế toán, đồng thời thực hiện tổng hợp các tài liệu kế toán từ các bộ phận khác có tổ chức kế toán gửi đến, lập báo cáo chung toàn đơn vị, hướng dẫn kiểm tra toàn bộ công tác kế toán, kiểm tra kế toán toàn đơn vị. Các bộ phận kế toán ở các bộ phận khác thực hiện công tác kế toán tương đối hoàn chỉnh các nghiệp vụ kế toán phát sinh ở bộ phận đó theo sự phân công của phòng kế toán trung tâm. Các nhân viên kế toán ở các bộ phận có nhiệm vụ thu thập chứng từ, kiểm tra và có thể xử lý sơ bộ chứng từ, định kỳ gửi chứng từ kế toán về phòng kế toán trung tâm.

Hình thức tổ chức bộ máy kế toán này thường phù hợp với những đơn vị có qui mô lớn nhưng các bộ phận phụ thuộc có sự phân cấp quản lý khác nhau thực hiện công tác quản lý theo sự phân công đó.

Tóm lại, để thực hiện đầy đủ chức năng của mình, bộ máy kế toán của doanh nghiệp phải được tổ chức khoa học, hợp lý, chuyên môn hóa, đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, thống nhất và trực tiếp của kế toán trưởng, đồng thời cũng phải phù hợp việc tổ chức sản xuất kinh doanh cũng như trình độ quản lý của doanh nghiệp.

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG****2.1 Khái quát chung về Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng****2.1.1 Tên, địa chỉ của Công ty**

➤ Tên Công ty : Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng

➤ Tên tiếng anh : CONSTRUCTION AND INFRASTRUCTURE

INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

➤ Tên viết tắt : C.I.I.C

➤ Địa chỉ trụ sở chính : 274 Đà Nẵng, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

➤ Điện thoại : 0313.751572

➤ Fax : 0313.753927

2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng tiền thân là Công ty xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng.

- Công ty xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng là doanh nghiệp nhà nước, được thành lập theo quyết định số 587/1997/QĐ-UB (ngày 10/4/1997) của UBND thành phố Hải Phòng. Giấy phép đăng ký kinh doanh số 111079 ngày 23/6/1997, số vốn khi mới thành lập là: 1.134.000.000 đồng.

- Công ty Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng đổi tên thành Công ty Xây dựng và đầu tư hạ tầng theo Quyết định số 752/2002/QĐ-UB (ngày 10/4/2003) của UBND thành phố Hải Phòng.

- Năm 2005, theo quyết định số 2822/QĐ - UBND (ngày 05/2/2005) Công ty Xây dựng và đầu tư hạ tầng chuyển từ Công ty Nhà nước thành Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng theo hình thức : Kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước vừa phát hành cổ phiếu thu hút thêm vốn để thành lập Công ty cổ phần. Với số vốn điều lệ là 5.200.000.000 đồng.

Trong đó : + Vốn nhà nước : 1.560.000.000 đồng

+Vốn do người lao động trong DN nắm giữ: 3.640.000.000 đồng

- Năm 2009, Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và chuyển nhượng quyền mua cổ phần của cổ đông nhà nước tại Công ty CP xây dựng và đầu tư hạ tầng theo Quyết định số 4082/UBND- TC (ngày 27/7/2009) của UBND thành phố Hải Phòng. Lúc này Vốn điều lệ: 10.400.000.000 đồng tương đương 1.040.000 CP

Trong đó: +Vốn do nhà nước nắm giữ: 1.560.000.000 đồng tương đương 156.000 **cổ phiếu** chiếm 15% vốn điều lệ.

+ Vốn do người lao động trong Công ty nắm giữ: 8.840.000.000 đồng tương đương 884.000 **cổ phiếu** chiếm 85% vốn điều lệ.

- Đăng ký kinh doanh số 0203001935 ngày 9/12/2005, thay đổi đăng ký lần 3 ngày 5/11/2009 do Sở kế hoạch và đầu tư cấp.

- Mã số thuế: 0200157375

- Người đại diện trước pháp luật: Ông Đào Văn Nghiêm - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty.

- Tổng số cán bộ công nhân viên : 800

Trong đó : Công nhân trực tiếp : 710

Cán bộ quản lý : 90

Kỹ sư dân dụng và công nghiệp : 42

Kỹ sư máy xây dựng : 5

Trình độ trung cấp : 12

Cử nhân luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, ngoại ngữ, tin học: 31

- Tổ chức hoạt động của Công ty :

Các phòng nghiệp vụ : 4

Các đơn vị trực thuộc : * Xí nghiệp xây dựng: 7

* Đội xây dựng: 3

Tóm tắt các số liệu tài chính trong 3 năm gần đây:

Biểu 2.1: Tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh

Năm	2009	2010	2011
1. Tổng doanh thu	98.876.521.486	102.411.963.530	118.153.438.343
2. Doanh thu thuần	98.876.521.486	102.411.963.530	118.153.438.343
3. Giá vốn hàng bán	94.874.562.540	98.245.370.383	114.119.550.891
4. Lợi nhuận gộp	4.001.958.940	4.166.593.147	4.003.887.452
5. Tổng lợi nhuận trước thuế	4.125.879.560	4.727.466.436	4.744.518.032
6. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.031.469.890	1.181.866.609	1.186.879.508
7. Lợi nhuận sau thuế	3.094.409.670	3.545.599.704	3.560.638.524

(Nguồn – phòng kế toán Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng)

Năm 2010 doanh thu của Công ty đạt 102.411.963.530 đồng tăng đồng so với năm 2009 tương đương với tỉ lệ tăng là 5,37%. Năm 2011 doanh thu của Công ty đạt 118.153.438.343 đồng tăng 15.741.474.813 đồng với tỷ lệ tăng 15,37% so với năm 2010. Như vậy doanh thu của Công ty đã có sự tăng nhanh trở lại trước những khó khăn do chi phí NVL, chi phí nhân công, chi phí lãi vay, ... đều tăng cao. Có được sự thành công như vậy là do có sự nỗ lực cố gắng rất lớn của lãnh đạo Công ty cũng như công nhân viên. Lãnh đạo Công ty đã không ngừng tìm kiếm thị trường, phát triển nhân lực, thúc đẩy việc cải tiến kỹ thuật.

2.1.3 Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh

2.1.3.1 Chức năng, nhiệm vụ

Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng có chức năng nhiệm vụ:

- Lập dự án đầu tư, quản lý các dự án đầu tư nhóm A, B, C theo chỉ đạo của UBND thành phố.
- Nhận thầu thi công, xử lý nền móng CT, xây dựng các CT kỹ thuật hạ tầng đô thị bao gồm: San nền, làm đường giao thông, cấp thoát nước, cấp điện.

- Được huy động vốn đầu tư để xây dựng các khu đô thị mới, các khu công nghiệp theo quy hoạch và chỉ đạo của UBND thành phố như: giải phóng mặt bằng, khảo sát thiết kế, thi công san nền, thoát nước, cấp nước ban đầu và nguồn điện phục vụ cho công tác thi công.

- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, nhà ở, thủy lợi, giao thông (cầu đường), công trình ngầm dưới đất, dưới nước, xây dựng cầu tàu, bến cảng.

- Sản xuất mặt hàng Silicat. Thi công xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng.

- Được phép liên doanh liên kết với tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.1.3.2 Đặc điểm quy trình tổ chức sản xuất kinh doanh

Do các công trình, hạng mục công trình đòi hỏi chất lượng thi công công trình cao nên việc đánh giá khối lượng công việc hoàn thành được tiến hành theo một quy trình chặt chẽ gồm các bước sau:

Bước 1: Nghiệm thu nội bộ công trình

Ban kỹ thuật xây dựng, đội xây dựng tổ chức nghiệm thu khối lượng thực tế đã hoàn thành làm cơ sở để thanh toán tiền công xây dựng cho công nhân, đồng thời làm căn cứ để lập báo cáo nghiệm thu bước 2.

Bước 2: Nghiệm thu cơ sở

Thường do cán bộ của ban quản lý dự án (chủ đầu tư) cùng với Công ty thực hiện. Số liệu này dùng làm căn cứ để lập báo cáo.

Bước 3: Nghiệm thu thanh toán

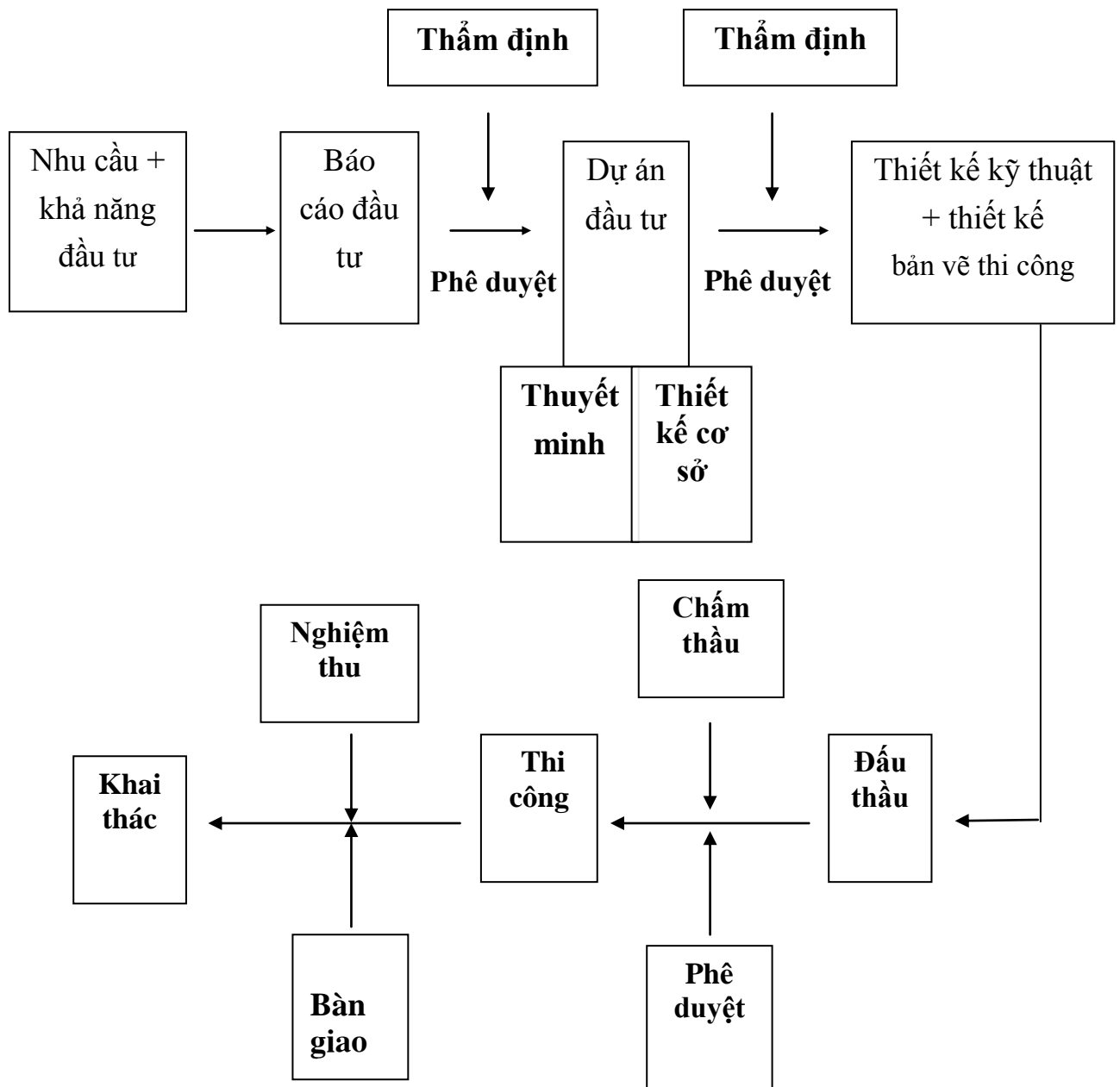
Nghiệm thu thanh toán thường được nghiệm thu theo hạng mục hoàn thành. Thành phần tham gia gồm các giám sát kỹ thuật của ban quản lý dự án, cán bộ giám sát thiết kế và Công ty. Căn cứ vào số liệu nghiệm thu này, Công ty lập hồ sơ thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành.

Bước 4: Nghiệm thu công trình hoàn thành

Thường được thực hiện khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Thành phần tham gia nghiệm thu như bước 3, ngoài ra có một số cơ quan cấp trên và một số cơ quan có liên quan. Đại diện bên A (chủ đầu tư) cùng bên B (đơn vị thi

công) tiến hành nghiệm thu xác định khối lượng xây lắp, đánh giá chất lượng làm cơ sở thanh quyết toán công trình.

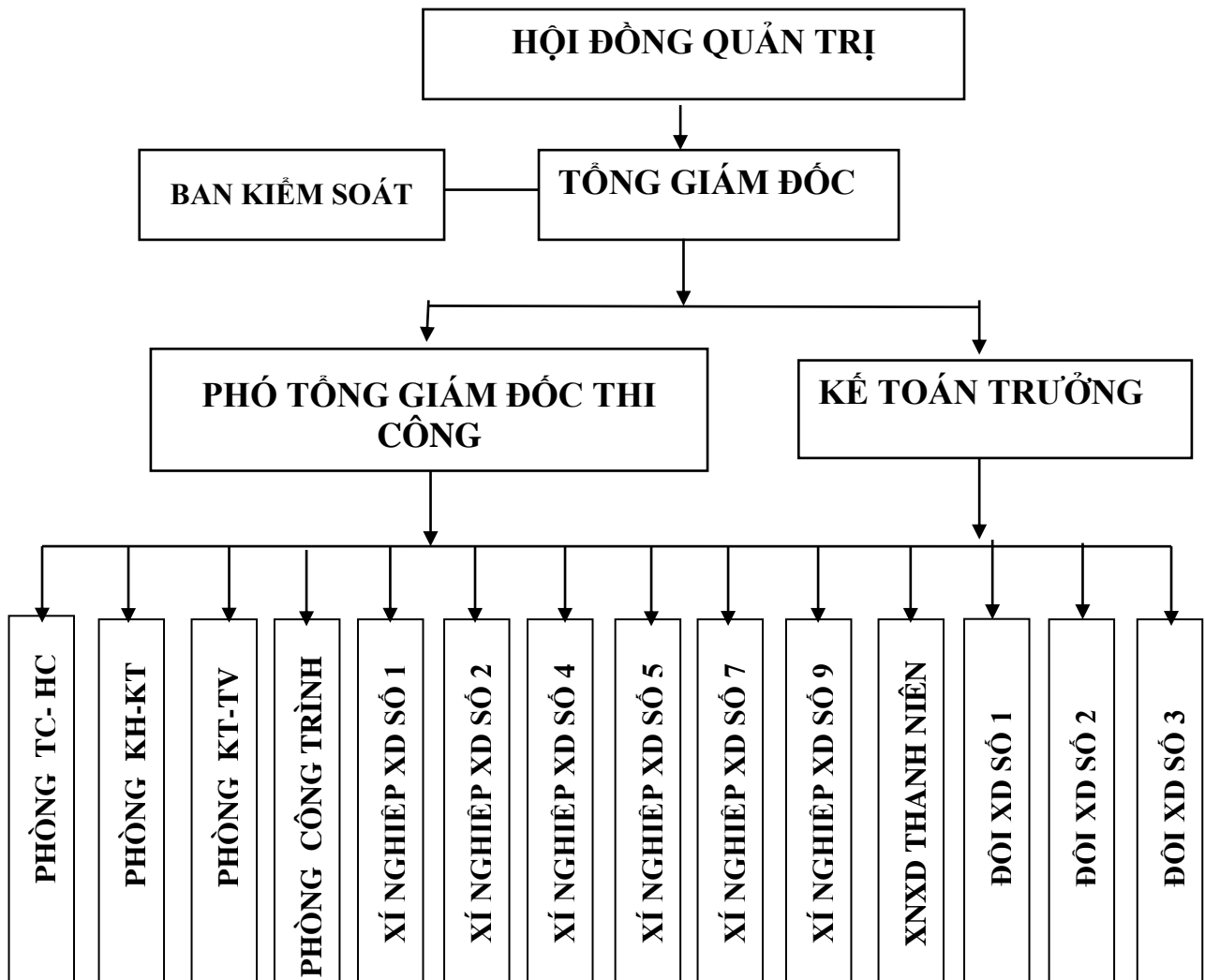
Ngoài những công trình đặc biệt được chỉ định thầu, Công ty phải thực hiện đấu thầu, ký kết hợp đồng kinh tế với chủ đầu tư, thành lập công trường, tiến hành thi công theo kế hoạch được duyệt. Khi CT hoàn thành sẽ được nghiệm thu khối lượng, chất lượng CT rồi làm quyết toán bàn giao cho chủ đầu tư. Quá trình hoạt động xây lắp của Công ty được khái quát qua sơ đồ:



Sơ đồ 2.1: Khái quát quy trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng

2.1.5 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty được thực hiện theo mô hình trực tuyến chức năng:



Sơ đồ 2.2: MÔ HÌNH TỔ CHỨC CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG

Chức năng nhiệm vụ:

- **Hội đồng quản trị** : Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty.
- **Ban kiểm soát** : là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh quản trị điều hành Công ty.

➤ **Tổng giám đốc** (Kiêm chủ tịch Hội đồng quản trị) Đào Văn Nghiêm là người đại diện cho Công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Công ty, là người nắm quyền hành cao nhất trong Công ty.

➤ **Phó tổng giám đốc thi công:** giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo công tác sản xuất, điều động sản xuất và quản lý các vấn đề an ninh trật tự, phụ trách các xí nghiệp, môi trường.....

➤ **Kế toán trưởng:** Là người phụ trách công tác kế toán cho Công ty, tham mưu cho giám đốc đề xuất các biện pháp tài chính hiệu quả. Bên cạnh đó kế toán trưởng phải theo dõi các nghĩa vụ với nhà nước và chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật về số liệu kế toán của Công ty.

➤ **Phòng tổ chức hành chính:**

- Tham mưu cho lãnh đạo xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương theo yêu cầu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

- Nghiên cứu tổ chức bộ máy quản lý Công ty, bộ máy các đội, xí nghiệp trực thuộc. Quản lý cán bộ công nhân viên chức và hồ sơ, có kế hoạch tuyển dụng đào tạo, đề bạt nâng bậc, nâng cao trình độ tay nghề, chuyển chuyên theo sự phát triển của Công ty.

- Quản lý tổng quỹ tiền lương, báo cáo thực hiện quỹ lương, báo cáo lao động và chỉ tiêu theo quy định của nhà nước. Tổ chức thực hiện các chế độ chính sách theo luật lao động tiền lương.

- Tham mưu bổ nhiệm, đề bạt và bãi nhiệm cán bộ phụ trách phòng, đội và Xí nghiệp theo trình độ năng lực và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tổ chức quản lý hành chính Công ty.

➤ **Phòng kế hoạch - kỹ thuật:**

- Tham mưu tổng hợp toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Căn cứ vào định hướng phát triển sản xuất kinh doanh, xây dựng chi tiết kế hoạch: tháng, quý, năm phân bổ xuống các đội, xí nghiệp tổ chức thực hiện.

- Tập trung khai thác công tác thiết kế các công trình với quy mô vừa và lớn, thiết kế các mẫu phù hợp với kỹ - mỹ thuật.

- Đề xuất thay đổi thiết kế thi công không phù hợp.
- Thường xuyên kiểm tra sản phẩm từng điểm dừng kỹ thuật cho đến khi hoàn thiện công trình. Quản lý hồ sơ tình trạng kỹ thuật khai thác có hiệu quả các công trình Công ty thi công .

- Xây dựng phương án tuyên truyền an toàn lao động.

➤ **Phòng Kế toán tài vụ:**

Thực hiện 2 chức năng cơ bản là kế toán tài chính và kế toán quản trị.

- + Kế toán tài chính: Quản lý, khai thác mọi nguồn vốn phục vụ kịp thời cho sản xuất kinh doanh . Cung cấp thông tin kinh tế - tài chính về một tổ chức cho nhà quản lý ở các cấp độ khác nhau.

- + Kế toán quản trị: Cung cấp các thông tin kinh tế - tài chính gắn liền các số liệu cụ thể quan hệ với dự báo, đánh giá kiểm soát và trách nhiệm trong việc điều hành tổ chức, thực hiện hàng ngày ở mỗi bộ phận.

Thể hiện tính chính xác, trung thực, chuẩn mực của thông tin, thực hiện theo luật kế toán, các nghị định, thông tư của bộ tài chính ban hành.

➤ **Phòng công trình:**

- Chuyên nghiên cứu tìm việc làm thông qua công tác nhận thầu, đấu thầu các công trình.

- Giúp đỡ các chủ đầu tư lập báo cáo kinh tế, kỹ thuật, lập dự án đầu tư nhằm tăng cường mối quan hệ với chủ đầu tư, tạo cơ hội nhận thầu, đấu thầu công trình thắng lợi.

- Lập dự án đầu tư sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược của Công ty nhằm đưa Công ty phát triển mạnh mẽ một cách chủ động.

- Tìm kiếm đối tác liên doanh, sản xuất kinh doanh.

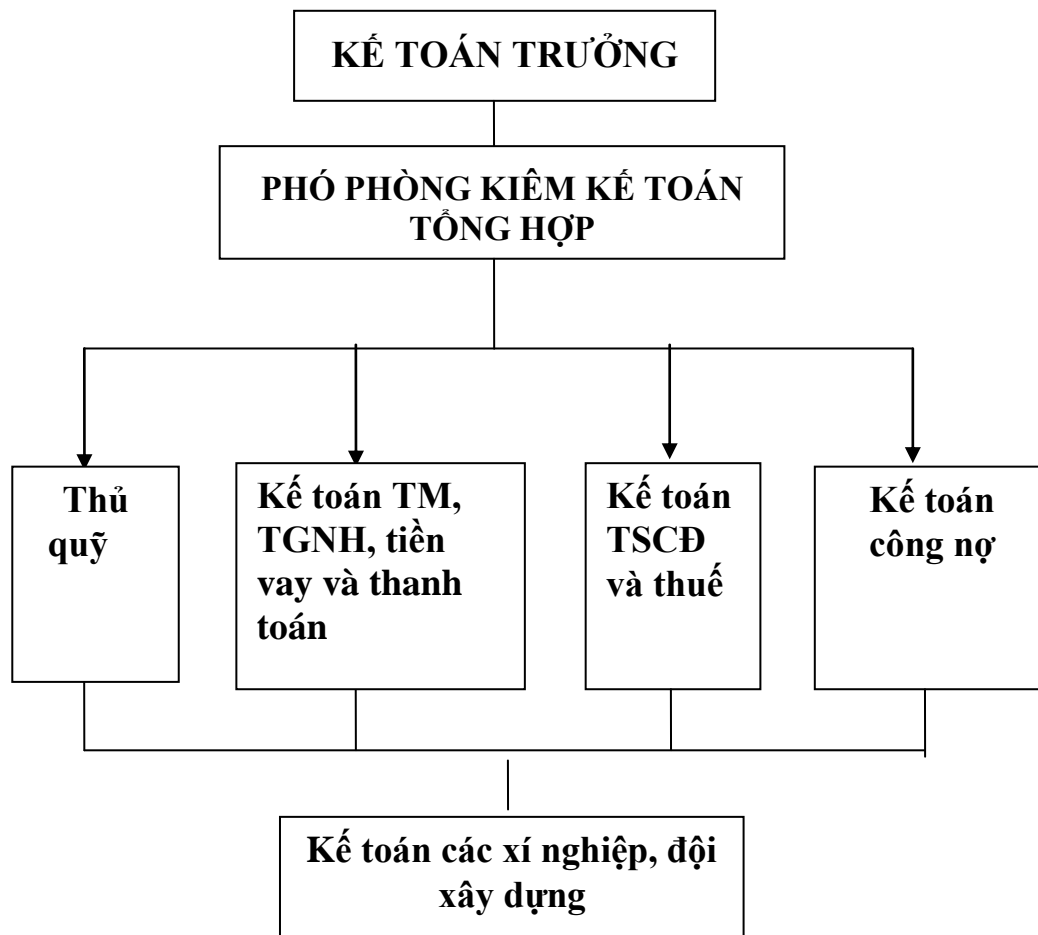
➤ **Các xí nghiệp xây dựng, đội xây dựng:** Thực hiện và tổ chức thi công theo hợp đồng giao khoán nội bộ, thanh quyết toán hợp đồng khoán cho Công ty, được đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng giám đốc và phòng kế hoạch kỹ thuật, đảm bảo đúng tiến độ kỹ - mỹ thuật công trình. Mỗi xí nghiệp, đội xây dựng được biên chế đầy đủ cán bộ chỉ huy, cán bộ kỹ thuật, nhân viên kế toán, nhân viên vật tư,...

2.1.6 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

2.1.6.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán

Phòng kế toán của Công ty gồm 6 thành viên có trách nhiệm hạch toán toàn bộ quy trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty đang áp dụng hình thức kế toán vừa tập trung vừa phân tán vì dưới Công ty có 7 xí nghiệp và 3 đội xây dựng, áp dụng hình thức này các xí nghiệp, các đội được chủ động hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, trình độ chuyên môn của cán bộ làm công tác kế toán, Công ty tổ chức bộ máy kế toán như sau:



Sơ đồ 2.3: MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN

➤ **Kế toán trưởng:** Có nhiệm vụ phụ trách chung, thực hiện chức năng quản lý tài chính. Đầu tuần kế toán trưởng báo cáo tình hình chung của Công ty cho cấp trên đồng thời nhận công việc mà cấp trên giao, sau đó chỉ đạo

hướng dẫn công tác kế toán cho các kế toán viên. Kế toán trưởng còn tham gia kí duyệt các quyết định chi tiền, tham mưu cho Giám đốc các vấn đề liên quan đến tài chính.

➤ **Kế toán tổng hợp:** Tập hợp GT các CT hay HMCT hoàn thành từ kế toán các xí nghiệp, đội xây dựng phụ thuộc; tổng hợp, xử lý tất cả các số liệu của từng bộ phận kế toán chi tiết, tính toán kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Định kỳ lập bảng cân đối tài khoản và các báo cáo tài chính.

➤ **Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay và thanh toán:** Có nhiệm vụ quản lý, theo dõi toàn bộ tình hình thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tạm ứng, thanh toán với ngân hàng. Căn cứ vào các chứng từ lao động – tiền lương để tổng hợp chi phí tiền lương, thưởng, các khoản trích theo lương, trả lương cho người lao động.

➤ **Kế toán vật tư, TSCĐ và thuế:** Có nhiệm vụ thu thập, xử lý, kiểm tra tất cả các thông tin có liên quan đến quá trình xuất, nhập, phân bổ vật liệu, dụng cụ, theo dõi tình hình biến động vật tư ở xí nghiệp, đội xây dựng. Có nhiệm vụ phản ánh với giám đốc việc mua sắm trang thiết bị, bảo quản và sử dụng TSCĐ. Tính đúng khấu hao, phân bổ khấu hao vào các đối tượng chịu chi phí. Tính chi phí sửa chữa TSCĐ. Hạch toán chính xác chi phí thanh lí, nhượng bán TSCĐ và kê khai thuế GTGT đầu vào, thuế GTGT đầu ra, nộp thuế cho ngân sách nhà nước.

➤ **Kế toán công nợ:** Theo dõi các khoản nợ phải thu, phải trả và tình hình thanh toán khoản phải thu của người nhận thầu về khối lượng xây dựng đã hoàn thành, thanh toán các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp.

➤ **Thủ quỹ:** Quản lý tiền mặt ở Công ty, theo dõi việc thu chi trong ngày, cuối mỗi ngày thủ quỹ khóa sổ, kiểm kê tồn quỹ và đối chiếu với kế toán tổng hợp trước khi trình lên kế toán trưởng.

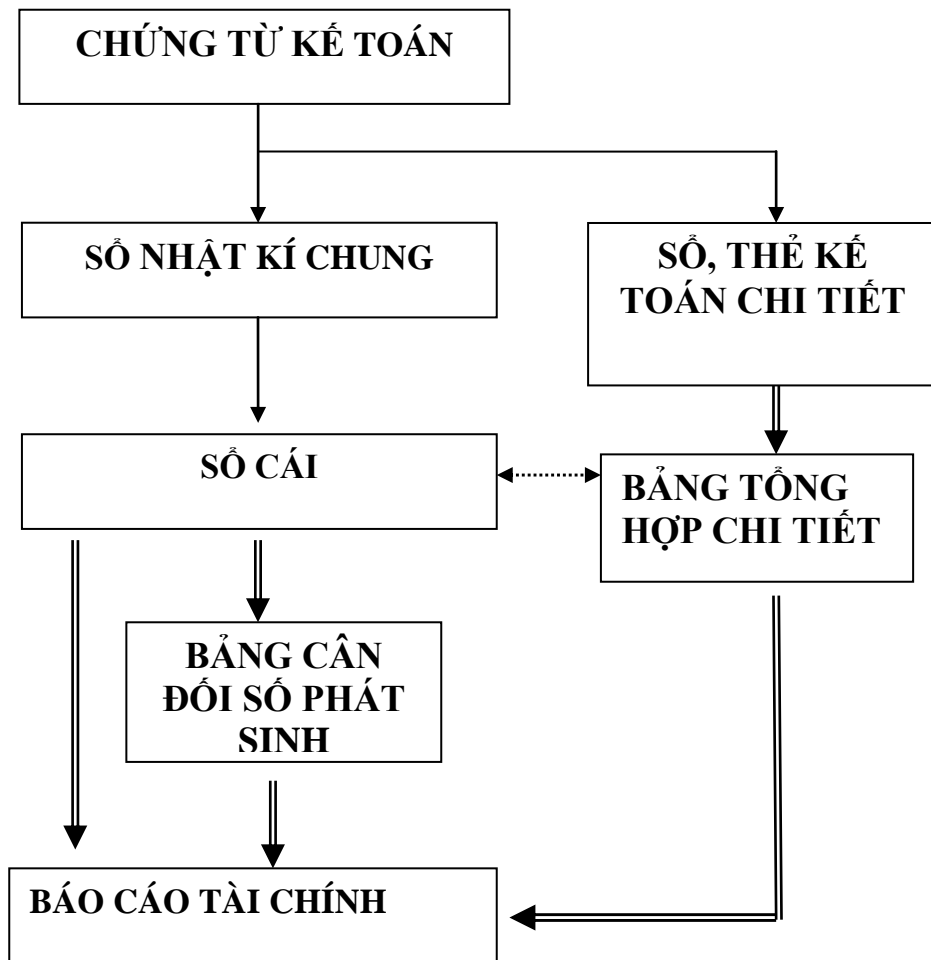
➤ **Kế toán tại các xí nghiệp, đội xây dựng:** trực tiếp thực hiện hạch toán tại xí nghiệp, tập hợp chứng từ, vào các loại bảng kê, kê hóa đơn đầu vào nộp Công ty, tập hợp chi phí vào bảng tổng hợp giá thành.

2.1.6.2 Chế độ kế toán và hình thức kế toán

➤ **Chế độ kế toán doanh nghiệp:** Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính, được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009, đồng thời Công ty tuân thủ luật kế toán và các chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01/xxxx đến hết ngày 31/12/xxxx.
- Kỳ báo cáo: năm, giữa niên độ.
- Hình thức kế toán: Nhật ký chung, được mô tả theo sơ đồ 2.4 dưới đây.
- Hệ thống chứng từ và sổ kế toán: bao gồm các mẫu bắt buộc và mẫu hướng dẫn theo quy định.
- Hệ thống báo cáo tài chính: 4 báo cáo tài chính theo chế độ quy định bao gồm:
 - + Bảng cân đối kế toán. (Mẫu số B01 – DN)
 - + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. (Mẫu số B02 – DN)
 - + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. (Mẫu số B03 – DN)
 - + Thuyết minh báo cáo tài chính. (Mẫu số B09 – DN)
- Đơn vị tiền tệ: đồng Việt Nam.
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp quản lý và trích khấu hao TSCĐ:
 - + Nguyên tắc xác định nguyên giá tài sản: Hạch toán theo giá gốc.
 - + Phương pháp khấu hao áp dụng: phương pháp đường thẳng.
 - + Tỷ lệ khấu hao: Áp dụng theo thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009.
 - **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:**
 - + Nguyên tắc đánh giá: tính theo giá gốc
 - + Phương pháp tính giá xuất kho: theo giá thực tế đích danh từng lần nhập.
 - + Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- **Công ty không sử dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính mà chủ yếu làm thủ công trên excel.**

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng, hoặc định kì
- <-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán tại phòng kế toán
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng**

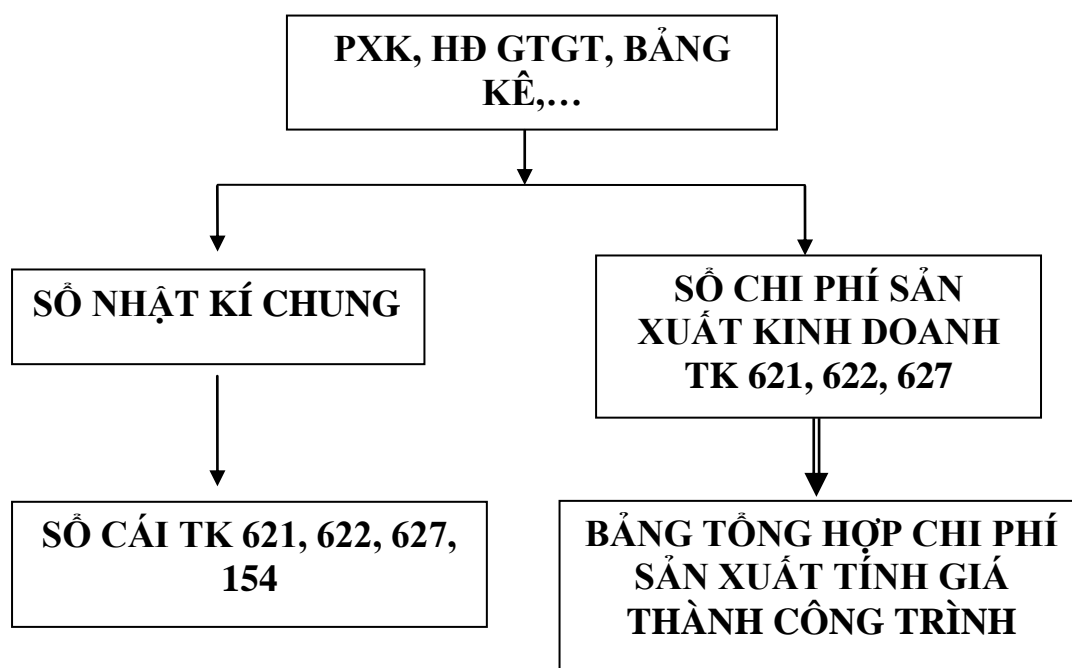
(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập bảng cân đối số phát sinh.

(3) Hiện nay Công ty chỉ mới mở được sổ chi tiết cho các Tài khoản (TK): 111, 112, 131, 138, 141, 331,... Công ty chưa mở sổ chi tiết cho các TK loại 5.

(4) Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Kế toán xí nghiệp xây dựng số 4 thực hiện việc ghi sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại xí nghiệp, tập hợp CPSX từng CT, HMCT vào Bảng tổng hợp chi phí sản xuất tính giá thành công trình gửi về phòng kế toán Công ty cùng với các chứng từ gốc làm căn cứ kiểm tra, đối chiếu. Việc tập hợp CPSX và tính GTCT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm” do kế toán xí nghiệp tập hợp.



Ghi chú:

————→ Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối tháng, hoặc định kì

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Xí nghiệp xây dựng số 4

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng

2.2.1 Đặc điểm thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất

2.2.1.1. Nguyên tắc kế toán chi phí sản xuất ở Công ty

Sản phẩm Công ty sản xuất là công trình xây dựng. Ở Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng CPSX được tập hợp theo từng CT, HMCT, khối lượng xây lắp hoàn thành. Trong trường hợp công trình lớn hoặc bên chủ đầu tư yêu cầu thì Công ty tổ chức hạch toán chi phí theo hạng mục công trình. Nguyên tắc hạch toán chi phí sản xuất ở Công ty là chi phí phát sinh tại CT, HMCT nào thì tập hợp cho CT, HMCT đó. Đối với chi phí phát sinh dùng cho nhiều công trình thì Công ty tiến hành phân bổ theo tiêu thức thích hợp.

2.2.1.2 Đối tượng, phương pháp tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty

► **Đối tượng tập hợp CPSX:** xuất phát từ đặc điểm của ngành xây dựng là sản phẩm mang tính đơn chiếc, thi công lâu dài, phức tạp, cố định và có giá trị lớn nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất của Công ty là **từng đơn đặt hàng**.

Hiện nay Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp theo các khoản mục chi phí sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sản xuất chung
- Đối với chi phí sử dụng máy thi công Công ty hạch toán vào chi phí sản xuất chung. Công ty thực hiện xây lắp các công trình theo phương thức thi công hỗn hợp (vừa thủ công, vừa kết hợp bằng máy). Máy móc thi công chủ yếu là thuê ngoài, chi phí thuê MTC được Công ty hạch toán vào TK 6277 “chi phí dịch vụ mua ngoài”. Công ty không sử dụng tài khoản “Chi phí sử dụng máy thi công” (TK 623).

► **Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất:** phương pháp trực tiếp và phương pháp phân bổ gián tiếp đối với chi phí sản xuất liên quan đến nhiều đối tượng chi phí, sử dụng các tài khoản 621, 622, 627.

- Tài khoản 621: Công ty dùng phản ánh CP NVL chính và NVL phụ sử dụng trực tiếp cho việc thi công CT, HMCT.

- Tài khoản 622: Phản ánh chi phí lao động trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản tiền phải trả, phải thanh toán cho công nhân trực tiếp sản xuất.

- Tài khoản 627: Công ty dùng phản ánh chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh phát sinh ở đội nhận thầu hoặc công trình xây lắp bao gồm: chi phí nhân viên, chi phí vật liệu, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài (bao gồm cả chi phí thuê máy thi công) và các khoản chi phí khác bằng tiền phát sinh liên quan đến hoạt động xây lắp.

Ngoài ra Công ty còn sử dụng tài khoản liên quan khác đến việc tập hợp chi phí sản xuất như TK 141, TK136, Tk 336...

2.2.1.3 Đối tượng, kỳ hạn và phương pháp tính giá thành sản phẩm

► **Đối tượng tính giá thành:** việc xác định đối tượng tính GT có ý nghĩa rất quan trọng đối với công tác kế toán tính GTSP. Để xác định đúng đối tượng tính GT, kế toán căn cứ vào đặc điểm sản xuất của Công ty cũng như các loại sản phẩm và tính chất của các loại sản phẩm mà Công ty tổ chức. Công ty đã xác định đối tượng tính GT là sản phẩm cụ thể của từng đơn đặt hàng.

► **Kỳ tính giá thành:** xuất phát từ đặc điểm tổ chức sản xuất, chu kỳ sản xuất lâu dài nên khi tính giá thành của Công ty được xác định theo tháng, quý hoặc năm, tùy theo từng công trình, HMCT. Đối với CT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm” kỳ tính giá thành là từ khởi công thi công CT đến khi hoàn thành bàn giao.

► **Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp:**

Do đặc điểm loại hình sản xuất, sản phẩm của Công ty là những đơn đặt hàng do vậy phương pháp tính giá thành sản phẩm là phương pháp theo đơn đặt hàng. Đặc điểm của phương pháp này là tính giá thành riêng biệt theo từng đơn đặt hàng nên việc tổ chức công tác kế toán CPSX phải được chi tiết hóa theo từng đơn đặt hàng. Mỗi công trình, đơn hàng kể từ khi khởi công đến khi hoàn thành bàn giao đều được mở riêng các sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh.

2.2.2 Nội dung trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành

Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Hạ tầng thực hiện khoán gọn CT, HMCT cho các xí nghiệp xây dựng. Việc khoán gọn được thực hiện với những đơn hàng vừa và nhỏ. Để minh họa dòng chảy số liệu, đề tài lấy số liệu của sản phẩm có mã số là SP12.

Công trình: “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”

Địa điểm: Phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, TP Hải Phòng.

Chủ đầu tư: Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm

Đơn vị thiết kế: Cty CP tư vấn thiết kế Dự Án Quốc Tế

Đơn vị TVGS: Cty CP tư vấn thiết kế CTXD Hải Phòng

Đơn vị thi công: Cty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng

Hợp đồng thi công xây dựng số 06-22/07/2011/HĐTC ngày 22/07/2011

Công trình bắt đầu thi công ngày 04/08/2011 và đã hoàn thành ngày 19/12/2011. Sau khi ký kết hợp đồng kinh tế thi công xây dựng công trình, phòng Kinh tế - Kế hoạch của Công ty sẽ lập giá thành dự toán của công trình và tiến độ thi công của CT đó. Căn cứ vào dự toán được lập, tiến độ thi công của công trình, yêu cầu của công trình mà giao nhiệm vụ sản xuất thi công cho Xí nghiệp xây dựng số 4 đảm nhiệm. Công ty ký hợp đồng giao khoán nội bộ với giám đốc XNXD số 4 (**Biểu 2.2**), ra Quyết định chỉ định bộ máy thi công (**Biểu 2.3**).

Tổng giám đốc Công ty giao nhiệm vụ cho phòng kế hoạch kỹ thuật giám sát, theo dõi công trình cả về số lượng, chất lượng, kỹ mỹ thuật công trình. Phòng kế toán tài vụ cân đối vốn tạo điều kiện cho các xí nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Công ty giao khoán. Kế toán Xí nghiệp xây dựng số 4 hàng ngày phải thông tin báo cáo kịp thời mọi hoạt động của xí nghiệp cho các phòng ban trực tiếp quản lý giám sát việc thi công CT này.

Biểu 2.2: (Hợp đồng giao khoán nội bộ)

UBND thành phố Hải Phòng
Công ty CP xây dựng & ĐT hạ tầng

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- ✨ -----
Hải Phòng, ngày 28 tháng 07 năm 2011

Hợp đồng giao khoán
Số: **07/HĐGK/2011**

Công trình : “**Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm**”

Hạng mục : **Nhà 2 tầng**

Địa điểm xây dựng : **Phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, TP Hải Phòng.**

Chủ đầu tư : **Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm**

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (có hiệu lực từ ngày 01/01/2006).

- Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị số 02/2009/HĐQT ngày 28/4/2009 quy định tỷ lệ trích nộp doanh thu công trình kể từ ngày 1/4/2009.

- Căn cứ hợp đồng số: 06 /HĐTC ký ngày 22/07/2011 giữa Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm với Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Hạ tầng.

- Căn cứ cuộc họp giao ban về tỷ lệ trích nộp doanh thu các Công trình ngày 01 tháng 03 năm 2011.

Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Hạ tầng giao khoán cho **Đơn vị thi công** trực tiếp thi công công trình với các điều khoản sau:

Điều I: Nội dung công việc

Giao khoán cho Đơn vị thi công: Xổ nghiệp số 4

Đại diện là: Ông Đào Văn Quang - Chức vụ: **Chỉ huy trưởng**

Trực tiếp quản lý, bố trí nhân lực, thiết bị và tổ chức thực hiện thi công công trình theo nội dung và các điều khoản của HĐKT mà Công ty đã ký với Chủ đầu tư từ khi khởi công đến khi hết thời gian bảo hành công trình.

Điều II: Chỉ tiêu giao khoán

1. Đơn vị thi công nhận giao khoán theo giá trị hợp đồng.

Tổng giá trị: **1.903.499.226 đồng**

(**Bằng chữ: Một tỷ chín trăm linh ba triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn hai trăm hai sáu đồng**).

2. Thời gian khởi công công trình : Ngày 04 tháng 08 năm 2011.

Thời gian hoàn thành bàn giao : Ngày 19 tháng 12 năm 2011

Điều III: Trách nhiệm của Đơn vị thi công:

- Toàn bộ hồ sơ có liên quan đến công trình phải đ- ợc Công ty kiểm soát và l- u tại phòng Kế hoạch Kỹ thuật tổng hợp, phòng Tài vụ công ty và Đơn vị thi công.

- Chịu trách nhiệm toàn bộ về việc tổ chức điều phối nhân lực thi công và cung cấp vật t- cho công trình để đảm bảo đúng tiến độ, chất l- ợng, kỹ mỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế và phải có biện pháp thi công đ- ợc các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chịu trách nhiệm về toàn bộ các khâu ATLĐ, bảo hộ lao động, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi tr- ờng, phòng chống cháy nổ .v.v. trong khu vực thi công, an toàn giao thông đối với những ng- ời có phận sự.

- Công ty phân cấp cho đơn vị thi công chịu trách nhiệm và thực hiện các quy định của Bộ luật lao động, Luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu t- xây dựng công trình; Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất l- ợng công trình xây dựng; Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 209/2004/NĐ-CP; Thông t- số 27/2009/TT-BXD ngày 31/7/2009 h- ớng dẫn một số nội dung về quản lý chất l- ợng công trình xây dựng, Pháp lệnh kế toán thống kê 1988; hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 của Công ty.

- Thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng kinh tế đã ký giữa Chủ đầu t- với Công ty và quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Điều IV: Nghiệm thu công trình:

- Việc nghiệm thu thực hiện theo quy định của nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 và Nghị định 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ.

- Hồ sơ quyết toán công trình phải qua phòng Kế hoạch KTTH, Ban ISO Công ty xác nhận tr- ớc khi trình Tổng giám đốc ký.

- Đơn vị thi công chịu trách nhiệm hoàn toàn về khối l- ợng, chất l- ợng, kiểm tra khối l- ợng thanh toán giai đoạn, quyết toán công trình, bản vẽ hoàn công và chứng từ hoá đơn. Hồ sơ quyết toán, nghiệm thu và hoàn công công trình đ- ợc duyệt l- u tại phòng Kế hoạch Kỹ thuật tổng hợp và Đơn vị thi công.

Điều V: Về vốn và thanh quyết toán công trình:

- Đơn vị thi công sử dụng mọi nguồn vốn để thi công công trình. Tr- ờng hợp muốn vay vốn thì phải có văn bản đề nghị Công ty và tuân theo các quy định trong quy chế quản lý tài chính và ngân hàng về việc cho vay tín dụng và Nghị quyết của HĐQT Công ty.

- Các khoản tạm ứng, thanh quyết toán công trình bắt buộc phải chuyển về tài khoản Công ty.

- Công ty sẽ thanh toán tiền cho Đơn vị thi công khi bên A chuyển tạm ứng và thanh quyết toán về tài khoản công ty. Đơn vị thi công tự hạch toán công trình, chịu trách nhiệm tr-ớc Công ty và pháp luật về công tác hạch toán, kế toán.

- Khi thanh toán tiền cho Đơn vị thi công, Công ty sẽ trừ đi **5,5 %** doanh thu công trình để chi cho bộ máy quản lý và các chi phí khác theo quy định của Nhà n-ớc. Đồng thời Công ty tạm giữ thêm 10% giá trị xây lắp tr-ớc thuế để thay Đơn vị thi công nộp thuế giá trị gia tăng cho Nhà n-ớc, khi Đơn vị thi công có hoá đơn thuế giá trị gia tăng thì sẽ đ-ợc Công ty hoàn trả lại tiền thuế đã ghi trong hoá đơn.

- Đơn vị thi công tự hạch toán kinh tế công trình, toàn bộ hồ sơ phải gửi về phòng Tài vụ Công ty.

- Tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng do Đơn vị thi công chịu trách nhiệm.

- Tất cả các khối l-ợng phát sinh đều thực hiện theo hợp đồng này.

Điều VI: Cam kết chung:

- Đơn vị trực tiếp thi công công trình, cam kết thực hiện nội dung hợp đồng kinh tế giao nhận thầu xây lắp đ-ợc ký giữa Công ty và Chủ đầu t-.

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản trong hợp đồng này, bên nào vi phạm phải chịu trách nhiệm tr-ớc pháp luật.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và đ-ợc lập thành 03 bản có giá trị pháp lý nh- nhau và đ-ợc gửi đến:

* Phòng Kế hoạch Kỹ thuật tổng hợp	:	01 bản
* Phòng Tài vụ	:	01 bản
* Đơn vị thi công	:	01 bản

Bên nhận khoán

Bên giao khoán

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Xây dựng và đầu tư hạ tầng)

Khi nhận được hợp đồng thi công công trình, công khoán gọn toàn bộ giá trị CT này là **1.903.499.226** đồng cho XNXD số 4. Theo quy định của Công ty, khi Công ty nhận được tiền thanh toán từ phía chủ đầu tư, Công ty giữ lại 5,5% tổng giá quyết toán để chi phí cho bộ máy quản lý, 10% thuế GTGT, còn lại thanh toán 84,5% tổng giá quyết toán cho XNXD số 4.

Biểu 2.3: (Quyết định chỉ định bộ máy thi công)

công ty xây dựng & đầu tư hạ tầng
xí nghiệp xây dựng số 4
Số:137/CV

cộng hòa xã hội chủ nghĩa việt nam
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc
====***====

"V/v: Chỉ định bộ máy thi công"

Hải Phòng, ngày 28 tháng 07 năm 2011

giám đốc xí nghiệp xây dựng số 4

- Căn cứ quyết định số 06/TC ngày 25/02/2000 của Công ty xây dựng & phát triển cơ sở hạ tầng nay là Công ty CP Xây dựng & Đầu tư hạ tầng về việc thành lập Xí nghiệp xây dựng số 4.

- Căn cứ vào hợp đồng số 07/HĐGK-2011 ngày 28/07/2011 của Công ty CP Xây dựng & đầu tư hạ tầng về việc giao khoán nội bộ thi công công trình xây dựng: "**Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm**".

- Xét yêu cầu công tác và năng lực cán bộ.

quyết định

Điều 1: Nay chỉ định bộ máy thi công công trình: "**Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm**" gồm những ông có tên như sau:

1. Ông: Đào Văn Quang – Kỹ sư trưởng công trình kiêm trưởng ban ATLĐ
2. Ông: Nguyễn Đình Thi – Kỹ sư chính kiêm uỷ viên thường trực ban ATLĐ
3. Ông: Đào Văn Huy - Cán bộ vật tư
4. Ông: Đinh Văn Chước – Thủ kho
5. Ông: Nguyễn Văn Công – Bảo vệ
6. Ông: Nguyễn Văn Cường - An toàn viên

Điều 2: Hệ số phụ cấp công trường của các ông có tên trên theo đúng quy định của Xí nghiệp.

Điều 3: Các ông có tên trên có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhân:

giám đốc xí nghiệp

- Như điều 3

- Lưu

Đào Văn Quang

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Xây dựng và đầu tư hạ tầng)

2.2.2.1 Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là loại chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong giá thành (60% - 70%). Do vậy, việc hạch toán chi phí nguyên vật liệu chính xác, hợp lý, trung thực là hết sức quan trọng giúp Công ty xác định chi phí bỏ ra, tránh lãng phí, mất mát, tính đúng và tính đủ giá thành công trình.

NVL của công trình gồm nhiều loại, chủ yếu phải mua theo giá thị trường. Điều này gây khó khăn cho công tác hạch toán khoản mục chi phí NVL do thời gian xây dựng thường kéo dài nên có nhiều biến động về giá cả theo sự biến động của thị trường.

- Nguyên vật liệu chính: cát xây dựng (cát xây, cát vàng,...), đá (đá hộc, đá dăm, ...), sỏi, xi măng, sắt, thép, gạch, bê tông đúc sẵn, v.v.

- Nguyên vật liệu phụ: ván ép, formica, cốt ép, giấy dán, sơn các loại...

- Một số vật liệu khác như dây, đinh, vít ... và các loại vật liệu sử dụng luân chuyển như ván khuôn, đà giáo ...

➤ ***Tài khoản kế toán:*** Tài khoản 621 “chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”. TK621 phản ánh các nguyên vật liệu dùng trực tiếp thực tế sử dụng cho CT.

➤ ***Hệ thống chứng từ:*** phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế, bảng kê nguyên vật liệu xuất kho, phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy đề nghị thanh toán, và các chứng từ khác có liên quan.

➤ ***Sổ sách sử dụng:*** - Sổ nhật ký chung,

- Sổ cái TK 621,

- sổ chi tiết TK 621 (chi tiết từng CT, HMCT),

- các sổ khác có liên quan...

➤ ***Quy trình hạch toán:***

Xí nghiệp căn cứ vào dự toán khối lượng xây lắp và định mức tiêu hao vật tư để tính toán lượng vật tư, lập bảng kế hoạch mua vật tư, lập yêu cầu cung cấp vật tư thông qua Giám đốc xí nghiệp ký duyệt, xuống phòng Kế toán - tài vụ của Công ty mà xin tạm ứng mua nguyên vật liệu. Sau khi hoàn thành các thủ tục xem

xét và xác nhận của Kế toán trưởng và giám đốc thì kế toán thanh toán viết phiếu chi, hay uỷ nhiệm chi tạm ứng tiền.

Sau khi xí nghiệp nhận được tiền, chủ nhiệm công trình hoặc đội trưởng công trình tiến hành đi mua vật tư không qua nhập kho, xuất thẳng tới chân công trình theo nhu cầu sử dụng và tiến độ thi công của công trình, do các đội trực tiếp quản lý. Thủ kho công trình, nhân viên kỹ thuật xây dựng kiểm tra chất lượng, số lượng, mẫu mã vật tư, ban kiểm nhận lập Biên bản kiểm nghiệm vật tư, cán bộ vật tư và thủ kho ký nhận; đồng thời lập Biên bản giao nhận vật tư với người bán. Sau khi đảm bảo đúng, đủ theo yêu cầu, thủ kho lập phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho được lập làm hai liên. Một liên thủ kho giữ, 1 liên kế toán xí nghiệp giữ để làm căn cứ lập bảng kê nhập xuất. Sau đó thủ kho lập phiếu xuất kho tùy theo hạng mục thi công, đội thi công, lý do xuất kho. Giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho tính theo giá thực tế đích danh từng lần nhập. Việc cung cấp vật tư cho công trình được xây dựng trên nhu cầu thực tế và hồ sơ thiết kế kỹ thuật nên không có trường hợp vật tư lưu chuyển nội bộ giữa các công trình và không có nguyên vật liệu tồn kho.

Đến cuối tháng, cuối quý, kế toán xí nghiệp tập hợp các chứng từ gốc (hoá đơn GTGT, PNK, P XK, ...) chuyển lên phòng Kế toán - tài vụ của Công ty.

Công ty không sử dụng TK152 “Nguyên liệu, vật liệu”, vật liệu không nhập kho nhưng kế toán vẫn viết phiếu nhập kho, phiếu xuất kho làm căn cứ kiểm soát số lượng nhập, đơn giá từng lần nhập, số lượng thực tế đã xuất kho. Từ phiếu xuất kho kế toán vào sổ chi tiết TK 621 mở riêng cho từng CT.

Ví dụ 1: Ngày 04/08/2011 mua cọc tre, cây chống của Công ty TNHH Hiền Thương, chưa thanh toán, xuất thẳng cho công trình xây dựng “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm” để thi công nền móng, số tiền là 32.460.000 đồng.

Biểu 2.4: (Biên bản giao nhận vật tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----&---

BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ*Theo HĐ số (nếu có): không**Phụ kiện HĐ (nếu có) số:không..... ký ngày/...../2011.*

Tại kho : Trường Trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm

Địa chỉ kho : Phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Hôm nay, ngày 04 tháng 08 năm 2011, chúng tôi gồm:

BÊN BÁN (BÊN A): CÔNG TY TNHH Hiểu Thương

Mã số thuế : 0200914000

Do ông (bà) : Mai Văn Xiêm Làm đại diện giao hàng.

Điện thoại di động :

BÊN MUA (BÊN B): CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG

Mã số thuế : 0200157375

Do ông (bà) : Đào Văn Huy Làm đại diện nhận hàng.

Điện thoại di động :

Hai bên nhất trí xác nhận bên A đã giao vật tư và nhập vào kho của bên B chi định. Hàng hóa đã được giao đúng số lượng và tiêu chuẩn chất lượng của bên B yêu cầu. Cụ thể như sau:

STT	Ngày nhập	Tên vật liệu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Ghi chú
1	04/08/2011	Cọc tre	cọc	3.340	9.000	
2	04/08/2011	Cây chống	cây	160	15.000	

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A*(Đã ký)***ĐẠI DIỆN BÊN B***(Đã ký)**(Nguồn Xi nghiệp xây dựng số 4 – Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng)*

Biểu 2.5: (Phiếu nhập kho)**Công ty CP XD & ĐTHT**

Mẫu số 01-VT

Xí nghiệp xây dựng số 4(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**PHIẾU NHẬP KHO**

Số: 01

Ngày 04 tháng 08 năm 2011

Nhận của: Công ty TNHH Hiền Thương

Theo số:..... Ngày ... tháng... năm 2011

Biên bản kiểm nghiệm số: 01/8 Ngày 04 tháng 08 năm 2011

Người nhập: Đinh Văn Chước Nhập tại kho: CT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”

Nợ	Có

ST T	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng hàng	Giá mua	Thành tiền	Giá bán	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Cọc tre	cọc	3.340	9.000	30.060.000		
2	Cây chống	cây	160	15.000	2.400.000		
	Cộng	x	x	x	32.460.000	x	x

Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng

Số chứng từ gốc kèm theo:...01...

Ngày 04 tháng 08 năm 2011

Tổng giám đốc**Người lập phiếu****Người giao hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Số liệu từ các phiếu nhập kho được tổng hợp vào bảng kê nhập trong tháng.

(Nguồn Xí nghiệp xây dựng số 4 – Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng)

Biểu 2.6: (Phiếu xuất kho)**Công ty CP XD & ĐTHT****Xí nghiệp xây dựng số 4**

Mẫu số 02-VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 04 tháng 08 năm 2011

Số: 01

Nợ	Có

Họ tên người nhận: Đào Văn Mến

Lý do xuất: đóng cọc tre

Xuất tại kho: CT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”

ST T	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng xuất	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3
1	Cọc tre		cọc	3.340	9.000	30.060.000
2	Cây chống		cây	160	15.000	2.400.000
	Cộng		x	x	x	32.460.000

Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo: ...01...

Ngày 04 tháng 08 năm 2011

Tổng giám đốc**Người lập
phiếu****Người nhận
hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Nguồn Xí nghiệp xây dựng số 4 – Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng)

Số liệu từ các phiếu xuất kho của tháng nào được tổng hợp vào bảng kê xuất vật liệu tháng ấy.

Tổng hợp các phiếu xuất kho trong tháng 8 để vào bảng kê xuất vật liệu T8/2011.

Biểu 2.7: (Trích bảng kê vật tư xuất kho tháng 8/2011)

Công ty CP XD & ĐTHT

Xí nghiệp xây dựng số 4

BẢNG KÊ XUẤT VẬT LIỆU

CT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”

Tháng 08 năm 2011

Đơn vị tính: đồng

ST T	Chứng từ		Tên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Số hiệu	N,T					
1	PXK 01/Q1	04/08	Cọc tre	cọc	2.340	9.000	30.060.000
2	PXK 01/Q1	04/08	Cây chống	cây	160	15.000	2.400.000
3	PXK 02/Q1	06/08	Cát đen	m3	20	90.000	1.800.000
4	PXK 03/Q1	07/08	Xi măng PC 30	tấn	2,5	1.250.000	3.125.000
		
18	PXK 09/Q1	10/08	Gạch chỉ	viên	9.700	1.500	14.550.000
19	PXK 09/Q1	10/08	Cát vàng	m3	17	205.000	3.485.000
20	PXK 10/Q1	13/08	Đá 4x6	m3	12	195.000	2.340.000
21	PXK 10/Q1	13/08	Cát Hà Bắc	m3	7	150.000	1.050.000
	
			Cộng	x	x	x	232.656.200

Ngày 31 tháng 08 năm 2011

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn Xí nghiệp xây dựng số 4 – Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng)

2.2.2.2. *Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp*

► **Nội dung:** Nhằm hạn chế chi phí tiền lương trong giai đoạn không thi công công trình, công nhân trực tiếp thi công của Công ty chủ yếu là lao động thuê khoán theo hợp đồng thời vụ. Đối với lao động thuê ngoài theo hợp đồng thời vụ Công ty không tiến hành trích các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho họ mà tính toán hợp lý trong đơn giá nhân công trực tiếp trả cho người lao động. CP NCTT của CT nào được tập hợp trực tiếp cho CT đó.

► **Hình thức trả lương:** Công ty trả lương khoán đối với công nhân trực tiếp thi công CT.

Hợp đồng thuê nhân công được ký giữa Công ty và người lao động. Hợp đồng này được ký theo từng CT, HMCT, hay từng giai đoạn công việc. Kế toán xí nghiệp thực hiện thanh toán tiền công cho tổ trưởng hoặc người đứng ra nhận khoán; tổ trưởng sẽ thanh toán lương cho lao động trong tổ theo bảng chia lương.

Tổng số lương khoán sản phẩm	=	Tổng khối lượng hoàn thành trong tháng	x	Đơn giá khối lượng công việc hoàn thành
---------------------------------	---	---	---	--

Việc thuê nhân công tại các công trường được thực hiện theo 2 hình thức:

+, Thuê nhân công công nhật: Theo hình thức này Tổng giám đốc Công ty, Giám đốc xí nghiệp sẽ trực tiếp ký hợp đồng với người lao động và công việc của người lao động được theo dõi hàng ngày, chấm công qua bảng chấm công.

+, Hình thức khoán gồm: giao khoán từng khối lượng công trình hoàn thành và khoán gọn công việc. Hợp đồng giao khoán phải ghi rõ việc cần làm, thời gian hoàn thành và đơn giá công việc. Việc tính và trả lương sẽ căn cứ vào hợp đồng giao khoán, phiếu giao việc, phiếu xác nhận công việc hoàn thành. Khi công việc hoàn thành lập biên bản nghiệm thu chất lượng. Khối lượng xây lắp hoàn thành phải đảm bảo chất lượng kỹ thuật, tiến độ đúng yêu cầu như đã ghi trong hợp đồng giao khoán.

Số tiền lương làm khoán của một công nhân	=	Đơn giá một ngày công	x	Số công làm việc trong tháng
--	---	--------------------------	---	---------------------------------

Dựa vào khối lượng công việc được giao khoán cho từng tổ, đội, tổ trưởng đơn đốc lao động trong tổ thực hiện thi công phần việc được giao, bảo đảm đúng tiến độ và yêu cầu kỹ thuật, đồng thời theo dõi tình hình lao động của từng công nhân và ghi vào bảng chấm công để làm căn cứ tính tiền lương khoán cho công nhân trong tổ.

Khi công việc hoàn thành phải có biên bản nghiệm thu bàn giao công việc với sự có mặt của giám sát kỹ thuật, đội trưởng và người nhận khoán. Khối lượng xây lắp hoàn thành phải đảm bảo chất lượng kỹ thuật, tiến độ đúng yêu cầu như đã ghi trong hợp đồng.

► **Chứng từ:** Bảng chấm công được lập cho từng tổ sản xuất trong đó ghi rõ ngày làm việc, ngày nghỉ việc, hợp đồng làm khoán của công nhân, bảng thanh toán lương...

► **Tài khoản sử dụng:** Kế toán xí nghiệp sử dụng **TK 622 - Chi phí NCTT** chi tiết cho từng CT, HMCT và các TK khác có liên quan như TK 141, TK 334,..

Chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty CP Xây dựng và đầu tư hạ tầng được hạch toán theo từng đơn hàng.

- **Sổ sách sử dụng:**
- Sổ nhật ký chung,
 - Sổ cái TK622,
 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 622
 - Sổ sách khác có liên quan.

Công trình “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm” do nhiều tổ, đội công nhân trực tiếp thi công. Tác giả lấy mẫu và số liệu của 1 đội xây dựng cụ thể để minh họa.

Ví dụ 2: Ngày 31/08/2011 thanh toán tiền công nhân công trong đội xây dựng do ông Bùi Công Thọ là tổ trưởng, thi công nền móng CT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”, số tiền 41.850.000 đồng.

Quy trình hạch toán chi phí NCTT đối với công trình CT này như sau:

- Trong tháng 8/2011, Công ty kí hợp đồng lao động ngắn hạn với người lao động, sau đó căn cứ vào khối lượng công việc phải thi công, Công ty tiến hành lập hợp đồng giao khoán nhân công (**Biểu 2.8**).

Biểu 2.8:

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
 CTY CP XÂY DỰNG & ĐẦU TƯ HẠ TẦNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 =====

Địa chỉ: XÝ nghiệp XD số 4
 số:26/HĐNC/2011

Hải Phòng, ngày...tháng ... năm 2011

HỢP ĐỒNG GIAO KHOÁN NHÂN CÔNG

1/ Đại diện bên A: Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng

Ông : Đào Văn Quang - Chức vụ : Giám đốc Xí nghiệp XD số 4
 Địa chỉ : Số 274 đường Đà Nẵng, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng
 Điện thoại: 0974.780.582

2/ Đại diện bên B (bên nhận khoán):

Ông: Bùi Công Thọ - Chức vụ : Tổ trưởng công nhân
 Địa chỉ : Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng
 Điện thoại: 0984.593.646
 Số CMND: 0317562703
 Do công an: Hải Phòng cấp.

Là tổ trưởng thay mặt những người lao động tôi xin cam kết thực hiện đúng những điều thỏa thuận trong hợp đồng này và làm theo sự hướng dẫn của kỹ thuật công trình.

Bên nhận khoán thỏa thuận ký kết hợp đồng và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều I: Công việc, địa điểm, thời gian.

* Tên công việc: Thi công nền móng CT: Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm

* Địa điểm : Phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

* Thời gian : - Ngày khởi công: 04/08/2011 - Ngày hoàn thành: 11/08/2011

Điều II: Chế độ làm việc.

- Hình thức hợp đồng: Khoán theo sản phẩm, làm theo giờ hành chính, làm ngoài giờ phải được sự đồng ý của bên giao khoán.

- Dụng cụ làm việc: Dụng cụ thủ công do bên nhận khoán tự lo.

- Được bố trí làm việc tại vị trí an toàn, đảm bảo vệ sinh lao động và môi trường.

nội dung công việc giao khoán

ST T	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiến độ công việc	Ghi chú
1	Đào đất móng bằng thủ công	m ³	263	57.020	14.996.260	20 ngày kể từ khi khởi công	
2	Vét bùn đầu cọc	m ³	30	59.000	1.770.000		
3	Đắp cát đen	m ³	20	53.097	1.061.940		
4	Xây dựng ván khuôn lót móng	m ²	185	26.000	4.810.000		
....	
	Cộng			41.850.000	

Điều III : Nhiệm vụ, quyền lợi bên nhận khoán

- Hoàn thành đúng nhiệm vụ được giao khoán về khối lượng, chất lượng, tiến độ theo sự hướng dẫn của bên giao khoán.

- Chấp hành đầy đủ nội quy, kỷ luật lao động và kỹ thuật ATLĐ của đơn vị giữ gìn trật tự an ninh ATXH tại nơi làm việc.

- Triển khai biện pháp an toàn lao động cụ thể trong tổ lao động của mình.

- Tổ trưởng thay mặt bên nhận khoán hoàn toàn chịu trách nhiệm về ATLĐ cho người lao động và công trình tại nơi làm việc của tổ mình.

- Tiền lương được thanh toán vào cuối tháng sau khi sản phẩm đã hoàn thành được bên giao khoán nghiệm thu (đơn giá khoán là giá nhân công thoả thuận nên đã bao gồm cả ăn ca, hao mòn dụng cụ, trang bị bảo hộ lao động, BHXH, BHYT).

- Được quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn khi nơi làm việc không đảm bảo an toàn, hoặc điều kiện sản xuất không đủ phải chờ việc kéo dài.

Điều IV: Hình thức thanh toán.

Thanh toán làm 3 lần:

Lần 1: tạm ứng 5.000.000 đồng

Lần 2: tạm ứng 70% giá trị khối lượng công việc đã làm được tính cả tạm ứng lần 1

Lần 3: Đo khối lượng thực tế và nghiệm thu giữa 2 bên bàn giao. Bên A thanh toán cho bên B toàn bộ số tiền còn lại sau khi công trình hoàn thành, bàn giao.

Điều V: Nhiệm vụ, quyền hạn bên giao khoán.

- Chuẩn bị đầy đủ các việc cho sản xuất. Bố trí kỹ thuật hướng dẫn, giám sát công việc.
- Hướng dẫn kỹ thuật ATLĐ trước khi làm việc.
- Có quyền yêu cầu bên nhận khoán bồi thường vật chất khi làm sai sự hướng dẫn của bên giao khoán dẫn đến phải phá đi làm lại (theo giá thị trường ở thời điểm đó tại chân công trình).
- Có quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nếu bên nhận khoán kéo dài tiến độ, hoặc chất lượng sản phẩm kém hoặc không chấp hành sự hướng dẫn của bên giao khoán và chỉ thanh toán 75% giá trị khối lượng công việc đã làm được.

Điều VI: Nếu một bên có gì thay đổi nội dung hợp đồng thì phải báo cáo cho bên kia trước 02 ngày để hai bên gặp gỡ đi đến thống nhất .

Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 02/08/2011 đến ngày 25/08/2011

Hợp đồng làm thành 03 bản, bên nhận khoán giữ 01 bản, bên giao khoán giữ 02 bản (trong đó 01 bản gửi về Công ty để Công ty giám sát thực hiện).

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÊN NHẬN KHOÁN

BÊN GIAO KHOÁN

CÔNG TY

T.M tổ lao động

Giám đốc XN số 4

Duyệt

(Nguồn dữ liệu: XNXD 4 - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng)

Giám đốc xí nghiệp, cán bộ kỹ thuật cùng đại diện bên nhận việc kiểm tra khối lượng và chất lượng phần việc thi công, lập biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo từng điểm dừng kỹ thuật (**Biểu 2.9**).

Biểu 2.9: (Biên bản nghiệm thu nội bộ công việc)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC**

=====*****=====

Hải phòng, ngày 05 tháng 08 năm 2011

**BIÊN BẢN SỐ: 01
NGHIỆM THU NỘI BỘ CÔNG VIỆC XÂY DỰNG**

Công trình: “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”

Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng

Địa điểm xây dựng: Phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, Hải Phòng

1. Đối tượng nghiệm thu: đào đất móng bằng thủ công, vét bùn đầu cọc, đổ cát đen

.....

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

Đơn vị	Họ và tên	Chữ ký
Đội trưởng	Nguyễn Đình Thi	
Kỹ thuật hiện trường	Vũ Trọng Thắng	
Tổ trưởng công nhân	Bùi Công Thọ	
Tổ quản lý chất lượng	Phạm Anh Tuấn	
Kỹ thuật của nhà thầu	Nguyễn Văn Tuyên	

3. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu:14h ngày ... 05 tháng ... 8 năm 2011

Kết thúc:14h 30 ngày ..05 tháng ... 8 năm 2011

Tại: công trình phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, Hải Phòng.

4. Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện:

4-1. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công được duyệt.
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng: theo TCVN và TCN hiện hành.
- Các chứng chỉ xuất xưởng, thí nghiệm chất lượng vật liệu.
- Nhật ký công trình.

4-2. Chất lượng công việc xây dựng:

- Thi công theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt và một số bổ sung thiết kế của chủ đầu tư.
- Thi công đảm bảo chất lượng đúng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

5. Kết luận:

- Chấp nhận nghiệm thu công việc hoàn thành .
- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác : Không có

(Nguồn dữ liệu: XNXD 4- Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng)

Tập hợp các biên bản nghiệm thu nội bộ công việc xây dựng trong tháng để lập biên bản xác nhận công việc hoàn thành **(Biểu 2.10)** làm cơ sở thanh toán lương cho người lao động.

Biểu 2.10: (Trích biên bản xác nhận công việc hoàn thành)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN
KHỐI LƯỢNG HOẶC CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH**

Tên công trình: “*Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm*”

Địa điểm: Phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng

Tên đơn vị hoặc cá nhân: Bùi Công Thạo

Theo hợp đồng số: 26/HĐNC/2011

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đào đất móng bằng thủ công	m ³	263	57.020	14.996.260
2	Vét bùn đầu cọc	m ³	30	59.000	1.770.000
3	Đắp cát đen	m ³	20	53.097	1.061.940
4	Xây dựng ván khuôn lót móng	m ²	185	26.000	4.810.000

	Tổng cộng				41.850.000

Bên giao khoán chấp nhận nghiệm thu khối lượng công việc trên với giá trị thanh toán cho bên nhận khoán là 41.850.000 đồng.

(Bằng chữ: Bốn mươi một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)

DUYỆT

KỸ THUẬT

TỔ TRƯỞNG

(Nguồn dữ liệu: XNXD 4- Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng)

Hàng ngày, tổ trưởng thi công theo dõi số lượng công nhân tham gia thi công để ghi vào bảng chấm công.

Biểu 2.11: (Trích bảng chấm công)

CÔNG TY CP XD & ĐT HT
Xí nghiệp xây dựng số 4

Mẫu số 01a – LĐTL
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CHẤM CÔNG

Đội XD: Bùi Công Thạo - Tháng 8 năm 2011

CT: Trường Trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY TRONG THÁNG													TỔNG
		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	31	
1	Đào Văn Mến		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	26
2	Vũ Đức Cường		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	26
3	Đặng Thị Chung		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	26
4	Bùi Thị Hân		x	x	x	x	x	x	x	O	x	x	x	25
5	Trần Thị Hương		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	24
6	Hoàng Văn Tuấn		Ro	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	26
...	
	Cộng														296

KÝ HIỆU CHẤM CÔNG

Lương sản phẩm : K
Lương thời gian: +
Nghỉ bù: B

Nghỉ phép: P
Nghỉ không lý do: O
Nghỉ không lương: Ro

Người duyệt
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận
(Ký, họ tên)

Người chấm công
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: XNXD 4- Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng)

Cuối tháng, kế toán xí nghiệp căn cứ vào BCC và Biên bản xác nhận khối lượng công việc hoàn thành để trả lương cho công nhân, lập bảng thanh toán lương.

Biểu 2.12: (Trích bảng thanh toán lương)

CÔNG TY CP XD & ĐTVT

Xí nghiệp xây dựng số 4

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG

Đội xây dựng Bùi Công Thạo - Công trình: “**Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm**”

Thời gian: T8/2011

Đơn vị tính: đồng

ST T	Họ và tên	Bậc thợ	Đơn giá/công	Lương khoán		Phụ cấp thuộc quỹ lương		Tổng tiền	Ký nhận
				Số công	Số tiền	Số công	Số tiền		
1	Đào Văn Mến	Thợ chính	150.000	26	3.900.000	0	0	3.900.000	
2	Vũ Đức Cường	Thợ chính	150.000	26	3.900.000	0	0	3.900.000	
3	Đặng Thị Chung	Thợ chính	150.000	26	3.900.000	0	0	3.900.000	
4	Bùi Thị Hân	Thợ chính	150.000	25	3.750.000	2	200.000	3.950.000	
5	Trần Thị Hương	Thợ phụ	100.000	24	3.600.000	1	50.000	3.800.000	
6	Hoàng Văn Tuấn	Thợ phụ	100.000	26	3.900.000	0	0	3.900.000	
	
	Tổng			296	39.400.000	38	2.450.000	41.850.000	

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: XNXD 4- Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng)

Cuối cùng, kế toán xí nghiệp gửi các chứng từ liên quan lên phòng kế toán Công ty

2.2.2.3. *Hạch toán chi phí sản xuất chung*

➤ **Nội dung:** Tại Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng, CP SXC phản ánh chi phí sản xuất của đội xây dựng, xí nghiệp xây dựng bao gồm: lương nhân viên quản lý đội xây dựng, xí nghiệp, các khoản trích theo lương tương ứng tính vào GT; chi phí CCDC xuất dùng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và những chi phí bằng tiền khác phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động xây lắp. CP SXC được tập hợp trực tiếp cho từng CT, HMCT.

➤ **Chứng từ:** Hóa đơn GTGT, bảng tính và phân bổ khấu hao, phiếu xuất kho NVL, CCDC, hợp đồng lao động, bảng chấm công, bảng thanh toán lương, ...

➤ **Tài khoản sử dụng:** Công ty sử dụng tài khoản 627 "Chi phí sản xuất chung" dùng để tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ.

- **Sổ sách sử dụng:**
- Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 627
 - Sổ chi tiết TK 627 theo dõi riêng từng CT.
 - Các sổ sách liên quan khác.

▶ **Chi phí nhân viên quản lý (6271):** Chi phí nhân viên quản lý là khoản tiền phải trả cho đội trưởng, kỹ sư công trình, trợ lý kỹ thuật.. Công ty trực tiếp trả lương theo thời gian đối với bộ máy quản lý, nhân viên quản lý tổ, đội. Cách tính lương cho nhân viên quản lý tổ, đội theo thời gian. Chi phí nhân viên quản lý ngoài lương còn phụ cấp trách nhiệm.

$$\text{Tiền lương phải trả} = \frac{830.000 \times \text{Hệ số lương}}{26 \text{ ngày công}} \times \text{Số ngày làm việc thực tế}$$

Phòng kế toán Công ty dựa vào bảng lương để tiến hành trích BHXH, BHYT, BHTN tính vào chi phí sản xuất chung của Công ty. Tỷ lệ trích BHXH, BHYT, BHTN ở Công ty là 28,5% trong đó 8,5% khấu trừ vào lương nhân viên, 20% tính vào GTSP xây lắp. Cụ thể là 16% BHXH, 3% BHYT, 1% BHTN tính trên lương cơ bản. Công ty không trích KPCĐ cho NLĐ.

Ví dụ 3: Ngày 31/08/2011 tính ra tiền lương nhân viên quản lý CT “**Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm**” tháng 8/2011 là 27.104.789 đồng, quy trình như sau:

Căn cứ vào bảng chấm công (mẫu biểu như đã trình bày bên trên) và danh sách nhân viên quản lý tổ, đội trong biên chế của Công ty do phòng hành chính tổ chức lập và theo dõi, kế toán xí nghiệp tính ra lương phải trả nhân viên quản lý tổ, đội và các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN và lập bảng thanh toán lương (**Biểu 2.13**), chuyển cho kế toán tổng hợp.

Biểu 2.13: (Trích bảng thanh toán lương bộ phận gián tiếp)

CÔNG TY CP XD & ĐTHT
Xí nghiệp xây dựng số 4

Mẫu số 02 – LĐTL
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG

CT: “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”
Tháng 8 năm 2011
Bộ phận gián tiếp

Đơn vị tính: Đồng

S T T	Họ và tên	Chức vụ	HS lương	Số ngày công	Lương tối thiểu	Tiền lương cơ bản	Phụ cấp	Tiền lương thực tế	Các khoản giảm trừ					Thực lĩnh	Ký nhận
									BHXH	BHYT	BHTN	Cộng (8,5%)	Thuế TNCN		
1	Vũ Hữu Báu	Đội trưởng	4,32	27	830.000	3.723.508	650.000	4.373.508	223.410	55.853	37.235	316.498	0	4.057.010	
2	Lê Văn Hùng	Kỹ sư	4,32	27	830.000	3.723.508	650.000	4.373.508	223.410	55.853	37.235	316.498	0	4.057.010	
3	Nguyễn Văn Phi	Kỹ sư	3,23	27	830.000	2.784.012	650.000	3.434.012	167.041	41.760	27.840	236.641	0	3.197.371	
														
	Cộng	x	x	x	830.000	23.854.789	3.250.000	27.104.789	1.431.287	357.821	238.548	2.027.657	0	25.077.132	

Bảng chữ: Hai mươi bảy triệu một trăm linh tư nghìn bảy trăm tám chín đồng.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

(Nguồn dữ liệu: XNXD số 4 - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng)

Từ số liệu của sổ chi tiết TK 622 mở riêng cho từng công trình, bảng thanh toán lương cho công nhân trực tiếp thi công, bảng thanh toán lương bộ phận gián tiếp, kế toán lập bảng tổng hợp lương tháng 08/2011 của xí nghiệp.

Biểu 2.14

CÔNG TY CP XD & ĐTHT
Xí nghiệp xây dựng số 4

BẢNG PHÂN BỐ LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM
Tháng 8/2011 Số: BPBL T8/2011

Ghi Có TK	TK 334		TK 338				TK 338	Thực lĩnh
	Tiền lương cơ bản	Tiền lương thực tế	Tính vào chi phí				Trừ vào lương (8,5%)	
			BHXH (16%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng		
TK 622 - CT: “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm” - CT: “Đường du lịch Đồi Độc -Đô Sơn		81.855.040 154.879.000						81.855.040 154.879.000
TK 627 - CT: “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm” - CT: “Đường du lịch Đồi Độc -Đô Sơn	23.854.789 58.479.300	27.104.789 63.874.894	3.816.766 9.356.688	715.643 1.754.379	238.548 584.793	4.770.958 11.695.860	2.027.657 4.970.741	25.077.132 58.904.154
Cộng	323.854.789	388.954.789	51.816.766	9.715.644	3.238.548	64.770.958	27.527.657	361.427.132

Ngày 31 tháng 08 năm 2011

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

(Nguồn dữ liệu: XNXD số 4 - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng)

► **Chi phí vật liệu (TK 6272):** TK 6272 để hạch toán chi phí vật liệu phục vụ cho sản xuất chung. Chi phí về vật liệu phục vụ cho sản xuất chung như: chi phí vật liệu để bảo dưỡng, sửa chữa TSCĐ, chi phí nhiên liệu mua ngoài, ...

Hạch toán chi phí vật liệu phục vụ cho SXC tương tự như hạch toán cho CP NVL TT. Khi có nhu cầu các đội tự mua nguyên liệu bằng tiền tạm ứng, sau đó hạch toán lại với kế toán xí nghiệp theo nguyên tắc: chi phí phát sinh tại công trình nào thì tập hợp riêng cho công trình đó.

► **Chi phí công cụ dụng cụ (TK 6273):** Là những tư liệu lao động không đủ điều kiện về tiêu chuẩn quy định đối với tài sản cố định.

CP CCDC cho hoạt động của xí nghiệp bao gồm các CP về bảo hộ lao động, dụng cụ khác như: búa, kìm, ván khuôn, các loại máy nhỏ, giàn giáo, cốp pha, xà gồ, cột chống, lưới cắt khe... Khi có nhu cầu về CCDC phục vụ cho sản xuất, giám đốc xí nghiệp tiến hành mua CCDC, chứng từ là hoá đơn GTGT mua công cụ dụng cụ gửi về kế toán xí nghiệp, kế toán xí nghiệp tập hợp vào bảng kê CCDC.

+ Trường hợp CCDC là loại phân bổ 1 lần, Công ty hạch toán vào TK 6273

+ Trường hợp CCDC có giá trị lớn, sử dụng cho nhiều kỳ xây lắp (như: mô nết, xà beng, kìm điện, khoan điện,... và các CCDC sử dụng cho công tác quản lý tại xí nghiệp) thì Công ty tiến hành phân bổ dần vào chi phí sản xuất.

► **Chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở xí nghiệp**

Tại Công ty CP Xây dựng và Đầu tư số lượng máy móc thi công không nhiều, cụ thể là tại XNXD số 4 toàn bộ là thuê ngoài các thiết bị vận tải, máy móc thi công. Tháng 12/2011, Công ty mới bàn giao cho XNXD số 4 một máy thủy bình Neica NA 730 và một máy vận thăng TP17 để đưa vào sử dụng, do vậy với CT “Trường Trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm” được lấy minh họa kế toán xí nghiệp không hạch toán chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý xí nghiệp.

► **Chi phí dịch vụ mua ngoài (TK 6277)**

Đối với chi phí dịch vụ mua ngoài, căn cứ để hạch toán là các chứng từ, hoá đơn GTGT tiền điện, điện thoại, nước, thuê MTC, thuê cốp pha, đà giao, khoan cắt

bê tông ... được tập hợp từ các công trình gửi về chuyển lên phòng Kế toán - tài vụ. Căn cứ vào các hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ, kế toán hạch toán theo nguyên tắc chi phí phát sinh cho công trình nào thì hạch toán trực tiếp cho công trình đó, kế toán lập bảng kê chi tiết dịch vụ mua ngoài kèm theo chứng từ gốc sau đó chuyển cho kế toán tổng hợp.

Đối với MTC thuê ngoài thì Công ty sử dụng phương thức thuê trọn gói cả MTC và người điều khiển máy. Trên hợp đồng thuê có ghi rõ khối lượng công việc phải hoàn thành và đơn giá tiền thuê. Cuối tháng kế toán tập hợp CPSD MTC chi tiết cho từng CT. Những chi phí sử dụng MTC liên quan đến nhiều CT thì được tập hợp và phân bổ vào cuối mỗi tháng.

Ví dụ 4: Ngày 17/08/2011, thanh toán tiền điện sáng CT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”, số tiền 2.319.398 đồng bằng tiền mặt. Căn cứ vào hoá đơn GTGT (ví dụ HĐ 1972019 – **Biểu 2.16**), kế toán lập bảng kê chi tiết dịch vụ mua ngoài phục vụ cho CT này. Đến ngày 19/10/2011, kế toán xí nghiệp viết giấy đề nghị thanh toán (**Biểu 2.15**), cùng HĐ GTGT gửi lên phòng kế toán công ty. Trên cơ sở đó, kế toán thanh toán viết phiếu chi (**Biểu 2.17**).

Biểu 2.15: (*Giấy đề nghị thanh toán*)

CÔNG TY CP XD & ĐT HT
MST: 0200157375

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Ngày 19 tháng 10 năm 2011

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG

Họ và tên : Đào Văn Quang

Bộ phận : Xí nghiệp xây dựng số 4

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền điện sáng .

Vay đề nghị cho thanh toán số tiền : 2.319.398 đồng

Bằng chữ: Hai triệu ba trăm mười chín nghìn ba trăm chín mươi tám đồng//

Ngày 19 tháng 10 năm 2011

Người đề nghị thanh toán
(ký, họ tên)

PT Bộ phận
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP Xây dựng và đầu tư hạ tầng)

Biểu 2.16: (Hóa đơn tiền điện sáng T8/2011)



EVN NPC
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
PC HẢI PHÒNG

HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)

Mẫu số 01GTKT2/001

Ký hiệu: UG/11T

Số: 1972019

(Liên 2: Giao khách hàng)

Kỳ: 1 Từ ngày: 15/07 đến ngày: 16/08

CN Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực Ngô Quyền

Địa chỉ: Số 9 Trần Hưng Đạo 75 Chu Văn An-Lê Lợi-Ngô Quyền-HP

Điện thoại: 0312 210 206 MST: 0200340211-002 ĐT sửa chữa: 0312 213 385

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hạ Tầng

Địa chỉ: 274 Đà Nẵng, Vạn Mỹ, Ngô Quyền

Điện thoại

MST: 0200157375

Số công tơ: 62436268

Bộ CS	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	HS nhân	Điện năng TT	Đơn giá	Thành tiền
KT	9923	8189	1	1.734	1.216	2.108.544
Ngày 17 tháng 08 năm 2011						
Bên bán điện						
			Cộng			2.108.544
			Thuế suất GTGT: 10%			210.854
			Tổng cộng tiền thanh toán			2.319.398
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu ba trăm mười chín nghìn ba trăm chín mươi tám đồng						
Website: http://www.hppc.evn.vn						

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty CP Xây dựng và đầu tư hạ tầng)

Biểu 2.17: (Phiếu chi)**CÔNG TY CP XD & ĐTHT**

Địa chỉ: 274 Vạn Mỹ, Ngô quyền, Hải Phòng
Mã số thuế: 0200157375

Mẫu số 01 - TT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

PHIẾU CHI

Ngày: 19/10/2011

Số CT: 86/11

TK ghi Nợ: 33614

TK ghi Có: 1111

Người nhận tiền: Đào Văn Quang
Địa chỉ : Xí nghiệp xây dựng số 4
Về khoản: Tiền điện sáng CT LTTP
Số tiền: **2.319.398 đồng**
Bằng chữ: **Hai triệu ba trăm mười chín nghìn ba trăm chín mươi tám đồng**
Kèm theo:01...chứng từ gốc
Giấy giới thiệu số: Ngày.... / /

Nhận ngày 19 tháng 10 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Kế toán T. toán (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
--	---------------------------------------	--	--	--------------------------------

(Nguồn: phòng kế toán Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng)

Ví dụ 5: Ngày 05/08/011, thuê máy đầm cóc của Công ty CP XD công trình giao thông và cơ giới, đóng cọc tre thi công CT “Trường Trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”, số tiền là 11.690.000 đồng.

Hai bên xác lập Hợp đồng thuê máy (**Biểu 2.18**), sau khi Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng thanh toán tiền thuê máy, Công ty Công ty CP XD công trình giao thông và cơ giới xuất hóa đơn GTGT số 0000275 (**Biểu 2.19**).

Biểu 2.18: (Hợp đồng thuê máy thi công)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

===***===

HỢP ĐỒNG THUÊ MÁY

Chúng tôi một bên là Ông (bà): Phạm Thị Liên

Đơn vị công tác: Công ty CP XD công trình giao thông và cơ giới

Địa điểm: Tầng 3 Số 10 Đồng Tâm, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

- Thay mặt bên cho thuê máy.

Chúng tôi một bên là Ông (bà): Đào Văn Quang

Đơn vị công tác: Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng

Địa Điểm: 274 Đà Nẵng, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Đại diện cho đơn vị thi công CT: Trường Trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm.

Thỏa thuận ký kết hợp đồng thuê các loại máy phục vụ cho thi công công trình với các điều khoản cụ thể như sau:

Điều I: Địa điểm, thời gian.

* Địa điểm: Phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng

* Thời gian: Ngày 05 tháng 08 năm 2011

Điều II: Chế độ làm việc.

* Hình thức hợp đồng: Khoản gọn theo ca máy, làm theo giờ hành chính, làm ngoài giờ phải được sự thỏa thuận của cả hai bên.

* Dụng cụ làm việc: Các dụng cụ cần thêm theo máy do bên cho thuê tự lo.

* Được bố trí làm việc tại vị trí an toàn và đảm bảo vệ sinh lao động và môi trường.

Điều III: Danh mục máy thuê và hình thức thanh toán

STT	Tên máy	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Đầm cóc HCR80K	cọc	3.340	3.500	11.680.000	Thanh toán sau 15 ngày kể từ ngày thi công
	cộng				11.680.000	

Bảng chữ: Tám triệu một trăm chín mươi nghìn đồng.

Đại diện bên cho thuê

Đại diện bên thuê

(Nguồn: XNXD số 4 - Công ty CP Xây dựng và đầu tư hạ tầng)

Biểu 2.19: (HĐ GTGT)**HÓA ĐƠN**

Mẫu số: 01 GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: AA/11P

Liên 2: Giao cho khách hàng

0000275

Ngày 21 tháng 08 năm 2011

Đơn vị bán hàng:

Địa chỉ:

Số tài khoản:

Điện thoại:

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG
TRÌNH GIAO THÔNG VÀ CƠ GIỚI
MST: 0200504806**

Họ tên người mua hàng: Đào Văn Quang

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hạ tầng.

Địa chỉ: Số 274 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM MS: 0200157375

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thuê máy đầm cóc HCR80K	cọc	3.340	3.500	11.680.000
Cộng tiền hàng:					11.680.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.168.000
Tổng cộng thanh toán:					12.848.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
					Giám đốc

(Nguồn: XNXD số 4 - Công ty CP Xây dựng và đầu tư hạ tầng)

Cuối tháng, tập hợp chứng từ của các nghiệp vụ phát sinh vào Bảng kê chi tiết dịch vụ mua ngoài cho từng CT. Từ Hóa đơn tiền điện (**Biểu 2.16**), HĐ GTGT tiền thuê MTC (**Biểu 2.19**) kế toán ghi vào Bảng kê.

Biểu 2.20: (Trích bảng kê chi phí dịch vụ mua ngoài)

CÔNG TY CP XD & ĐTHT
Xí nghiệp xây dựng số 4

BẢNG KÊ CHI TIẾT DỊCH VỤ MUA NGOÀI

Tháng 8 năm 2011

CT: Trường Trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm

S T T	Ngày CT	SH CT	Nội dung	Số tiền	Thuế	Tổng
1
2	07/08	HĐ0004578	Xăng dầu chạy máy	1.982.000	198.200	2.180.200
			
10	13/08	PC 65/11	Chi tiếp khách	713.000	71.300	784.300
11	17/08	HĐ0000179	CCDC thi công	554.874	55.487	610.361
12	17/08	HĐ1972019 PC 68/11	Tiền điện sáng	2.108.544	210.854	2.319.398
13	21/08	HĐ0000275 PC 73/11	Trả tiền thuê máy đầm cọc	11.680.000	1.168.000	12.848.000
14	22/08	UNC	TT thuê cốp pha, đà giáo	28.000.000	2.800.000	30.800.000
	
17	25/08	PC 75/11	TT Tiền điện thoại, fax	1.587.412	158.741	1.746.153
...		
Cộng				54.649.744	5.464.974	30.114.718

Ngày 31 tháng 08 năm 2011

Kế toán lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: XNXD số 4 - Công ty CP Xây dựng và đầu tư hạ tầng)

► **Chi phí bằng tiền khác TK (6278):** Chi phí bằng tiền khác bao gồm chi phí giao dịch, hội nghị, tiếp khách...

2.2.2.4. Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm

► **Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất:**

- **Chứng từ sử dụng:**
 - Bảng tổng hợp chi tiết CPSX
 - Bảng tổng hợp CPSX tính giá thành
- **Sổ sách sử dụng:**
 - Sổ Nhật ký chung
 - Sổ cái TK 154
 - Bảng tính giá thành
- **Tài khoản sử dụng:** TK 154 “chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

► **Công tác kiểm kê đánh giá sản phẩm dở dang ở Công ty**

Đối với những đơn hàng đến kỳ kế toán mà chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp theo đơn hàng đó đều coi là CPDD cuối kỳ chuyển sang kỳ sau. Còn những đơn hàng đã hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp theo đơn hàng đó sẽ được tính vào giá thành sản xuất của đơn hàng.

Đến cuối tháng đơn hàng nào chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong tháng đó chính là giá trị sản phẩm dở dang cuối tháng.

Đối với công trình “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm” do thời gian thi công bắt đầu từ 04/08/2011, bàn giao 19/12/2011 chủ đầu tư công trình quy định sẽ thanh toán ngay sau khi có khối lượng xây lắp bàn giao nên trong quý 4/2011, giá thành CT trên là giá thành xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ.

Giá thành dự toán là 1.643.931.150 đồng.

Giá thành thực tế của công trình hoàn thành bàn giao là 1.666.000.440 đồng do trong quá trình thi công đơn vị thi công làm sai thiết kế, dẫn đến phải phá đi làm lại 1 HMCT, làm GT CT này tăng lên 22.069.290 đồng.

Do Công ty hoạt động chủ yếu là xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, khu công nghiệp, đường bộ ... theo giá bán đã được xác định trước khi thi

công xây dựng (giá trị dự toán công trình) nên GTSP xây lắp thi công ở Công ty không phải là căn cứ để xác định giá bán sản phẩm xây lắp. Nhưng số liệu trên bảng tính GTSP công trình cuối quý có tác dụng trong việc quản lý và giám sát CP sản phẩm công trình, cuối quý có tác dụng trong việc quản lý và giám sát CPSX xác định nguyên nhân vượt (hụt) CPSX thực tế so với dự toán, từ đó đi sâu phân tích GTSP tăng (giảm) là do yếu tố nào để có biện pháp quản lý cụ thể.

Căn cứ vào Biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành (**Biểu 2.21**), bảng tổng hợp chi phí của công trình (**Biểu 2.22**), kế toán lập Bảng tổng hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm công trình (**Biểu 2.23**).

Biểu 2.21: (Biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG TRUNG HỌC NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ LTTTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng năm 2011

**BIÊN BẢN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

1. Công trình : Trường trung học nghiệp vụ QLLTTP

Hạng mục : nhụ lớp hãc 2 tCng

2. Địa điểm xây dựng : Phường Ngọc Xuyên, Quận Đồ Sơn, Thành Phố Hải Phòng

3. Thành phần Tham gia nghiệm thu :

3a, Phía chủ đầu tư :

- **Trường Trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm**

1. Ông : Phạm Văn Nói

Chức vụ: Hiệu trưởng

2. Ông : Vũ Quang Chương

Chức vụ: Trưởng phòng quản trị đời sống

- **Nhà thầu giám sát thi công XDCT (Cty CP tư vấn TK công trình XD HP)**

1. Ông: Lương Văn Vinh

Chức vụ : Phó tổng giám đốc

2. Bà : Đỗ Thị Ngân

Chức vụ: Tư vấn giám sát trưởng

3b, Phía nhà thầu thiết kế XDCT (Cty CP tư vấn thiết kế Dự án Quốc Tế)

1. Bà : Thái Ngọc Diệp

Chức vụ: Tổng giám đốc

2. Ông : Hoàng Văn Bàn

Chức vụ: Chủ nhiệm đồ án

3c, Phía nhà thầu thi công XDCT (Cty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng)

1. Ông: Bùi Ngọc Quang Chức vụ: PTGD Công ty
2. Ông: Đào Văn Quang Chức vụ: Chỉ huy trưởng

4. Thời gian nghiệm thu

Bắt đầu : 9h 30 ngày 19 tháng 12 năm 2011

Kết thúc : 14h 30 ngày 19 tháng 12 năm 2011

Tại: Công trình Trường trung học nghiệp vụ QLLTTP

5. Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện :**5a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:**

- Bản vẽ thiết kế thi công đã được phê duyệt
- Tiêu chuẩn XD được áp dụng : TCVN 4055-85; TCVN 4091-85; TCVN 79-80; TCVN 4085-85; TCVN 4053-87; TCVN 5674-92; TCVN 5440-91; TCVN 2682-99; TCVN 139-91; TCVN 1770-86; TCVN 1771-87; TCVN 5592-91; TCVN 4314-86; TCVN 4459-87; TCVN 2287-78.
- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật theo hồ sơ mời thầu
- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình thi công xây dựng.
- Nhật ký thi công công trình, báo cáo giám sát và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.
- Biên bản nghiệm thu công việc, nghiệm thu giai đoạn thi công và biên bản nghiệm thu kỹ thuật công trình xây dựng.
- Bản vẽ hoàn công thi công xây dựng.

5b) Chất lượng hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật)

- Thi công theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt và một số bổ sung thiết kế của chủ đầu tư.
- Thi công công trình đảm bảo chất lượng đúng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

5c) Tiến độ : Thực hiện đúng tiến độ thi công

+ Ngày khởi công : 04/08/2011

+ Ngày hoàn thành : 19/12/2011

5d) Các ý kiến khác (nếu có) : Không có

6. Kết luận:

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng đưa vào sử dụng.

- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có) : Không có

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này.

Nhà thầu giám sát thi công
Xây dựng công trình

Chủ đầu tư

Nhà thầu thiết kế
Xây dựng công trình

Nhà thầu thi công
Xây dựng công trình

(Nguồn: Phòng kỹ thuật Công ty CP Xây dựng và đầu tư hạ tầng)

Biểu 2.22: (Bảng tổng hợp chi tiết CPSX)**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT CPSX****Công trình: Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm****Ngày thi công: 04/08/2011****Ngày hoàn thành: 19/12/2011**

Khoản mục Tháng	Chi phí NVLTT	Chi phí NCTT	Chi phí SXC	Cộng
8/2011	232.656.200	81.855.040	54.648.744	369.159.984
9/2011	231.440.723	90.556.500	39.548.478	351.545.701
10/2011	191.622.521	85.388.881	32.456.789	319.468.191
11/2011	185.847.365	87.944.079	53.504.105	318.596.299
12/2011	197.397.678	74.897.933	26.235.404	298.531.015
Cộng	1.038.964.487	420.642.433	206.393.520	1.666.000.440

Kế toán lập biểu*(Ký, họ tên)***Kế toán tổng hợp***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Biểu 2.23:(Bảng tổng hợp CPSX tính giá thành)****BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT TÍNH GIÁ THÀNH****Công trình: Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm****Năm 2011**

STT	Nội dung	Số tiền
1	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	1.038.964.487
2	Chi phí nhân công trực tiếp	420.642.433
3	Chi phí sản xuất chung	206.393.520
	- Chi phí bộ phận gián tiếp	127.845.564
	- Chi phí vật liệu	6.952.000
	- Chi phí công cụ dụng cụ	8.965.500
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.643.000
	- Chi phí bằng tiền khác	2.987.456
	Tổng cộng	1.666.000.440

Kế toán lập biểu*(Ký, họ tên)***Kế toán tổng hợp***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)**(Nguồn: XNXD số 4 - Công ty CP Xây dựng và đầu tư hạ tầng)*

► SỔ KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Trên cơ sở các chứng từ đã được kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ kế toán ghi sổ các nghiệp vụ phát sinh vào Nhật ký chung (**Biểu 2.24**), sau đó số liệu từ Nhật ký chung được ghi vào Sổ cái các TK 621, 622, 627. Cuối kỳ thực hiện bút toán kết chuyển để ghi chuyển CP NVL TT, CP NCTT, CP SXC từ sổ cái các TK 621, 622, 627 sang sổ cái TK 154. Cụ thể đối với CT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm” như sau:

- Căn cứ vào các chứng từ gốc như **PXK (Biểu 2.6)**, Bảng thanh toán lương (**Biểu 2.12** và **Biểu 2.13**), Hoá đơn GTGT tiền điện số 1972019 (**Biểu 2.16**), phiếu chi (**Biểu 2.17**), Hóa đơn GTGT thuê MTC (**Biểu 2.19**) và các chứng từ khác, kế toán xí nghiệp ghi các nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung, theo thời gian phát sinh nghiệp vụ, phản ánh CP NVL TT, CP NCTT, CP SXC phát sinh trong giai đoạn thi công, được tập hợp cho CT này. Các bút toán trên Nhật ký chung được ghi vào sổ cái TK 621, 622, 627, 154 và sổ cái các TK liên quan.

Từ phiếu xuất kho (**Biểu 2.6**) kế toán phản ánh CP NVL TT vào sổ Nhật ký chung.

Căn cứ vào bảng thanh toán lương NCTT (**Biểu 2.12**) của xí nghiệp, kế toán phản ánh CP NCTT vào sổ Nhật ký chung.

Căn cứ vào các chứng từ gốc như hóa đơn GTGT (**Biểu 2.16**), phiếu chi (**Biểu 2.17**), Bảng thanh toán lương bộ phận gián tiếp (**Biểu 2.13**), Hóa đơn GTGT (**Biểu 2.19**)... kế toán phản ánh các khoản CPSXC phát sinh trong tháng vào sổ NKC.

Biểu 2.24: (Trích sổ nhật ký chung)

CÔNG TY CP XD & ĐTHT

Xí nghiệp xây dựng số 4

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Từ ngày 01/08/2011

Đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày chứng từ	SH	Nội dung chứng từ	TK Nợ	TK Có	Số tiền
		Số trang trước chuyển sang		
04/08/2011	PX 01/Q1/SP12	Mua cọc tre, cây chông của cty TNHH Hiền Thương thi công CT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”, chưa thanh toán	621	331	32.460.000
		Thuế VAT	133	331	2.346.000
....	
06/08/2011	HĐ 0004578	Mua xăng dầu phục vụ CT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”	6272	1414	1.982.000
		Thuế GTGT được khấu trừ	133	141	198.200
07/08/2011	PX 03/Q1/SP10	Mua xi măng PC 30 của cty TNHH TM P.H.T thi công CT: “Đường du lịch Đồi Độc – Đồi Sơn”, chưa thanh toán	621	331	3.125.000
		Thuế GTGT được khấu trừ	133	331	312.500
...
17/08/2011	HĐ 1972019	Tiền điện sáng CT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”	6277	33614	2.108.544
		Thuế VAT	133	33614	210.854

17/08/2011	UNC, HD 0020239	Trả tiền cửa gỗ CT: “Bệnh viện đa khoa Kiên Thụy” cho Cty CPXD TM và DV Tân Thành	33614	11211	91.630.000
20/08/2011	PC 72/11	Chi phí tiếp khách CT: “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”	6278	141	458.878
21/08/2011	PC 73/11, HD 0000275	Trả tiền thuê máy đầm cọc cho Cty CP XD công trình giao thông và cơ giới, thi công CT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”	33614	1111	12.848.000
22/08/2011	BKX CCDC	Mua CCDC thi công CT: “Trại giam công an thành phố”	6273	141	6.586.000
		Thuế VAT	133	141	658.600
....
25/08/2011	UNC	Trả tiền thuê máy khoan cọc nhồi cho Cty CP đầu tư và xây dựng Hải Hà, thi công CT: “Trại giam công an thành phố”	33614	11211	100.000.000
31/08/2011	PC 80/11	Thanh toán lương NCTT CT: “Đường du lịch Đồi Độc – Đồi Sơn” bằng tiền mặt	334	1111	117.652.680
31/08/2011	PBL	Lương nhân viên gián tiếp CT: “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”	6271	334	27.104.789
31/08/2011	BBL	Trích BHXH, BHYT, BHTN vào lương nv CT: “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”	6271	338	5.963.054
31/08/2011	BBL	Tiền lương NCTT thi công CT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm” tháng 8 (đội XD Bùi Công Thọ)	622	334	41.850.000
31/08/2011		<i>Kết chuyển CP NVL TT, NCTT, SXC CT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm” tháng 8/2011</i>	15404	621	232.656.200
			15404	622	81.855.040
			15404	627	54.648.744
	
19/10/2011	PC86/11	Trả tiền điện theo HD 1972019	33614	1111	2.319.398
	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

(Nguồn dữ liệu: XNXD số 4 - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng)

Từ sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK621 và sổ cái các tài khoản có liên quan.

Biểu 2.25: (Trích sổ cái TK 621)

CÔNG TY CP XD & ĐTHT

Xí nghiệp xây dựng số 4

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 621

Năm 2011

Tên tài khoản: **Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Đến ngày 31/12/2011

Từ ngày 01/08/2011

Đơn vị tính: *Đồng*

Ngày tháng chứng từ	SH chứng từ	Diễn giải	TKĐÚ	Số tiền	
				Nợ	Có
		Số dư đầu quý			
				
04/08/2011	PXK 01/Q1/SP12	Mua cọc tre, cây chống của cty TNHH Hiền Thương thi công CT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”, chưa thanh toán	331	32.460.000	
07/08/2011	PX 03/Q1/SP10	Mua xi măng PC 30 của Cty CP Hùng Sơn thi công CT: “Đường du lịch Đồi Độc – Đồi Sơn”, chưa thanh toán	331	14.375.000	
08/08/2011	PX 33/Q1/SP11	Mua đất đèn, bu lông M20x80, que hàn của Cty CP XD Tiên Dương thi công CT “Bệnh viện đa khoa Kiến Thụy”, chưa thanh toán	331	3.485.000	
31/08/2011		Kết chuyển CP NVL TT CT: “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm” tháng 8	15404	232.656.200	
30/09/2011		Kết chuyển CP NVL TT CT: “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm” tháng 9	15404	231.440.723	
	
31/12/2011		Kết chuyển CP NVL TT CT: “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm” lũy kế đến quý 4	15404		<u>1.038.964.487</u>
		Số dư cuối quý		1....

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kê toán trưởng

Tổng giám đốc

(Nguồn dữ liệu: XNXD số 4 - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng)

Từ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK622 và sổ cái các tài khoản có liên quan.

Biểu 2.26: (Trích sổ cái TK 622)

CÔNG TY CP XD & ĐTHT

Xi nghiệp xây dựng số 4

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 622

Năm 2011

Tên tài khoản: **Chi phí nhân công trực tiếp**

Từ ngày 01/08/2011

Đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: *Đồng*

Số hiệu chứng từ	Ngày tháng chứng từ	Diễn giải	TKĐÚ	Số tiền	
				Nợ	Có
		Số dư đầu quý			
BTTL	31/08/2011	Tính ra lương CNTT CT: “Đường du lịch Đồi Độc – Đồi Sơn”	334	156.870.240	
BTTL	31/08/2011	Tính ra lương NC CT: “Trại giam công an thành phố	334	172.506.230	
BTTL	31/08/2011	Tính ra lương phải trả CNTT CT: “ Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm ” tháng 8/2011 (đội XD Bùi Công Thao)	334	41.850.000	
		
PBL	31/08/2011	Kết chuyển CP NCTT CT “ Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm ” tháng 8/2011	15404		81.855.040
	
PBL	31/12/2011	Kết chuyển CP NCTT CT “ Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm ” lũy kế đến quý 4	15404		420.462.433
		Cộng phát sinh	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

(Nguồn dữ liệu: XNXD số 4 - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng)

Từ số nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 627 và sổ cái các tài khoản có liên quan.

Biểu 2.27:(Trích sổ cái TK 627)

CÔNG TY CP XD & ĐTHT
Xí nghiệp xây dựng số 4

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 627

Năm 2011

Tên tài khoản: **Chi phí sản xuất chung**

Từ ngày **01/08/2011**

Đến ngày **31/12/2011**

Đơn vị tính: **Đồng**

Ngày tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Diễn giải	TKĐÚ	Số tiền	
				Nợ	Có
		Số dư đầu quý			
15/08/2011	TU 5	Thanh toán tiền điện thoại, fax tháng 8 CT: “Đường du lịch Đồi Độc – Đò Sơn”	141	2.250.000	
				
17/08/2011	HĐ 1972019	Thanh toán tiền điện sáng CT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”	33614	2.108.544	
21/08/2011	PC 73/11, HĐ 0000275	Thanh toán tiền thuê đầm cóc CT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”	33614	11.680.000	
31/08/2011	PBL	CP nhân viên gián tiếp CT: “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”	334	27.104.789	
31/08/2011	PBL	Trích BH vào lương nv CT: “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”	338	5.963.054	
31/08/2011		Kết chuyển CP SXCT: “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm” tháng 8 vào giá thành	15404		54.649.744
31/12/2011		Kết chuyển CP SXCT vào giá thành lũy kế đến quý 4	15404		206.393.520

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biên

Kê toán trưởng

Tông giám đốc

(Nguồn dữ liệu: XNXD số 4 - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng)

Từ sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 154.

Biểu 2.28:(Trích sổ cái TK 154)

CÔNG TY CP XD & ĐTHT
Xí nghiệp xây dựng số 4

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 154

Năm 2011

Tên tài khoản: **Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang**

Từ ngày 01/08/2011

Đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
				Nợ	Có
		Số dư đầu quý			
...
31/08/2011	Giá vốn CT “Bệnh viện đa khoa Kiến Thụy”	632		442.014.000
...
31/12/2011		Kết chuyển CP NVL TT, NCTT, SXCT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm” lũy kế đến quý 4	621 622 627	1.038.964.487 420.462.433 206.393.520	
31/12/2011		Kết chuyển giá vốn CT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”	632		<u>1.666.000.440</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kê toán trưởng

Tông giám đốc

(Nguồn dữ liệu: XNXD số 4 - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng)

► **SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT:** Căn cứ vào các chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ ghi các nghiệp vụ phát sinh vào các sổ Chi phí sản xuất kinh doanh mở cho các TK 621, 622, 627, 154 (chi tiết cho từng CT, HMCT).

Từ phiếu xuất kho (**Biểu 2.6**) kế toán vào sổ chi tiết TK 621 mở riêng cho từng công trình.

Biểu 2.29 (Trích sổ chi tiết TK 621)

CÔNG TY CP XD & ĐTHT

Mẫu số S36-DN

Xí nghiệp xây dựng số 4

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2011

Tài khoản: 621

Mã: SP12- Công trình: “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”

Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	SHTKĐƯ'	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kỳ</i>			
PX 01/Q1/SP12	04/08/2011	Mua cọc tre, cây chống thi công nền móng	331	32.460.000	
	
PX 03/Q1/SP12	07/08/2011	Mua xi măng PC 30 độ bê tông lót móng	331	3.125.000	
PX 04/Q1/SP 12	08/08/2011	Mua đinh, gỗ cốp pha, đinh đĩa xây dựng khuôn móng	331	5.601.800	
	31/08/2011	Kết chuyển CP NVL TT tháng 8	15404		232.656.200
	31/08/2011	Cộng phát sinh tháng 8	x	232.656.200	232.656.200
	
	31/12/2011	Kết chuyển CP NVL TT tháng 12	15404		197.397.678
		Cộng phát sinh lũy kế đến quý 4		1.038.964.487	1.038.964.487
		<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

(Nguồn dữ liệu: XNXD số 4 - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng)

Trên cơ sở các bảng thanh toán lương tháng (BTTL) (**Biểu 2.12**) của đội XD Bùi Công Thọ và các đội thi công khác, kế toán xí nghiệp lập sổ chi tiết TK 622 của CT.

Biểu 2.30: (Trích sổ chi tiết TK 622)

CÔNG TY CP XD & ĐTHT

Xí nghiệp xây dựng số 4

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2011

Tài khoản: 622

Mã: SP12 - Công trình: “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”

Từ ngày 1/08/2011

Đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kỳ</i>			
				
BTTL08/SP12	31/08/2011	Tính ra ương phải trả CNTT thi công tháng 8/2011 (đội XD Bùi Công Thọ)	334	41.850.000	
BTTL08/SP12	31/08/2011	Tính ra lương phải trả CNTT thi công tháng 8/2011 (đội cấp pha)	334	14.587.235	
				
		Kết chuyển CP NCTT tháng 8/2011	15404		81.855.040
BTTL09/SP12	30/09/2011	Tính lương phải trả CNTT thi công tháng 9/2011	334	90.556.500	
	30/09/2011	Kết chuyển CP NCTT tháng 9/2011	15404		90.556.500
				
	31/12/2011	Cộng phát sinh, lũy kế đến quý4		420.462.433	420.462.433

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

(Nguồn dữ liệu: XNXD số 4 - Cty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng)

Từ các chứng từ gốc như hóa đơn GTGT (**Biểu 2.16**), phiếu chi (**Biểu 2.17**), Bảng phân bổ lương và bảo hiểm (**Biểu 2.14**)... kế toán phản ánh các khoản CPSXC vào sổ chi tiết TK 627.

Biểu 2.31: (Trích sổ chi tiết TK 627)

CÔNG TY CP XD & ĐTHT
Xí nghiệp xây dựng số 4

Mẫu số: S36- DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2011

Tài khoản: 627

Mã SP: 12 - Tên công trình: “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”
Từ ngày 1/08/2011 Đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐÚ	Ghi Nợ TK					
SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra				
					6271	6272	6273	6277	6278
....	
PC 65/11	13/08	Ông Quang chi tiếp khách	1111	713.000					713.000
....					
HĐ0000179	17/08	Xuất CCDC	242	554.874			554.874		
HĐ 1972019	17/08	Thanh toán tiền điện sáng	33614	2.108.544				2.108.544	
PC73/11 HĐ 0000275	21/08	Trả tiền thuê máy đầm cóc	33614	11.680.000
	
PBL	31/08	Lương nv quản lý	334		27.104.789				
PBL	31/08	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ	338		5.313.503				
		Cộng phát sinh trong tháng 8	x	54.649.744	32.418.292	897.452	994.250	7.946.750	713.000
		
		Cộng phát sinh lũy kế đến quý 4	x	206.393.520	127.845.564	6.952.000	8.965.500	59.643.000	2.987.456

Biểu 2.32: (Trích sổ chi tiết TK 154)

CÔNG TY CP XD & ĐTHT

Xí nghiệp xây dựng số 4

Mẫu số S36-DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2011

Tài khoản: 154

Công trình: “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”

Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	SHTKĐU'	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		<i>Số dư đầu kỳ</i>			
	31/08/2011	<i>Kết chuyển CP NVL TT, NCTT, SXC CT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm” tháng 8/2011</i>	621	232.656.200	
			622	81.855.040	
			627	51.278.704	
				
	31/12/2011	<i>Kết chuyển CP NVL TT, NCTT, SXC CT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm” lũy kế đến quý 4</i>	621	1.038.964.487	
			622	420.462.433	
			627	206.393.520	
	31/12/2011	<i>Kết chuyển giá vốn CT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”</i>	632		<u>1.666.000.440</u>
		<i>Cộng phát sinh, lũy kế đến quý4</i>		<u>1.666.000.440</u>	<u>1.666.000.440</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tổng giám đốc

(Nguồn dữ liệu: XNXD số 4 - Cty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN
CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG****3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng**

Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng là đơn vị có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập. Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng đã hoàn thành tốt mọi yêu cầu nhiệm vụ được Thành phố giao, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách của Nhà nước, đảm bảo tăng trưởng liên tục. Có được kết quả này là nhờ vào nỗ lực phấn đấu của tất cả cán bộ công nhân viên trong Công ty, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của phòng tài chính - kế toán.

Qua thời gian thực tập tại Công ty, được tìm hiểu và tiếp cận với thực tiễn công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng, tuy còn hạn chế về khả năng nhận thức và kinh nghiệm thực tế nhưng qua bài viết này, tác giả xin mạnh dạn trình bày một số ý kiến nhận xét, một vài kiến nghị về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm với mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé của mình để củng cố và hoàn thiện hơn công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty.

3.1.1. Ưu điểm

Công ty Cổ phần Xây dựng và đầu tư là một đơn vị kinh doanh có số lượng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên tục và nhiều. Công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được lãnh đạo đơn vị rất quan tâm để phù hợp với tình hình kinh tế thị trường hiện nay và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Trong công tác quản lý, công tác hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm doanh nghiệp đã đạt được những ưu điểm sau:

Thứ nhất, về tổ chức bộ máy quản lý. Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo cơ cấu trực tuyến chức năng có mối quan hệ chỉ đạo từ trên xuống giúp cho Ban lãnh đạo Công ty thuận tiện trong việc quản lý điều hành.

Thứ hai, về tổ chức bộ máy kế toán: Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình vừa tập trung vừa phân tán. Thêm vào đó, bộ máy kế toán có sự phân nhiệm rõ ràng đối với từng người tạo ra sự ăn khớp nhịp nhàng giữa các phần hành kế toán. Chứng từ sau khi được các xí nghiệp thu thập, kiểm tra xử lý được gửi về phòng kế toán. Phòng kế toán kiểm tra lại tính chính xác, hợp lệ của chứng từ, tổng hợp thực hiện việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo kế toán. Mô hình này là phù hợp với địa bàn, quy mô của doanh nghiệp, đảm bảo quản lý tập trung và thống nhất công tác kế toán, dễ phân công, xử lý và cung cấp thông tin kịp thời giúp lãnh đạo nắm bắt được tình hình hoạt động của Công ty.

Thứ ba, về hệ thống sổ sách, chứng từ, tài khoản sử dụng:

Việc sử dụng chứng từ và luân chuyển chứng từ tại Công ty cơ bản là thực hiện theo đúng quy định của Bộ tài chính ban hành.

Hệ thống sổ sách của Công ty có ưu điểm là đơn giản, gọn nhẹ, không cồng kềnh. Kế toán áp dụng hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản, dễ vận dụng, phù hợp với trình độ năng lực và yêu cầu quản lý của Công ty.

Thứ tư, Công ty thực hiện hình thức khoán gọn cho các xí nghiệp xây dựng thông qua hợp đồng giao khoán. Hình thức này góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động và tăng cường công tác quản trị của Công ty, tuy là hình thức khoán gọn nhưng không phải là hình thức khoán trắng mà có sự quản lý chặt chẽ của các phòng ban cả về khối lượng lẫn chất lượng của công trình thi công.

Thứ năm, Công ty giao quyền chủ động cho các xí nghiệp tự lập kế hoạch mua sắm vật tư theo tiến độ thi công và nhu cầu sử dụng vật tư, vật tư không qua nhập kho mà xuất thẳng đến chân CT. Do vậy, tránh được tình trạng bị tồn đọng vật tư, gây ứ đọng vốn. Quá trình hạch toán nguyên vật liệu trực tiếp ở Công ty về cơ bản là theo dõi được vật tư mua cho thi công công trình thông qua các hoá đơn, chứng từ do xí nghiệp gửi lên.

Thứ sáu, Công ty áp dụng phương pháp tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh là phù hợp với đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản, không để nguyên vật liệu tồn kho gây lãng phí, thất thoát nguyên vật liệu làm tăng giá thành.

Thứ bảy, việc hạch toán chi phí nhân công ở Công ty tương đối rõ ràng, đảm bảo nguyên tắc làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít. Việc áp dụng hình thức trả lương khoán sản phẩm kết hợp với lương thời gian đã tạo điều kiện gắn liền lợi ích vật chất của người lao động với tiến độ thi công.

Thứ tám, về công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán Công ty, cụ thể là kế toán xí nghiệp đã hạch toán CPSX cho từng đơn hàng là các CT, HMCT một cách rõ ràng, đơn giản phục vụ tốt cho yêu cầu quản lý chi phí sản xuất, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng để tính giá thành là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm sản xuất thi công và điều kiện hạch toán.

Những ưu điểm về quản lý, về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đã có tác dụng rất lớn đến việc thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm xây lắp, nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.

3.1.2. Hạn chế

Mặc dù đã đạt được những thành tựu đáng kể nhưng Công ty cũng không tránh được những khó khăn, những tồn tại nhất định, nhất là trong công tác kế toán CPSX và tính GTSP xây lắp.

Thứ nhất, về việc tổ chức công tác kế toán trong điều kiện sử dụng kế toán thủ công. Đối với các doanh nghiệp xây lắp, khối lượng công việc lớn, thời gian thi công dài, công trình nằm rải rác.. việc áp dụng kế toán thủ công gây ra không ít khó khăn cho công việc hạch toán, tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm

Thứ hai, do đặc thù của ngành xây lắp sản phẩm thường đơn chiếc, thời gian thi công dài, địa điểm hoạt động nhiều nơi xa trụ sở Công ty ...nên việc tập hợp các chứng từ gốc ban đầu thường chậm là khó tránh khỏi làm cho công việc kế

toán bị dồn về cuối tháng, dẫn đến việc các số liệu về chi phí phát sinh thực tế được cung cấp không kịp thời cho công tác quản lý.

Thứ ba, Công ty thi công theo phương thức thi công hỗn hợp nhưng chưa tổ chức hạch toán một cách chi tiết rõ ràng hoạt động của đội máy và thiết bị thi công, đồng thời hạch toán chung CPSD MTC vào TK 627 mà không sử dụng TK 623 là chưa đúng với chế độ kế toán hiện hành.

Thứ tư, về việc hạch toán các khoản thiệt hại trong quá trình sản xuất. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, với đặc thù riêng Công ty có thể gặp phải những rủi ro khách quan hay chủ quan. Công ty hạch toán các khoản thiệt hại trong quá trình sản xuất (thiệt hại về sản phẩm hỏng,...) vào CPSXC. Những khoản thiệt hại này không những gây tổn thất cho Công ty mà còn làm CPSX tăng lên, ảnh hưởng đến GTSP.

Thứ năm, Công ty không thực hiện trích KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý xí nghiệp, tổ, đội xây dựng điều này sẽ làm ảnh hưởng đến CPSX trong kỳ và quyền lợi người lao động.

3.1.3 Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Mục tiêu của bất kỳ doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh nào cũng là tìm mọi cách để tối đa hoá lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất gắn liền với quá trình sử dụng vật tư, tài sản, tiền vốn, lao động một cách hiệu quả trên cơ sở tổ chức ngày càng hợp lý quá trình hạch toán chi phí sản xuất phát sinh. Từ đó, cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho các nhà quản lý để kịp đưa ra các quyết định tối ưu, nhằm phân đầu tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm.

Chính vì vậy, hạch toán chi phí sản xuất phải luôn được hoàn thiện. Tuy nhiên, do đặc tính của chi phí sản xuất là vận động, thay đổi không ngừng đồng thời lại mang tính đa dạng và phức tạp gắn liền với tính đa dạng của ngành nghề sản xuất và quá trình sản xuất nên công việc hoàn thiện quá trình sản xuất là rất khó khăn. Nó đòi hỏi tính hợp lý và chính xác ở tất cả các giai đoạn trong quá trình

sản xuất, các bộ phận sản xuất. Do vậy, việc hoàn thiện phải hoàn thiện phải thực hiện được những nội dung sau:

+ Tổ chức và luân chuyển chứng từ một cách có hệ thống, có kế hoạch và hợp lý nhằm tạo điều kiện cho việc tổng hợp số liệu phục vụ yêu cầu quản lý.

+ Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán chi phí thống nhất nhằm phản ánh đầy đủ hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu thông tin và kiểm tra công tác quản lý.

+ Tổ chức lập báo cáo và phân tích báo cáo tài chính kịp thời, hữu hiệu cho việc điều chỉnh và đưa ra các quyết định quản lý cho phù hợp.

Để làm được điều đó, hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm lại phải tuân thủ một số nguyên tắc sau:

+ Năm vững chức năng và nhiệm vụ của tổ chức kế toán nói chung cũng như tổ chức kế toán chi phí sản xuất nói riêng trong hệ thống quản lý tài chính của Công ty.

+ Hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm nói riêng phải tuân theo chế độ, chính sách tài chính kế toán của Nhà nước.

+ Phải xuất phát từ đặc thù về tổ chức quản lý chi phí và yêu cầu cung cấp thông tin chi phí tại Công ty.

+ Kết hợp hài hoà, sáng tạo giữa máy móc thiết bị hiện đại với tiềm năng tri thức của con người. Chỉ có như vậy mới đem lại hiệu quả cao nhất cho công tác kế toán nói chung cũng như kế toán chi phí sản xuất nói riêng.

+ Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty phải dựa trên kết quả đánh giá những tồn tại hiện nay trong công tác quản lý cũng như công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty.

Thực tế tại Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng công tác kế toán tập hợp CPSX và tính GTSP còn tồn tại nhiều nhược điểm. Vì vậy hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp CPSX và tính GTSP tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư hạ tầng là mang tính tất yếu.

3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng

► **Kiến nghị 1: Về việc ứng dụng tin học vào công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp CPSX và tính GTSP tại Công ty.**

Tại Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng, đặc biệt là tại các xí nghiệp, đội xây dựng trực thuộc công tác hạch toán kế toán chủ yếu là thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao hàng tháng cho TSCĐ... Công việc kế toán CPSX và tính GTSP dồn vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Vì vậy Công ty cần nhanh chóng trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

Công ty có thể thuê người viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 103/2005/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán” hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán SAS INNOVA của Công ty CP SIS Việt Nam.
- Phần mềm kế toán MISA của Công ty CP MISA.
- Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING của Công ty CP FAST Việt Nam.

.....

Khi sử dụng phần mềm, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác và kịp thời. Thêm vào đó là tiết kiệm được sức lao động mà hiệu quả công việc vẫn cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản cũng thuận lợi và an toàn hơn.

► **Kiến nghị 2: Về việc tập hợp chứng từ gốc ban đầu**

Việc tập hợp chứng từ gốc nhất là đối với công trình thi công xa trụ sở Công ty thường chậm dẫn đến phản ánh các khoản chi phí phát sinh không kịp thời, dễ gây ra sự nhầm lẫn sai sót trong khi hạch toán. Các số liệu về tình hình chi phí thực

té không được cung cấp kịp thời cho công tác quản lý. Để khắc phục tình trạng này, phòng Kế toán - tài vụ của Công ty cần có những quy định về thời gian nộp chứng từ gốc nhất là đối với những công trình thi công xa trụ sở Công ty (ví dụ phòng tài chính kế toán quy định chứng từ phát sinh ở tháng nào thì đến cuối tháng đội trưởng phải nộp chứng từ gốc về phòng kế toán Công ty) để tránh trường hợp chi phí phát sinh tháng này (kỳ này), tháng sau (kỳ sau) mới được hạch toán.

Cụ thể: Đến tháng 10 kế toán xí nghiệp mới nộp HĐ GTGT tiền điện Tháng 8/2011 về phòng kế toán công ty là chưa phù hợp.

► **Kiến nghị 3: Về việc hạch toán chi phí sử dụng máy thi công**

Công ty thực hiện xây lắp các CT theo phương thức thi công hỗn hợp (vừa thủ công, vừa kết hợp bằng máy), mặc dù Công ty đã theo dõi, quản lý CP SD MTC nhưng kế toán vẫn hạch toán vào TK 627 là chưa phù hợp với chế độ kế toán mới đối với doanh nghiệp xây lắp, dẫn đến làm thay đổi tỷ trọng các khoản mục chi phí trong GTSP.

Công ty nên mở TK 623 " Chi phí sử dụng máy thi công" để tập hợp và phân bổ CP SD MTC phục vụ cho hoạt động xây lắp của CT. Từ đó tạo điều kiện cho việc phân tích, đối chiếu, so sánh giữa các khoản chi phí thực tế phát sinh về máy móc thi công với các định mức dự toán đã lập; cung cấp số liệu chi tiết, chính xác hơn cho công tác tập hợp CPSX, tính GTSP; nâng cao hiệu quả công tác quản lý kinh tế, quản lý sản xuất của Công ty.

Đối với TK 623 có thể mở chi tiết ra các TK cấp 2.

TK 6231 Chi phí nhân công.

TK 6232 Chi phí vật liệu.

TK 6233 Chi phí sử dụng dụng cụ sản xuất.

TK 6234 Chi phí khấu hao máy thi công.

TK 6237 Chi phí dịch vụ mua ngoài.

TK 6238 Chi phí khác bằng tiền.

Đối với MTC thuê ngoài, CP SD MTC để thi công CT nào sẽ được tập hợp trực tiếp vào CT ấy.

Cu thể: Đối với chi phí thuê đầm cóc thi công CT “Trường Trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm” của XNXD số 4, thay vì hạch toán vào TK 6277 như hiện nay, Công ty nên hạch toán vào TK 623 riêng cho CT này, như sau:

Nợ TK 623: 11.680.000

Nợ TK 133: 1.168.000

Có TK 33614: 12.848.000

Sau đó, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 623 và Sổ chi tiết TK 623 mở riêng cho CT này.

► ***Kiến nghị 4: Về các khoản thiệt hại trong sản xuất.***

Thực tế hiện nay tại Công ty xây dựng và đầu tư hạ tầng trong quá trình thi công các CT, HMCT có những thời điểm Công ty phải bỏ ra chi phí nhưng không đem lại kết quả vì các nguyên nhân khác nhau tác động tới như: thiên tai, hoả hoạn, trình độ tay nghề của công nhân, nguyên vật liệu không đảm bảo chất lượng...

Các khoản chi phí thiệt hại trong quá trình sản xuất bao gồm: Giá trị công trình bị phá bỏ do không đảm bảo chất lượng, chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí khác để làm lại vẫn được kế toán hạch toán vào TK 621, 622, 627 để tính giá thành.

Sản phẩm hỏng là những sản phẩm không thoả mãn các tiêu chuẩn về chất lượng và đặc điểm kỹ thuật ... Khi phát sinh các khoản chi phí thiệt hại đó đương nhiên làm cho giá thành CT, HMCT tăng lên. Vì vậy trước khi hạch toán khoản thiệt hại này Công ty nên tìm hiểu nguyên nhân của sản phẩm hỏng để có biện pháp xử lý.

Cu thể: Với khoản thiệt hại 22.069.290 đồng của CT “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”, công ty cần quy trách nhiệm rõ ràng:

- Nếu do công nhân thi công sai thiết kế, kỹ thuật thì tổ đội thi công phải chịu trách nhiệm, đồng thời phải theo dõi khoản thu hồi.

- Nếu do sự kiện khách quan: thiên tai, hoả hoạn... phải theo dõi chờ xử lý và sau đó căn cứ vào quyết định xử lý để tính vào chi phí bất thường...

- Phần giá trị thiệt hại trong định mức cho phép mới được tính vào GTCT.

► **Kiến nghị 5: Về việc trích KPCĐ trên lương nhân viên quản lý xí nghiệp**

Công ty nên tiến hành trích KPCĐ. Khác với BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ được trích lập theo tỷ lệ quy định trên tổng số tiền lương thực tế phải trả cho người lao động phát sinh trong tháng. Tỷ lệ trích KPCĐ hiện nay là 2% trên tổng quỹ lương thực tế của người lao động, được tính cả vào giá thành CT, HMCT.

Đề hạch toán KPCĐ, kế toán sử dụng TK 338 “Phải trả, phải nộp khác”, chi tiết TK cấp 2 là TK 3382 – Kinh phí công đoàn.

Cụ thể: Khoản KPCĐ phải trích trong tháng 8/2011 của bộ phận gián tiếp thi công CT “Trường Trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm” tại XNXD số 4 là 542.096 đồng. Khi Công ty trích KPCĐ, kế toán ghi:

Nợ TK 6271: 542.096

Có TK 3382: 542.096

Như vậy CPXS tháng 8/2011 sẽ tăng thêm 542.096 đồng làm giá thành CT này tăng lên số tiền tương ứng, kế toán trích lập KPCĐ tương tự với các tháng khác và các CT, HMCT khác. Khoản trích này sẽ được thể hiện trên bảng phân bổ tiền lương và BHXH như các khoản trích khác.

Công ty cần phải lập lại Bảng phân bổ lương và bảo hiểm tháng 8/2011 (Biểu 2.33)

Biểu 2.33: (Lập lại Bảng PBL và BH)

CÔNG TY CP XD & ĐHTT
Xí nghiệp xây dựng số 4

BẢNG PHÂN BỐ LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM
Tháng 8/2011 Số: BPBL T8/2011

TK Ghi Có	TK 334		TK 338					TK 338	Thực lĩnh
	Tiền lương cơ bản	Tiền lương thực tế	Tính vào chi phí					Trừ vào lương (8,5 %)	
			BHXXH (16%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	KPCĐ (2%)	Cộng		
TK 622									
- CT: “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”		81.855.040	-	-	-	-	-	-	81.855.040
- CT: “Đường du lịch Đồi Độc -Đồ Sơn		154.879.000	-	-	-	-	-	-	154.879.000
.....	-	-	-	-	-	-	
TK 627									
- CT: “Trường trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm”	23.854.789	27.104.789	3.816.766	715.643	238.548	542.096	5.313.503	2.027.657	25.077.132
- CT: “Đường du lịch Đồi Độc -Đồ Sơn	58.479.300	63.874.894	9.356.688	1.754.379	584.793	1.277.498	14.052.477	4.970.741	58.904.154
.....
Cộng	323.854.789	388.954.789	51.816.766	9.715.644	3.238.58	7.779.096	85.570.054	27.527.67	361.427.132

Ngày 31 tháng 08 năm 2011

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

► **Các kiến nghị khác:**

① **Về việc kiểm soát số lượng NVL thực tế sử dụng**

Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Để giám sát tình hình sử dụng vật liệu theo định mức khoán tránh tình trạng lãng phí vật liệu, định kỳ Công ty nên cử các cán bộ kế toán đi kiểm tra sổ vật liệu đã sử dụng, khối lượng công việc đã hoàn thành trên cơ sở vật liệu đối chiếu với định mức khoán và yêu cầu chỉ huy trưởng, thủ kho công trường cùng với đại diện của Công ty phải thực hiện kiểm kê vật tư tại chân công trình, lập biên bản kiểm kê vật tư.

② **Về chi phí tiền lương cho người lao động.**

+ **Lương nhân viên trực tiếp thi công xây, lắp CT:** Hiện tại nhân công trong Công ty chủ yếu là do thuê khoán. Công ty nên tổ chức tuyển dụng, đào tạo công nhân làm việc lâu dài cho Công ty. Đối với những công nhân có trình độ tay nghề cao, thái độ và ý thức làm việc tốt Công ty có thể trích các khoản trích theo lương, lập quỹ các khoản thưởng, phụ cấp, ... để tạo động lực cho người lao động phát huy hết khả năng, ý thức trách nhiệm đối với Công ty.

+ **Lương bộ phận gián tiếp:** đối với các kỹ sư, kỹ thuật viên công trình, kế toán các xí nghiệp, đội xây dựng, khối lượng công việc là tương đối lớn, điều kiện làm việc lại không được thuận lợi, đòi hỏi tinh thần trách nhiệm cao. Do vậy, Công ty cần có chính sách khuyến khích hơn nữa với những nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ như: tăng thưởng, phụ cấp lao động...

③ **Công ty nên mua sắm thêm các thiết bị xây dựng và MTC hiện đại:** để đáp ứng tốt nhất mọi yêu cầu kỹ thuật của các CT mà Công ty tiến hành thi công Công ty có thể mua sắm thêm một số máy móc như: máy thủy bình, máy vận thăng, máy ủi, máy xúc, ô tô tự đổ,...

④ **Sử dụng phiếu kế toán**

Công ty nên sử dụng các phiếu kế toán làm chứng từ nội sinh để thực hiện việc kết chuyển.

Cu thể: Đối với CT “Trường Trung học nghiệp vụ quản lý lương thực thực phẩm, cuối tháng kế toán kết chuyển các chi phí phát sinh trong kỳ: chi phí NVL trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung sang TK 154; phiếu kế toán như sau:

+) *Khi kết chuyển các khoản mục chi phí tính GT công trình:*

Biểu 2.34

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG

Xí nghiệp xây dựng số 4

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 01/12

TT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền		Chi tiết			
		Nợ	Có	Nợ	Có	SP10	SP11	SP12
1	Kết chuyển CPNVLTT	154	621	5.309.757.892	5.309.757.892			1.038.964.487	
2	Kết chuyển CPNCTT	154	622	1.969.748.895	1.969.748.895			420.642.143	
3	Kết chuyển CP SXC	154	627	1.284.618.845	1.284.618.845			206.393.520	
	Cộng			8.564.125.632	8.564.125.632			1.666.000.440	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khi công ty sử dụng TK 623 để hạch toán chi phí sử dụng máy thi công thì trên phiếu kế toán này sẽ có thêm nội dung “Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công”.

+) *Khi hoàn thành, bàn giao công trình:*

Biểu 2.35

CÔNG TY CP XD & ĐTHT
Xí nghiệp xây dựng số 4

PHIẾU KẾ TOÁN
Số: 02/12

Nội dung	Tài khoản		Số tiền	
	Nợ	Có	Nợ	Có
Kết chuyển giá vốn CT: Trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp dạy nghề III Hải Phòng	632	154	1.666.000.440	1.666.000.440
Cộng			1.666.000.440	1.666.000.440

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

⊗ Công ty nên tiến hành phân tích sự biến động của từng khoản mục giá thành.

Giá thành sản phẩm là cơ sở để xác định giá bán sản phẩm. Khoản mục CP NVL TT, CP NCTT và CP SXC là 3 khoản mục chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, có ảnh hưởng nhiều đến tình hình giá thành sản phẩm. Tuy mỗi CT đều căn cứ vào dự toán để tiến hành thi công, nhưng các CT Công ty thi công thường có quy mô lớn, thời gian kéo dài, có khi do nhiều bộ phận cùng đảm nhiệm. Vì vậy Công ty nên phân tích tình hình biến động của từng khoản mục giá thành đến biến động GTSP vào cuối mỗi kỳ để có thể kiểm soát tốt CPSX và GTSP, tìm ra nguyên nhân tăng (giảm) GTSP để có thể có biện pháp tiết kiệm chi phí, hạn chế sự lãng phí trong thi công, hạ GTSP.

Trên đây là một số ý kiến của tác giả nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Tuy nhiên, để thực hiện được những giải pháp trên Công ty còn phải căn cứ vào nhiều yếu tố khách quan cũng như chủ quan liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

3.3 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng.

3.3.1 Về phía Nhà nước

Hiện nay, nền kinh tế nước ta đang hội nhập một cách mạnh mẽ với việc xây dựng nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh bình đẳng. Chính vì vậy nhà nước cần phải tiếp tục nghiên cứu nhằm hoàn thiện chế độ tài chính nói chung và chế độ kế toán nói riêng trên nguyên tắc tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán quốc tế và phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ có tính phổ biến của kế toán các nước có nền kinh tế thị trường. Từ đó có tính áp dụng cao đối với chế độ kế toán tại Việt Nam.

3.3.2 Về phía Doanh nghiệp

Đứng trước những sự thay đổi của nền kinh tế đất nước và chính sách kinh tế mở cửa, các doanh nghiệp nên tìm ra các biện pháp kế toán sao cho hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp mình, cập nhật các chuẩn mực, quy định, thông tư và hướng dẫn mới về kế toán, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán của Công ty.

Các doanh nghiệp phải thường xuyên tổ chức và cử nhân viên kế toán của Công ty mình tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ để có thể theo kịp được những thay đổi trong chế độ kế toán nói chung và khuyến khích họ tự học tập, nghiên cứu để hoàn thiện và áp dụng các chính sách mới đó vào doanh nghiệp một cách phù hợp đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty, đồng thời đảm bảo đúng nguyên tắc và chế độ kế toán.

KẾT LUẬN

Có thể nói, trong các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp xây lắp nói riêng, kế toán giữ một vai trò quan trọng trong công tác quản lý tài chính. Để phát huy hơn nữa vai trò, hiệu lực của kế toán, công tác kế toán luôn được cải tiến và hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp cũng như yêu cầu quản lý của nhà nước.

Trong thời gian thực tập tại Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng, tác giả đã có điều kiện tìm hiểu việc tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp của đơn vị. Được sự hướng dẫn nhiệt tình của cô giáo - Ths. Hoàng Thị Ngà và các cô các chị trong phòng Kế toán - Tài vụ của Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng tác giả đã hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài: "Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng". Kết hợp những lý luận đã được học ở trường với việc tìm hiểu thực tế tổ chức hoạt động sản xuất và công tác kế toán, chuyên đề đã nêu được thực trạng công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng. Từ đó đưa ra một số ý kiến đóng góp với nguyện vọng hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Mặc dù em đã cố gắng rất nhiều, nhưng do thời gian thực tập và trình độ, năng lực có hạn nên khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế nhất định. Em rất mong nhận được sự quan tâm góp ý và chỉ bảo của các thầy, cô giáo trong khoa cũng như các cán bộ, nhân viên phòng Kế toán - Tài vụ của Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng để khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin bày tỏ sự biết ơn chân thành tới cô giáo - Ths. Hoàng Thị Ngà, các thầy cô giáo bộ môn cùng các cô, các chị trong phòng Kế toán - Tài vụ của Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng đã tận tình giúp đỡ em trong suốt thời gian thực tập vừa qua.

Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2012

Sinh viên

CAO THỊ HẢI LINH

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2008), *Chế độ kế toán doanh nghiệp*, quyển 1, 2, NXB thống kê.
2. Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.
3. PGS.TS. Đặng Thị Loan (2006), giáo trình *Kế toán tài chính doanh nghiệp*, Đại học kinh tế quốc dân, NXB đại học kinh tế quốc dân.
4. TS. Phan Đức Dũng (2009), giáo trình *Kế toán tài chính*, NXB thống kê.
5. TS. Huỳnh Lợi (2010), giáo trình *Kế toán chi phí*, Đại học kinh tế TP.HCM, NXB giao thông vận tải.
6. PGS.TS. Võ Văn Nhị (2008), giáo trình *Kế toán doanh nghiệp xây lắp 2008*, Đại học kinh tế TP.HCM, NXB giao thông vận tải.
7. Tạp chí Kế toán.
8. Các tài liệu của Công ty CP Xây dựng và Đầu tư hạ tầng.
9. Một số bài khóa luận năm trước.